

Hà Nội, ngày 8 tháng 4 năm 2025
HaNoi, day month year

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ
PERIODIC INFORMATION DISCLOSURE

Kính gửi: - Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở giao dịch Chứng khoán TP Hồ Chí Minh
To: - State Securities Commission
- Ho chi minh Stock Exchange

- Tên tổ chức/ Name of organization: Tổng công ty cổ phần Bảo hiểm Petrolimex /Petrolimex Insurance Corporation
- Mã Chứng khoán/ Stock code: PGI
- Địa chỉ/Address: Tầng 21,22 - Tòa nhà Mipec, 229 Tây Sơn, Đống Đa, Hà Nội
- Điện thoại/ Tel: 0243.7760867 Fax: 0243.7760868
- Người được ủy quyền CBTT/ Person authorized to disclose information: Ông/Mr Trần Anh Tuấn
- Chức vụ/ Position: Phó Tổng giám đốc/ Deputy General Manager
- Nội dung công bố thông tin/ Contens of disclosure: Báo cáo thường niên năm 2024/ Annual report 2024.

Thông tin này đã được công bố trên website của PJICO ngày 08/04/2025 theo đường dẫn/
This information was published on the company's website on April 8, 2025 as in the link:

<https://www.pjico.com.vn/danh-muc-tai-chinh-co-dong/bao-cau-thuong-nien>

Tôi cam kết các thông tin công bố dưới đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố/ We hereby certify that the information provide is true and correct and we bear the full responsibility to the law./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT,BTH.



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Trần Anh Tuấn



2024 ANNUAL
REPORT

Tiếp bước **Tinh hoa**
Lan tỏa bền vững



30 Năm

Tiếp bước **Tinh hoa** **Lan tỏa** bền vững

Năm 2024 - 2025 có ý nghĩa đặc biệt quan trọng với Tổng công ty CP Bảo hiểm Petrolimex (PJICO) bởi đây là thời điểm PJICO kỷ niệm 30 năm thành lập.

Ba thập kỷ không chỉ là mốc son trên chặng đường phát triển của PJICO mà còn là hành trình kế thừa những giá trị tinh hoa đã hun đúc qua thời gian làm nên phẩm chất, văn hóa doanh nghiệp.

Trong bối cảnh kinh tế xã hội còn nhiều khó khăn và diễn biến khó lường, ẩn chứa nhiều thách thức, chúng tôi chọn thông điệp “Tiếp bước tinh hoa – Lan tỏa bền vững” vì PJICO tin rằng, trong một thế giới đầy biến động, việc kiên định với những giá trị cốt lõi nền tảng và cam kết phát triển lâu dài mới giúp công ty duy trì được đà tăng trưởng ổn định, kiến tạo nên tương lai thịnh vượng cho quý cổ đông, đối tác và khách hàng.

MỤC LỤC

01

GIỚI THIỆU CHUNG

- 08 Thông điệp của Chủ tịch HĐQT
- 10 Thông tin chung
- 12 Sản phẩm dịch vụ của PJICO
- 14 Tầm nhìn, sứ mệnh, giá trị cốt lõi
- 16 Mạng lưới hoạt động
- 18 Hành trình 30 năm phát triển
- 20 Dấu ấn PJICO năm 2024

02

TỔ CHỨC NHÂN SỰ

- 24 Sơ đồ tổ chức
- 25 Báo cáo nhân sự năm 2024
- 26 Giới thiệu HĐQT
- 28 Giới thiệu Ban Điều hành
- 29 Giới thiệu Ủy ban Kiểm toán

03

BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2024

- 32 Thành viên và cơ cấu Ban điều hành
Kết quả hoạt động PJICO năm 2024
- 34 Tổng quan thị trường bảo hiểm năm 2024
- 36 Kết quả hoạt động kinh doanh 2024
- 38 Báo cáo đầu tư và tình hình thực hiện các dự án
- 44 Các giải pháp trọng tâm năm 2025
- 48 Cơ cấu cổ đông thay đổi vốn đầu tư và chủ sở hữu
- 48 Công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực
- 49 Công tác chuyển đổi số
- 51 Kịch bản công tác quản trị rủi ro
- 52 Đánh giá của HĐQT
- 53 Đánh giá của Ủy ban Kiểm toán

04

QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

- 56 Thành viên & Cơ cấu HĐQT
- 58 Báo cáo hoạt động của HĐQT
- 61 Hoạt động của Các Ban thuộc HĐQT
- 62 Định hướng hoạt động của HĐQT năm 2025
- 64 Ủy ban Kiểm toán
- 65 Giao dịch, thù lao và đảm bảo lợi ích
cổ đông và các nhà đầu tư
- 66 Đánh giá tình hình thực hiện quản trị Công ty
dựa trên thẻ điểm quản trị Công ty khu vực Asean

05

BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

- 80 Thông điệp của Lãnh đạo về Phát triển bền vững
Chiến lược phát triển bền vững của Pjico
- 82 Định hướng và mục tiêu phát triển bền vững
- 85 Quản trị phát triển bền vững
- 87 Trách nhiệm và hành động với các bên liên quan
- 88 Trọng yếu phát triển và đánh giá tác động
tới Kinh tế - Xã Hội - Môi trường
- 92 Báo cáo chuyên sâu các trọng yếu phát triển
của PJCO năm 2024

06

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

- 106 Thông tin về doanh nghiệp
- 107 Báo cáo của Ban Tổng giám đốc
- 108 Báo cáo kiểm toán độc lập
- 110 Bảng cân đối kế toán
(Mẫu số B 01 - DNPNT)
- 114 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
(Mẫu số B 02 - DNPNT)
- 117 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
(Mẫu số B 03 - DNPNT)
- 118 Thuyết minh báo cáo tài chính (Mẫu số B 09 - DNPNT)

01

GIỚI THIỆU CHUNG

Thông điệp của Chủ tịch HĐQT	08
Thông tin chung	10
Sản phẩm dịch vụ của PJICO	12
Tầm nhìn, sứ mệnh, giá trị cốt lõi	14
Mạng lưới hoạt động	16
Hành trình 30 năm phát triển	18
Dấu ấn PJICO năm 2024	20



THÔNG điệp CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

“
Nhờ chiến lược bền vững và hoạt động hiệu quả, PJICO tiếp tục duy trì xếp hạng tín nhiệm cao trên thị trường bảo hiểm phi nhân thọ, khẳng định uy tín và tiềm lực tài chính vững chắc. Không chỉ tập trung vào tăng trưởng, PJICO còn đề cao trách nhiệm xã hội, đóng góp thiết thực cho cộng đồng.”

Kính gửi Quý Cổ đông,
Quý Khách hàng và Quý Đối tác!

Năm 2024 đã khép lại với nhiều biến động khó lường của nền kinh tế và thị trường bảo hiểm. Những thách thức từ xung đột chính trị toàn cầu, áp lực lạm phát và biến đổi khí hậu đã ảnh hưởng đáng kể đến hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp, trong đó có PJICO. Đặc biệt, tại Việt Nam, cơn bão số 3 – Yagi đã gây thiệt hại nghiêm trọng về người và tài sản, làm gia tăng tổn thất bảo hiểm và thử thách năng lực bồi thường của toàn ngành.

Trong bối cảnh đầy thách thức đó, với sự đồng hành và tin tưởng của Quý Cổ đông, Khách hàng, cùng quyết tâm của toàn hệ thống, PJICO đã vững vàng vượt qua khó khăn, duy trì đà tăng trưởng và hoàn thành toàn diện kế hoạch kinh doanh năm 2024 mà Đại hội đồng Cổ đông đã đề ra. Kết thúc năm, doanh thu và lợi nhuận của PJICO đều vượt kế hoạch, thể hiện sự ổn định và phát triển vững mạnh của doanh nghiệp. Tổng

doanh thu năm 2024 đạt 5.279 tỷ đồng, hoàn thành 110,7% kế hoạch, tăng 8,9% so với năm 2023, trong đó doanh thu phí bảo hiểm gốc đạt 4.396 tỷ đồng, hoàn thành 109,2% kế hoạch, tăng 9,3% so với năm 2023; lợi nhuận trước thuế đạt 291,2 tỷ đồng, tăng 2,6% so với cùng kỳ.

Năm 2024 đánh dấu nhiều bước tiến quan trọng của PJICO, không chỉ về kết quả kinh doanh khả quan mà còn ở những đổi mới chiến lược. Sau ba thập kỷ gắn bó với logo màu xanh – cam quen thuộc, tháng 6/2024, PJICO chính thức ra mắt bộ nhận diện thương hiệu mới, khẳng định bước chuyển mình mạnh mẽ trên hành trình phát triển. Song song đó, Tổng công ty cũng đẩy mạnh các dự án công nghệ thông tin trọng điểm, nâng cao năng lực vận hành và tối ưu trải nghiệm khách hàng. Nhờ chiến lược bền vững và hoạt động hiệu quả, PJICO tiếp tục duy trì xếp hạng tín

ÔNG PHẠM THANH HẢI
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

hiệm cao trên thị trường bảo hiểm phi nhân thọ, khẳng định uy tín và tiềm lực tài chính vững chắc. Không chỉ tập trung vào tăng trưởng, PJICO còn đề cao trách nhiệm xã hội, đóng góp thiết thực cho cộng đồng. Trong năm 2024, Tổng công ty đã dành 4,8 tỷ đồng cho các chương trình an sinh xã hội, từ thiện. Đặc biệt, trước những thiệt hại do bão số 3 – Yagi gây ra, PJICO kịp thời hỗ trợ 1,4 tỷ đồng cho các địa phương, gia đình nạn nhân bị ảnh hưởng bởi bão và hoàn lưu, góp phần khắc phục hậu quả thiên tai.

Bước sang năm 2025, đón chào dấu mốc tuổi 30 PJICO xác định sẽ tiếp tục kiên định với định hướng **"Tăng trưởng hiệu quả - Phát triển bền vững"**. Tiếp nối tinh hoa và kế thừa các giá trị truyền thống trong suốt ba thập kỷ qua, tôi tin tưởng rằng, dưới sự chỉ đạo sát sao của Hội đồng Quản trị cùng Ban Điều hành, sự nỗ lực bền bỉ của

1600 CBNV, sự tin tưởng của Quý Cổ đông và hàng chục triệu Khách hàng, PJICO sẽ hoàn thành tốt các mục tiêu đề ra trong năm 2025, đồng thời đóng góp tích cực cho cổ đông, khách hàng, cộng đồng và xã hội, góp phần vào sự thịnh vượng của đất nước trong kỷ nguyên Vươn mình của dân tộc.

Trân trọng!

Chủ tịch HĐQT
PHẠM THANH HẢI

THÔNG TIN CHUNG

Tên giao dịch tiếng Việt
Tên giao dịch tiếng Anh
Giấy CNĐKDN số

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM PETROLIMEX
PETROLIMEX INSURANCE CORPORATION
67-GP/KDBH

Địa chỉ
Điện thoại
Website
Mã cổ phiếu

Tầng 21,22 Tòa nhà Mitec Tower, 229 Tây Sơn, Đống Đa, Hà Nội
(024) 3776-0867/ Fax: (024) 3776-0868, 3776-3283
www.pjico.com.vn
PGI tại sàn giao dịch chứng khoán TP.HCM (HOSE)

VỐN ĐIỀU LỆ (TỶ ĐỒNG)

1.109

VỐN CHỦ SỞ HỮU (TỶ ĐỒNG)

1.907

TỔNG TÀI SẢN

8.425

CỔ ĐÔNG CHIẾN LƯỢC



TẬP ĐOÀN XĂNG DẦU VIỆT NAM (PETROLIMEX)

Samsung
Fire & Marine Insurance

SAMSUNG FIRE & MARINE INSURANCE CO., LTD. (SFMI)



NGÂN HÀNG NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM (Vietcombank)

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

Bảo hiểm phi nhân thọ; Tái bảo hiểm; Hoạt động đầu tư theo quy định của pháp luật.

Tái bảo hiểm

Bảo hiểm phi nhân thọ

Hoạt động đầu tư



Bảo hiểm
Xe cơ giới



Bảo hiểm
Sức khỏe & Du lịch



Bảo hiểm
Tài sản & Hồn hợp



Bảo hiểm
Kỹ thuật



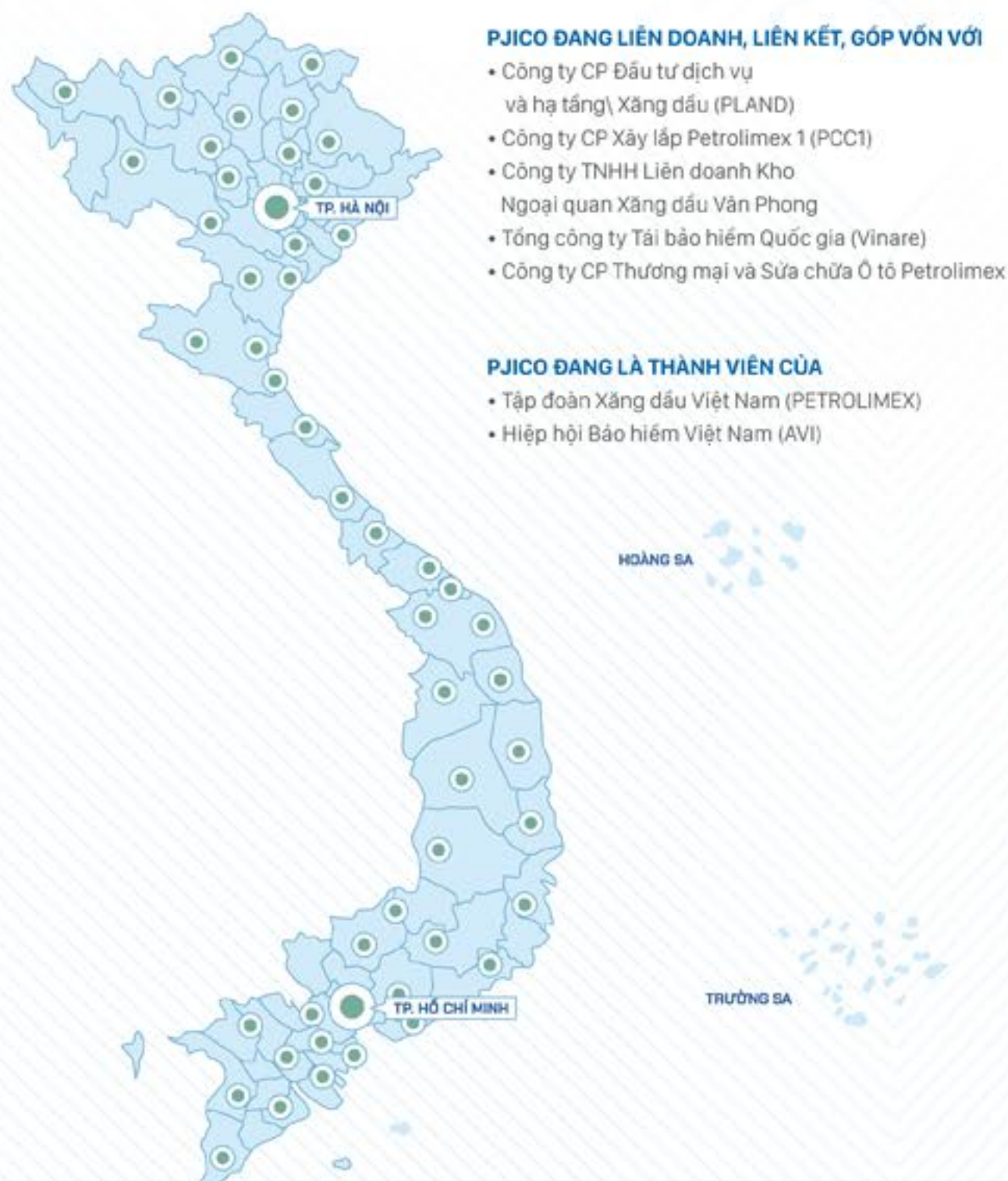
Bảo hiểm
Hàng Hải



Bảo hiểm
hàng không

MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Petrolimex được phép hoạt động trong và ngoài lãnh thổ Việt Nam phù hợp với quy định của pháp luật. Trong đó các địa bàn trọng điểm tại Việt Nam bao gồm: Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Hải Phòng, Đà Nẵng, Cần Thơ, Đồng Nai, Bình Dương ...



63 Đơn vị thành viên trên toàn quốc Chia thành 6 cụm

CỤM 1

01	PJICO Đồng Đô (DDO)
02	PJICO Hà Nội (HNO)
03	PJICO Hà Thành (HTH)
04	PJICO Thăng Long (TLO)
05	PJICO Thủ Đô (TDO)
06	PJICO Tràng An (TRA)
07	PJICO Vĩnh Phúc (VPH)
08	PJICO Bắc Ninh (BNI)
09	PJICO Hưng Yên (HYE)

CỤM 2

10	PJICO Quảng Ninh (QNI)
11	PJICO Bạch Đằng (BDA)
12	PJICO Hải Phòng (HPH)
13	PJICO Hải Dương (HDU)
14	PJICO Nam Định (NDI)
15	PJICO Thái Bình (TBI)
16	PJICO Hà Nam (HNA)
17	PJICO Thanh Hóa (THO)
18	PJICO Nghệ An (NAN)
19	PJICO Hà Tĩnh (HTI)

CỤM 3

20	PJICO Bắc Giang (BGI)
21	PJICO Hà Giang (HGI)
22	PJICO Lạng Sơn (LSO)
23	PJICO Phú Thọ (PTH)
24	PJICO Thái Nguyên (TNG)
25	PJICO Tuyên Quang (TQU)
26	PJICO Hòa Bình (HBI)
27	PJICO Lào Cai (LCA)
28	PJICO Sơn La (SLA)
29	PJICO Yên Bái (YBA)

CỤM 4

30	PJICO Bình Định (BDI)
31	PJICO Đà Nẵng (DNA)
32	PJICO Đắk Lắk (DLA)
33	PJICO Gia Lai (GLA)
34	PJICO Huế (HUE)
35	PJICO Khánh Hòa (KHO)
36	PJICO Lâm Đồng (LDO)
37	PJICO Phú Yên (PYE)
38	PJICO Quảng Bình (QBI)
39	PJICO Quảng Nam (QNA)
40	PJICO Quảng Ngãi (QNG)
41	PJICO Quảng Trị (QTR)

CỤM 5

42	PJICO Bến Thành (BTA)
43	PJICO Bình Dương (BDU)
44	PJICO Bình Phước (BPH)
45	PJICO Bình Thuận (BTH)
46	PJICO Đồng Nai (DNI)
47	PJICO Đông Sài Gòn (DSG)
48	PJICO Gia Định (GDI)
49	PJICO Sài Gòn (SGO)
50	PJICO Tân Bình Dương (TBD)
51	PJICO Tây Ninh (TNI)
52	PJICO Thủ Đức (TDU)
53	PJICO Vũng Tàu (VTA)

CỤM 6

54	PJICO An Giang (AGI)
55	PJICO Bạc Liêu (BLI)
56	PJICO Cà Mau (CMA)
57	PJICO Cần Thơ (CTH)
58	PJICO Đồng Tháp (DTH)
59	PJICO Kiên Giang (KGI)
60	PJICO Long An (LAN)
61	PJICO Sóc Trăng (STR)
62	PJICO Tiền Giang (TGI)
63	PJICO Trà Vinh (TVI)

SẢN PHẨM DỊCH VỤ





TẦM NHÌN



Trở thành nhà bảo hiểm phi nhân thọ hàng đầu Việt Nam về chất lượng và hiệu quả, kiên định với định hướng phát triển kinh doanh bền vững.



SỨ MỆNH



Mang đến những sản phẩm bảo vệ toàn diện bằng dịch vụ tận tâm, đóng góp tích cực vào sự phát triển bền vững của cộng đồng.



GIÁ TRỊ CỐT LÕI



Trên chặng đường phát triển bền vững, văn hóa PJICO luôn được phát huy và bồi đắp bởi các giá trị: Khởi nguồn từ **TÂM**, giữ gìn uy **TÍN**, chất lọc **TINH** túy, vững bước **TIẾN** xa.

TÂM - Tâm trong "Tận Tâm"

Luôn suy nghĩ và hành động xuất phát từ triết lý lấy **TÂM** làm gốc với mong muốn dành trọn **TÂM** cống hiến cho khách hàng, đối tác, cổ đông, cán bộ nhân viên và xã hội.

TÍN - Tín trong "Uy tín"

Hành động với chữ **TÍN** đặt lên hàng đầu, tạo dựng, gìn giữ, củng cố lòng tin và sự tin nhiệm từ khách hàng, đối tác.

TINH - Tinh trong "Tinh tế, Tinh hoa" Đó là sự kỹ lưỡng, cẩn trọng trong từng chi tiết. Là sự chất lọc tinh túy, kế thừa những giá trị tinh thần, kinh nghiệm của các thế hệ đi trước, kết hợp với đổi mới để không ngừng nâng cao chất lượng dịch vụ, sản phẩm, phục vụ khách hàng và cộng đồng.

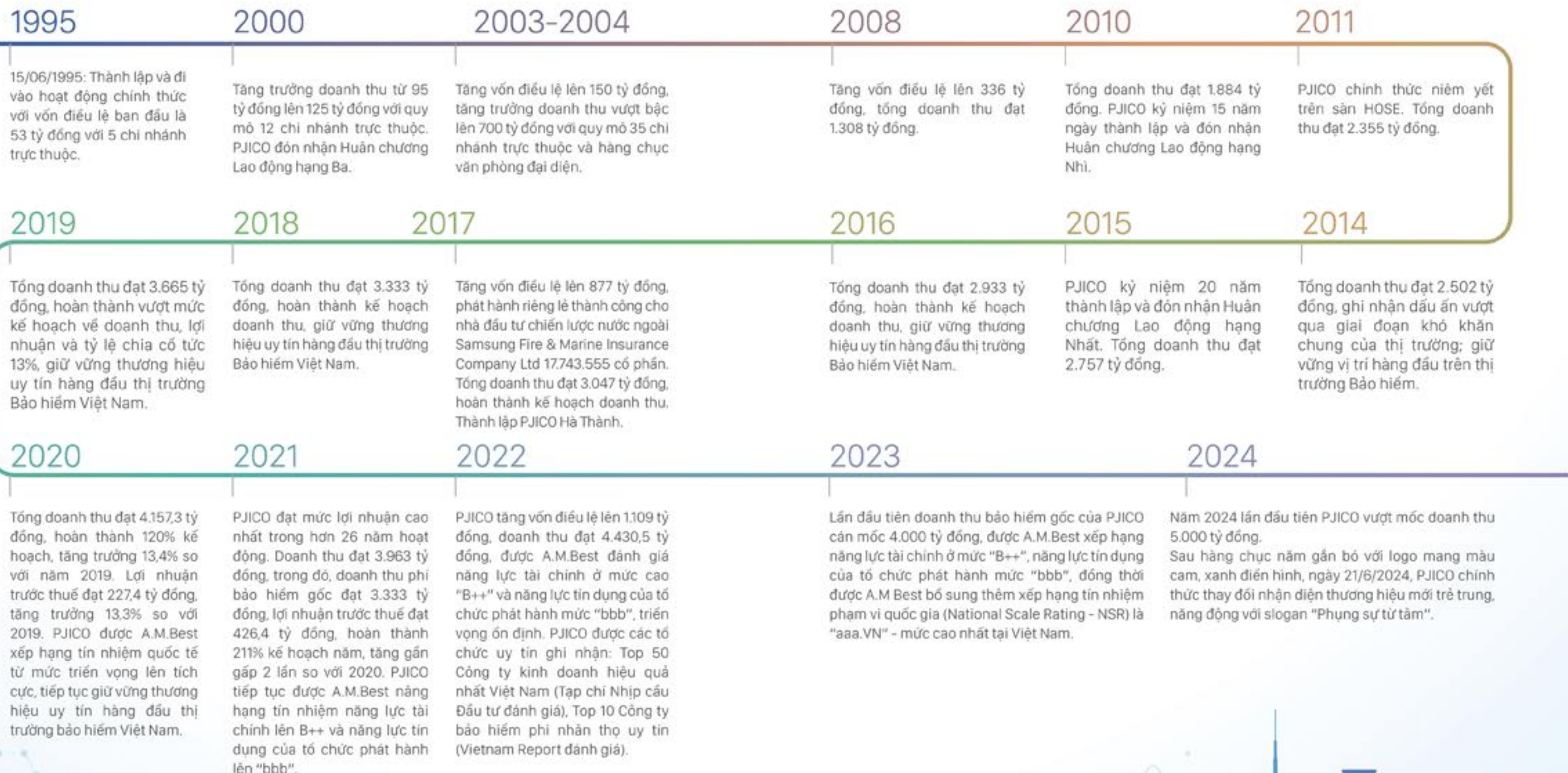
TIẾN - Tiến trong "Tiến xa"

Tinh thần luôn chủ động, vững bước **TIẾN** xa trên hành trình phát triển, bứt phá khỏi giới hạn hiện tại, chinh phục tầm cao mới, cam kết tạo ra các giá trị vượt trội và lợi ích bền vững cho doanh nghiệp và cộng đồng.



HÀNH TRÌNH 30 NĂM PHÁT TRIỂN

Ngày thành lập: 15/6/1995 | Ngày niêm yết: 29/7/2011



DẤU ẤN PJICO 2024



01

LẦN ĐẦU TIÊN TỔNG DOANH THU VƯỢT MỐC 5.000 TỶ

Năm 2024 Tổng doanh thu PJICO đạt 5.279 tỷ đồng, tăng 8,9% so với năm 2023, đạt 110,7% kế hoạch. Lợi nhuận trước thuế đạt 291,2 tỷ đồng, tăng 2,6% so với năm 2023, hoàn thành 100,8% kế hoạch, là một trong những đơn vị top đầu thị trường về hoạt động kinh doanh hiệu quả.



02

RA MẮT BỘ NHẬN DIỆN THƯƠNG HIỆU MỚI

Sau 29 năm hình thành phát triển, ngày 21/6/2024, PJICO đã ra mắt logo và bộ nhận diện thương hiệu mới hiện đại, lan toả tinh thần tận tâm phục vụ khách hàng và cam kết phát triển mạnh mẽ.



03

TRIỂN KHAI THÀNH CÔNG NHIỀU DỰ ÁN CNTT, SẴN SÀNG CHIẾN LƯỢC ESG

Triển khai thành công nhiều dự án về CNTT theo chiến lược chuyển đổi số của TCT nhằm phục vụ công tác quản trị, bán hàng và nâng cao trải nghiệm của khách hàng. Từng bước thực hiện chiến lược chuyển đổi xanh ESG.



04

KẾT DƯ QUỸ DỰ PHÒNG DAO ĐỘNG LỚN THUỘC TOP ĐẦU THỊ TRƯỜNG

TCT tiếp tục bổ sung trích lập tăng kết dư Quỹ dự phòng dao động lớn thuộc top đầu thị trường đảm bảo năng lực tài chính và cam kết với khách hàng.



05

GIỮ VỮNG VÀ DUY TRÌ XẾP HẠNG TÍN NHIỆM QUỐC TẾ

khẳng định uy tín thương hiệu trong ngành bảo hiểm Việt Nam: tiếp tục được A.M.Best xếp hạng năng lực tài chính "B++" (tốt), năng lực tín dụng của tổ chức phát hành mức "bbb" (tốt), xếp hạng tín nhiệm quốc gia (National Scale Rating - NSR) là "aaa.VN".

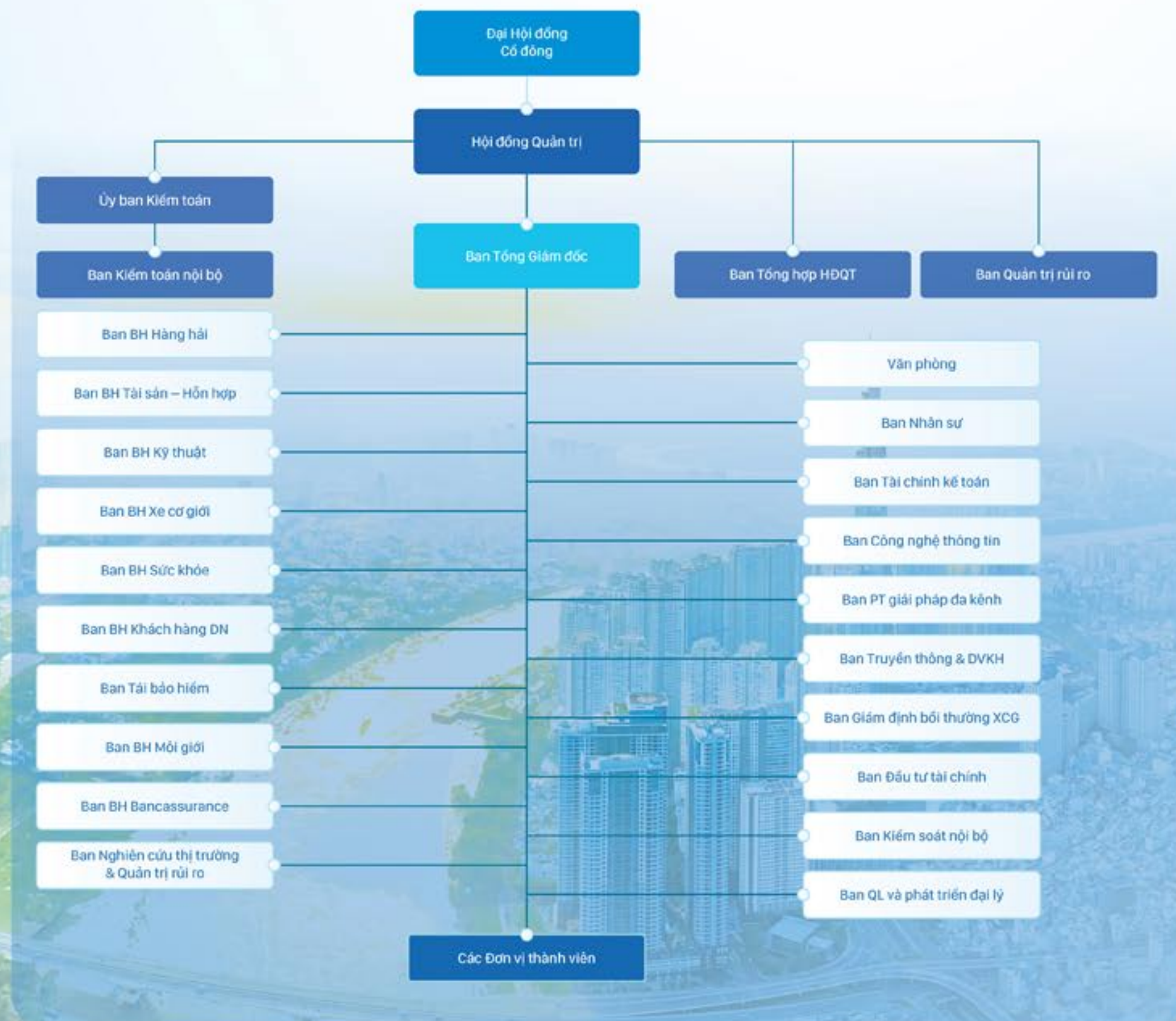


02

TỔ CHỨC NHÂN SỰ

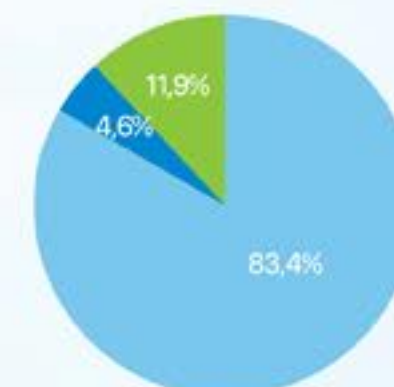
24	Sơ đồ tổ chức
25	Báo cáo nhân sự năm 2024
26	Giới thiệu HĐQT
28	Giới thiệu Ban Điều hành
29	Giới thiệu Ủy ban Kiểm toán

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC



THỐNG KÊ NHÂN SỰ

1.596 cán bộ nhân viên



Đại học
Trên đại học
Đối tượng khác



CBQL
Nhân viên



Nam
Nữ

GIỚI THIỆU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

ÔNG PHẠM THANH HẢI CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Kỹ sư máy
- Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh

Ông Phạm Thanh Hải gia nhập PJICO từ năm 2013, hiện đang là Chủ tịch Hội đồng quản trị Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Petrolimex. Ông từng đảm nhiệm các vị trí quản lý như: Trưởng phòng Bảo hiểm Tàu Thủy, Giám đốc đơn vị thành viên, Phó Tổng Giám đốc và Thành viên HĐQT. Ông Hải là người có bề dày kinh nghiệm quản trị và hoạch định chiến lược với gần 30 năm hoạt động trong lĩnh vực Tài chính – Bảo hiểm.



ÔNG LEE JAE HOON THÀNH VIÊN HĐQT

- Cử nhân Kinh tế Quốc tế

Ông Lee Jae Hoon là thành viên HĐQT Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Petrolimex từ năm 2020 đến nay. Hiện nay, ông đang là Giám đốc Ban Kinh doanh toàn cầu và Giám đốc Ban Đầu tư toàn cầu.



BÀ NGUYỄN THỊ HƯƠNG GIANG THÀNH VIÊN HĐQT

- Cử nhân ngoại ngữ
- Thạc sỹ Tài chính – Ngân hàng – Bảo hiểm

Gia nhập bảo hiểm PJICO từ năm 1997, bà Hương Giang có bề dày kinh nghiệm gần 30 năm hoạt động trong lĩnh vực bảo hiểm, bà từng đảm nhận nhiều vị trí quản lý quan trọng như: Phó Trưởng phòng Tài bảo hiểm, Trưởng phòng Bảo hiểm Tài sản Kỹ thuật, Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty.



BÀ TRẦN THỊ BẢO NGỌC THÀNH VIÊN HĐQT

- Thạc sỹ Tài chính Ứng dụng

Bà Bảo Ngọc hiện là Giám đốc Phòng dịch vụ Ngân hàng Đầu tư – Công ty Cổ phần Chứng khoán VPS. Bà Ngọc tốt nghiệp Cao học ngành Tài chính Ứng dụng trường ĐH Monash – Australia. Bà Ngọc có bề dày kinh nghiệm với hơn 22 năm hoạt động trong lĩnh vực tài chính đầu tư.



BÀ HÀ KIM ANH THÀNH VIÊN HĐQT

- Cử nhân Luật

Bà Kim Anh hiện là Phó Chánh Văn Phòng Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam. Bà Kim Anh có gần 30 năm hoạt động trong lĩnh vực Bảo hiểm, bà từng đảm nhiệm nhiều vị trí tại PJICO như: Phó trưởng phòng Thanh tra – Pháp chế, Phó trưởng phòng Quản lý và Phát triển đại lý, Trưởng phòng Tổng hợp và Chánh Văn phòng PJICO.



BÀ LÊ THỊ LAN ANH THÀNH VIÊN HĐQT ĐỘC LẬP

- Thạc sỹ kinh tế

Bà Lan Anh hiện là Phó TGĐ Công ty CP Đầu tư và Công nghệ Zeta, Giám đốc Công ty TNHH Smartlife Việt Nam. Bà Lan Anh có gần 30 năm hoạt động trong các ngành tài chính và bảo hiểm qua các vị trí quản lý tại: Tập đoàn Bảo Việt, Công ty CP Chứng khoán MBS, Vietinbank, Ngân hàng MSB, Ngân hàng TMCP An Bình.



BÀ TRƯƠNG DIỆU LINH THÀNH VIÊN HĐQT

- Thạc sỹ kinh tế

Bà Diệu Linh có bề dày kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính ngân hàng. Hiện bà Linh là Giám đốc Ban Kinh doanh Sản phẩm và dịch vụ Vốn của Vietcombank và là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty tài chính Việt Nam tại Hồng Kông.

GIỚI THIỆU BAN ĐIỀU HÀNH



BÀ NGUYỄN THỊ HƯƠNG GIANG
THÀNH VIÊN HĐQT, TỔNG GIÁM ĐỐC

- Cử nhân ngoại ngữ
- Thạc sỹ Tài chính – Ngân hàng – Bảo hiểm

Bà Nguyễn Thị Hương Giang gia nhập PJICO từ năm 1997, hiện là Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Petrolimex. Với gần 30 năm cống hiến trong ngành bảo hiểm, bà Giang là một trong những thành viên gắn bó với PJICO ngay từ những năm đầu sau khi công ty thành lập. Trải qua nhiều vị trí quan trọng, từ Phó Trưởng phòng Tài bảo hiểm, Trưởng phòng Bảo hiểm Tài sản Kỹ thuật cho đến Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty, bà đã thể hiện sự lãnh đạo tài ba và sự nỗ lực không ngừng để đưa PJICO vươn lên, khẳng định vị thế vững mạnh trong ngành bảo hiểm Việt Nam.



ÔNG BUI VĂN THẢO
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

- Cử nhân Kinh tế Bảo hiểm
- Cử nhân Luật

Công tác tại Bảo hiểm PJICO từ năm 1995, ông Thảo từng giữ nhiều chức vụ quan trọng như Phó Giám đốc/Giám đốc các công ty: PJICO Hải Phòng, PJICO Đồng Tháp; Trưởng phòng: Giám định - Bồi thường, Bảo hiểm Hàng hóa, Bảo hiểm Hàng hải; Giám đốc Ban Bảo hiểm Hàng hải, Chủ tịch Công đoàn Tổng Công ty.



ÔNG TRẦN HOÀI NAM
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

- Cử nhân Kinh tế

Gia nhập Bảo hiểm PJICO từ năm 1996, ông Nam đã đảm nhận nhiều vị trí quản lý quan trọng như Giám đốc: Bảo hiểm Tân Bình Dương, Bảo hiểm Thủ Đức; Chủ tịch Công ty TNHH MTV Cứu hộ PJICO Hải Phòng; Trưởng phòng: Bảo hiểm Xe Cơ giới, Giám định bồi thường Xe Cơ giới.



BÀ PHẠM THU HIỀN
KẾ TOÁN TRƯỞNG

- Cử nhân Kinh tế
- Thạc sỹ Kế toán

Bà Phạm Thu Hiền gia nhập Bảo hiểm PJICO từ năm 2015, hiện đang là Kế toán Trưởng Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Petrolimex. Bà Hiền từng giữ chức vụ nhiều vị trí quản lý quan trọng như: Trưởng phòng Quản lý tài sản nợ và Rủi ro Tài chính, Giám đốc Ban Tài chính Kế toán.

ỦY BAN KIỂM TOÁN



ÔNG LÊ THANH ĐẠT
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

- Cử nhân Khoa học, Kinh tế
- Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh

Ông Đạt công tác tại Bảo hiểm PJICO từ năm 1997. Với gần 30 năm kinh nghiệm, ông Đạt từng giữ nhiều vị trí quản lý quan trọng như: Giám đốc Bảo hiểm PJICO Quảng Bình kiêm Giám đốc Bảo hiểm PJICO Bình Dương; Trưởng Ban Kiểm soát chuyên trách.



ÔNG BUI HOÀI GIANG
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

- Cử nhân Kinh tế
- Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh

Ông Giang gia nhập PJICO từ những năm đầu thành lập - năm 1996. Ông Giang từng đảm nhiệm nhiều vị trí quan trọng như: Phó Trưởng phòng Tài chính Kế toán, Phó Trưởng phòng Pháp chế Thanh tra, Phụ trách Phòng Giám định bồi thường, Trưởng Ban Thư ký Tổng hợp Hội đồng Quản trị.



ÔNG TRẦN ANH TUẤN
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

- Cử nhân Kinh tế
- Thạc sỹ Tài chính – Ngân hàng

Ông Tuấn gia nhập bảo hiểm PJICO từ giai đoạn đầu thành lập - năm 1995. Với kinh nghiệm gần 30 năm quản lý và điều hành doanh nghiệp trong lĩnh vực bảo hiểm, ông đã đảm nhận nhiều vị trí quản lý quan trọng tại PJICO như: Phó Trưởng phòng Tài chính Kế toán, Trưởng phòng Đầu tư tài chính.



BÀ LÊ THỊ LAN ANH
CHỦ TỊCH ỦY BAN KIỂM TOÁN

Bà Lê Thị Lan Anh là Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán và thành viên Hội đồng quản trị độc lập PJICO kể từ tháng 4/2024.



BÀ TRƯƠNG DIỆU LINH
THÀNH VIÊN ỦY BAN KIỂM TOÁN

Bà Trương Diệu Linh là thành viên HĐQT và Thành viên Ủy ban Kiểm toán tại Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Petrolimex kể từ tháng 4/2020.

03

BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2024

Thành viên và cơ cấu Ban điều hành	32
Kết quả hoạt động PJICO năm 2024	
Tổng quan thị trường bảo hiểm năm 2024	34
Kết quả hoạt động kinh doanh 2024	36
Báo cáo đầu tư và tình hình thực hiện các dự án	38
Các giải pháp trọng tâm năm 2025	44
Cơ cấu cổ đông thay đổi vốn đầu tư và chủ sở hữu	48
Công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực	48
Công tác chuyển đổi số	49
Kiện toàn công tác quản trị rủi ro	51
Đánh giá của HĐQT	52
Đánh giá của Ủy ban Kiểm toán	53

THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU BAN ĐIỀU HÀNH

BÀ NGUYỄN THỊ HƯƠNG GIANG

Tổng Giám đốc

ÔNG BUI HOÀI GIANG

Phó Tổng Giám đốc

ÔNG LÊ THANH ĐẠT

Phó Tổng Giám đốc

ÔNG TRẦN ANH TUẤN

Phó Tổng Giám đốc

ÔNG BUI VĂN THẢO

Phó Tổng Giám đốc

ÔNG TRẦN HOÀI NAM

Phó Tổng Giám đốc

BÀ PHẠM THU HIỀN

Kế toán trưởng



TỔNG QUAN THỊ TRƯỜNG BẢO HIỂM NĂM 2024

Năm 2024, nền kinh tế Việt Nam đã có sự phục hồi rõ nét sau giai đoạn chịu tác động từ đại dịch COVID-19 và những biến động kinh tế toàn cầu. Các chỉ số kinh tế vĩ mô cho thấy Việt Nam tiếp tục là điểm sáng về tăng trưởng trong khu vực Đông Nam Á và thuộc nhóm các quốc gia tăng trưởng cao trên thế giới. Tuy nhiên, bên cạnh những tín hiệu tích cực, nền kinh tế cũng đối mặt với những thách thức như chi phí sản xuất tăng và sự biến động của thị trường tài chính toàn cầu. Đặc biệt, năm qua, Việt Nam là quốc gia chịu ảnh hưởng nặng nề bởi biến đổi khí hậu với các trận bão và hoàn lưu bão có tốc độ tàn phá khốc liệt hơn, gây nhiều thiệt hại về người và tài sản. Trong đó, nghiêm trọng nhất là cơn bão số 3 - Yagi đã gây thiệt hại nặng nề cho nền kinh tế nói chung và các tỉnh phía Bắc nói riêng, ảnh hưởng không nhỏ đến các công ty bảo hiểm phi nhân thọ. Điều này không chỉ ảnh hưởng đến tài chính của các công ty mà còn tạo áp lực lớn đối với các doanh nghiệp bảo hiểm trong việc duy trì tỷ lệ lợi nhuận ổn định do phải đối mặt với yêu cầu bồi thường tăng cao. Đồng thời, các doanh nghiệp bảo hiểm trong nước còn phải đối mặt với cạnh tranh ngày càng gay gắt từ các công ty bảo hiểm trong và ngoài nước, đặc biệt là trong việc phân phối bảo hiểm qua kênh bancassurance.

Trong bối cảnh đó, thị trường bảo hiểm Việt Nam có nhiều kết quả tích cực nhưng cũng không ít biến động do phải đối mặt với các thách thức lớn từ nội tại và các yếu tố tác động khách quan. Với tốc độ tăng mạnh những tháng đầu năm cùng những giải pháp khắc phục hậu bão lũ và các chính sách cải cách mới về bảo hiểm, thị trường bảo hiểm Việt Nam vẫn đạt kết quả đáng ghi nhận góp phần ổn định kinh tế vĩ mô và an sinh xã hội. Theo Tổng cục Thống kê, tổng tài sản toàn thị trường hiểm năm 2024 ước đạt 1.007.204 tỷ đồng, tăng 10,88% so với cùng kỳ năm trước, trong đó tổng tài sản các doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ ước đạt 145.416 tỷ đồng, còn các doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ ước đạt 861.788 tỷ đồng. Doanh thu phí bảo hiểm của toàn thị trường năm 2024 đạt 227.500 tỷ đồng, tuy giảm nhẹ so với năm 2023, nhưng vẫn duy trì sự ổn định, trong đó, doanh thu phí bảo hiểm nhân thọ đạt 149.200 tỷ đồng, giảm 5% do vẫn chịu ảnh hưởng từ cuộc khủng hoảng niềm tin kéo dài từ năm 2023. Doanh thu phí bảo hiểm phi nhân thọ ghi nhận mức tăng trưởng mạnh mẽ đạt 78.300 tỷ đồng, tăng 10,2%, đóng góp vào sự phục hồi chung của ngành. Tính đến hết năm 2024, chi trả quyền lợi bảo hiểm đạt 93.900 tỷ đồng, tăng 15,76% so với năm 2023. Chi trả của doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ đạt khoảng 22.500 tỷ đồng, giảm 6,3%; chi trả của doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ ước đạt 71.400 tỷ đồng, tăng 25%.

TỔNG TÀI SẢN CỦA TOÀN THỊ TRƯỜNG BẢO HIỂM VIỆT NAM NĂM 2024 ƯỚC ĐẠT

1.007.204 tỷ đồng

TỔNG DOANH THU PHÍ BẢO HIỂM CỦA TOÀN THỊ TRƯỜNG BẢO HIỂM NĂM 2024

227.500 tỷ đồng

CHI TRẢ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM CỦA TOÀN THỊ TRƯỜNG BẢO HIỂM NĂM 2024

93.900 tỷ đồng

TRONG ĐÓ DOANH NGHIỆP BẢO HIỂM PHI NHÂN THỌ ƯỚC ĐẠT

145.416 tỷ đồng

TRONG ĐÓ DOANH THU PHÍ BẢO HIỂM PHI NHÂN THỌ ƯỚC ĐẠT

78.300 tỷ đồng

TRONG ĐÓ DOANH NGHIỆP BẢO HIỂM PHI NHÂN THỌ CHI TRẢ

22.500 tỷ đồng

(Nguồn Tổng cục thống kê, số ước tính tại tháng 2/2025).

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2024

Năm 2024, trong bối cảnh thị trường Bảo hiểm nói chung vẫn còn nhiều thách thức, đặc biệt giai đoạn nửa cuối năm, tuy nhiên, nhờ kiên định với định hướng phát triển kinh doanh "an toàn, hiệu quả và bền vững" ngay từ đầu năm cùng sự nỗ lực, cố gắng của toàn hệ thống, PJICO đã vững vàng vượt qua khó khăn, hoàn thành kế hoạch đề ra và đạt được các kết quả tích cực

TỔNG DOANH THU ĐẠT

5.279 tỷ đồng

HOÀN THÀNH
VƯỢT KẾ HOẠCH
HĐQT GIAO **110,7%**

TĂNG TRƯỞNG

8,9% SO VỚI 2023

DOANH THU BẢO HIỂM GỐC ĐẠT

4.396,5 tỷ đồng

HOÀN THÀNH
VƯỢT KẾ HOẠCH
HĐQT GIAO **109,3%**

TĂNG TRƯỞNG

9,3% SO VỚI 2023

LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ ĐẠT

291,2 tỷ đồng

HOÀN THÀNH **100,8%**

TĂNG TRƯỞNG

2,6% SO VỚI 2023

KẾ HOẠCH ĐƯỢC GIAO, LÀ MỘT TRONG NHỮNG ĐƠN VỊ TOP ĐẦU TRÊN THỊ TRƯỜNG VỀ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CÓ HIỆU QUẢ

KẾT QUẢ KINH DOANH THEO ĐƠN VỊ

38 ĐƠN VỊ
HOÀN THÀNH
100% KẾ HOẠCH
2024

22 ĐƠN VỊ
HOÀN THÀNH
TRÊN 80%
KẾ HOẠCH 2024

03 ĐƠN VỊ
HOÀN THÀNH
TỪ 50-80%
KẾ HOẠCH 2024

KẾT QUẢ KINH DOANH THEO NGHIỆP VỤ KHAI THÁC

BẢO HIỂM XE CƠ GIỚI



Nghệp vụ xe cơ giới là nghiệp vụ xương sống và có độ phủ 100% các đơn vị thành viên, chiếm tỷ trọng 37,3% doanh thu bảo hiểm gốc của TCT. Doanh thu nghiệp vụ bảo hiểm xe cơ giới TCT năm 2024 đạt 1.639 tỷ đồng, hoàn thành 104,7% kế hoạch năm, tăng trưởng 6,5% so với cùng kỳ năm 2023.



BẢO HIỂM HÀNG HẢI



Nghệp vụ hàng hải chiếm tỷ trọng 15,8% doanh thu bảo hiểm gốc của TCT có độ phủ 81,3% các đơn vị thành viên. Doanh thu năm 2024 của TCT đạt 696,8 tỷ, hoàn thành 108,6% kế hoạch năm và tăng trưởng 5,5% so với cùng kỳ.



BẢO HIỂM SỨC KHỎE



Nghệp vụ bảo hiểm sức khỏe chiếm tỷ trọng 15,2% doanh thu bảo hiểm gốc của TCT, nghiệp vụ bảo hiểm sức khỏe có độ phủ 100% các đơn vị thành viên. Doanh thu năm 2024 TCT đạt 666,2 tỷ đồng, hoàn thành 143,9% kế hoạch, tăng, trưởng 55,9% so với năm 2023, trong đó:

✓ Nghiệp vụ con người đạt 580,2 tỷ đồng tăng trưởng 66,5% và hoàn thành 151,9% kế hoạch năm. Bồi thường giữ lại ở mức 223,1 tỷ đồng, chiếm 61,2% doanh thu giữ lại, giảm 10,3% so với cùng kỳ năm 2023.

✓ Nghiệp vụ học sinh giáo viên đạt 85,9 tỷ đồng, tăng trưởng 8,9% và hoàn thành 106,1% kế hoạch năm. Bồi thường giữ lại ở mức 26,8 tỷ đồng, chiếm 32,4% doanh thu giữ lại, tăng 0,2% so với cùng kỳ năm 2023.

KẾT QUẢ KINH DOANH THEO NGHIỆP VỤ KHAI THÁC

BẢO HIỂM CHÁY NỔ, TÀI SẢN, HỖN HỢP



Nghiệp vụ bảo hiểm cháy nổ, tài sản, hỗn hợp chiếm tỷ trọng **25,5%** doanh thu bảo hiểm gốc của Tổng Công và có độ phủ 100% các đơn vị thành viên. Doanh thu nghiệp vụ Cháy nổ, Tài sản, Hỗn hợp năm 2024 TCT đạt **1.122 tỷ đồng**, hoàn thành **109,9%** kế hoạch, tăng trưởng **8%** so với cùng kỳ năm 2023.



BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG



Nghiệp vụ bảo hiểm hàng không chiếm tỷ trọng **2,1%** doanh thu bảo hiểm gốc của TCT, doanh thu nghiệp vụ hàng không năm 2024 đạt **93,2 tỷ đồng**, hoàn thành **106%** kế hoạch, giảm 10,9% so với năm 2023.



BẢO HIỂM DỰ ÁN KỸ THUẬT



Nghiệp vụ bảo hiểm dự án, kỹ thuật chiếm tỷ trọng **4,1%** doanh thu bảo hiểm gốc của TCT, có độ phủ 100% các đơn vị thành viên. Doanh thu bảo hiểm dự án, kỹ thuật năm 2024 đạt **178,2 tỷ đồng**, hoàn thành **73%** kế hoạch và giảm 27,8% so với cùng kỳ 2023. Bồi thường giữ lại là **22,4 tỷ đồng**, chiếm **31,8%** doanh thu giữ lại.



KẾT QUẢ KINH DOANH THEO NGHIỆP VỤ KHAI THÁC

KÊNH BÁN HÀNG QUA ĐẠI LÝ VÀ BANCASSURANCE



- ✓ Doanh thu phí bảo hiểm gốc khai thác qua kênh bancassurance trong năm 2024 toàn TCT đạt **538,7 tỷ đồng**, hoàn thành **107,7%** kế hoạch, tăng trưởng **14,1%** so với cùng kỳ. Hiện tại TCTY đã hợp tác Bancas với 14/39 Ngân hàng trong nước.
- ✓ Doanh thu phí bảo hiểm gốc khai thác qua kênh đại lý xăng dầu Petrolimex năm 2024 toàn TCT đạt **191,8 tỷ đồng**, hoàn thành **101%** kế hoạch, tăng trưởng **14,1%** so với cùng kỳ.



KÊNH BÁN HÀNG QUA ĐẠI LÝ CÁ NHÂN

DOANH THU ĐẠT **748,9** tỷ đồng

Doanh thu phí bảo hiểm gốc khai thác qua đại lý cá nhân năm 2024 toàn TCT đạt **748,9 tỷ đồng**, tăng **4,4%** so với cùng kỳ năm 2023.

KÊNH BÁN HÀNG QUA MÔI GIỚI



Hiện tại TCTY đã hợp tác 22/29 doanh nghiệp môi giới bảo hiểm.

Doanh thu phí bảo hiểm gốc khai thác qua môi giới năm 2024 toàn TCT đạt **597,7 tỷ đồng** tăng trưởng **57,2%** so với cùng kỳ 2023, trong đó doanh thu khai thác qua môi giới không bao gồm sản phẩm Bảo hiểm chăm sóc sức khỏe là **306,3 tỷ đồng**, hoàn thành **109,4%** kế hoạch và tăng trưởng **9,4%** so với cùng kỳ 2023.



HOẠT ĐỘNG TÀI BẢO HIỂM

PHÍ NHƯỢNG TÀI **1.524** tỷ đồng

PHÍ NHẬN **214** tỷ đồng

Phí nhượng tài bảo hiểm năm 2024 đạt **1.524 tỷ đồng**, hoa hồng nhượng tài đạt **318 tỷ đồng**, thu bồi thường tái **330,8 tỷ đồng**.

Phí nhận tái bảo hiểm năm 2024 đạt **214 tỷ đồng**, hoàn thành **111%** kế hoạch được giao; trả bồi thường nhận tái là **132,2 tỷ đồng**.

Năm 2024 TCT đã tái tục thành công các hợp đồng tái bảo hiểm cố định cho các nhóm nghiệp vụ chính: Hàng hải; Cháy, Kỹ Thuật; Hôn hợp. Các điều kiện điều khoản cũng như năng lực của các nhà nhận tái bảo hiểm được thực hiện theo đúng quy định của Bộ Tài chính.

HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

DOANH THU ĐẠT **299,5** tỷ đồng

Doanh thu hoạt động tài chính và hoạt động cho thuê văn phòng năm 2024 đạt **299,5 tỷ**, trong đó: Doanh thu hoạt động tài chính đạt **283,2 tỷ đồng** hoàn thành **134,1%** kế hoạch năm, mang lại lợi nhuận cho TCT khoảng **220 tỷ đồng** trong đó lợi nhuận từ đầu tư từ quỹ dự phòng nghiệp vụ đạt khoảng **125 tỷ đồng**.

CÁC GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM NĂM 2025

Trên cơ sở những phân tích đánh giá cụ thể và bám sát định hướng kế hoạch kinh doanh năm 2025, 07 mục tiêu kinh doanh giai đoạn 2024-2029 của Hội đồng quản trị, tình hình chung thị trường và những điều kiện riêng có của PJICO, TCTY xây dựng kế hoạch kinh doanh tài chính năm 2025 trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt như sau:

DOANH THU BẢO HIỂM GỐC

4.400 tỷ đồng

tương đương số thực hiện năm 2024

LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ 2025 LÀ

306 tỷ đồng

tăng trưởng 5% so với năm 2024

DOANH THU HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

220 tỷ đồng

DOANH THU NHẬN TÁI BẢO HIỂM

214 tỷ đồng

CHIA CỔ TỨC **12%** VỐN ĐIỀU LỆ BẰNG TIỀN

GIẢI PHÁP ĐỐI VỚI TỪNG HOẠT ĐỘNG KINH DOANH BẢO HIỂM GỐC

+ Giải pháp về cơ chế chính sách:

Năm 2025 TCT tiếp tục thực hiện cơ chế chính sách đã triển khai năm 2024.

+ Giải pháp thúc đẩy kênh trung gian:

Sẽ tiếp tục được hoàn thiện app bán hàng là công cụ thiết yếu cho người bán và kết nối chính với các đối tác, kênh bán hàng trung gian, xây dựng chương trình thu phí tự động với Ngân hàng VCB kết nối với phần mềm kế toán nâng cao hiệu quả quản trị dòng tiền và nâng cao trải nghiệm của khách hàng.

+ Giải pháp thúc đẩy kênh bảo hiểm số:

Đồng bộ các giải pháp trong đó có các giải pháp mà SFMI tư vấn, các giải pháp công nghệ, truyền thông đẩy mạnh phát triển doanh thu kênh bảo hiểm trực tuyến phù hợp với chiến lược chuyển đổi số của TCT. Thành lập Chi nhánh PJICO Digital thực hiện nhiệm vụ kinh doanh phát triển kênh bảo hiểm số.

+ Giải pháp thúc đẩy từng nghiệp vụ, từng đơn vị:

Tiếp tục triển khai mô hình thi đua theo từng cụm có sự rà soát, hỗ trợ trực tiếp từ TCT. Đối với những địa bàn trọng điểm, địa bàn còn yếu kém, rà soát từng nghiệp vụ của mỗi địa bàn để có giải pháp hỗ trợ kinh doanh một cách hiệu quả và trọng tâm thông qua các chương trình họp trực tiếp đến từng cụm thi đua, từng khu vực.

GIẢI PHÁP HOẠT ĐỘNG TÁI BẢO HIỂM

- Thực hiện xây dựng dự án phân hệ tái bảo hiểm đồng bộ hoạt động bảo hiểm gốc và Tái bảo hiểm đồng thời đảm bảo yêu cầu quản lý hoạt động tái bảo hiểm.
- Mở rộng và tìm kiếm thị trường tái bảo hiểm mới như Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản... để tăng capacity hỗ trợ tối đa khai thác gốc trong điều kiện thị trường ngày càng cạnh tranh và nhiều dịch vụ lớn.

GIẢI PHÁP HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Tiếp tục triển khai các chương trình thu phí, chi tự động từ ngân hàng VCB để áp dụng tổng thể cho các kênh khai thác đồng thời triển khai chương trình vay vốn phù hợp từ đó quản trị tốt, tối ưu hoá dòng tiền góp phần nâng cao hiệu quả đầu tư tiền gửi.

Bám sát diễn biến thị trường, thường xuyên rà soát lại danh mục đầu tư tài chính, lựa chọn thời điểm thích hợp để có phương án đầu tư, thoái vốn, bán các cổ phiếu để đạt được lợi nhuận kỳ vọng.



GIẢI PHÁP VỀ CÔNG TÁC QUẢN LÝ, QUẢN TRỊ RỦI RO:

+ Giải pháp tài chính kế toán, quản lý công nợ và thu hồi nợ xấu

- Tiếp tục tăng cường công tác hướng dẫn, hỗ trợ các đơn vị trong việc kiểm soát chi phí, kiểm soát chứng từ, hóa đơn mua vào, triệt để áp dụng hình thức thanh toán "không dùng tiền mặt" đảm bảo an toàn tài chính cho TCT và đơn vị.
- Tiếp tục vận hành có hiệu quả phân hệ kế toán quản trị FTS 3.0 nâng cao năng suất lao động, hỗ trợ đắc lực cho các đơn vị và TCT trong việc kiểm soát chi phí và lợi nhuận nâng cao hiệu quả kinh doanh.
- Tiếp tục tăng cường công tác kiểm soát công nợ, xử lý và thu hồi nợ xấu:
- Tiếp tục triển khai chương trình xuất hoá đơn thu phí tự động đối với hệ thống đại lý xăng dầu, đại lý tổ chức và khai thác trực tiếp giảm thiểu phát sinh công nợ phí bảo hiểm.
- Triển khai hệ thống báo cáo nhắc nợ tự động, trong đó đặc biệt nhắc nợ, báo động đỏ đối với các hợp đồng có điều khoản tự động chấm dứt hiệu lực khi khách hàng không nộp phí đúng hạn để đón đốc thu hồi và xử lý nợ kịp thời.
- Tăng cường hơn nữa công tác kiểm soát nợ phải thu, thu hồi và xử lý nợ xấu. Sửa đổi Quy định Quản lý công nợ hiện hành phù hợp quy định pháp luật và phù hợp tình hình thực tiễn quản lý của TCT.

+ Giải pháp nhân sự, hệ thống

- Tập trung công tác đào tạo, nâng cao trình độ CBNV; Sửa đổi, quy chế, quy trình, quy định liên quan phù hợp mô hình tổ chức và yêu cầu thực tế; Xây dựng hệ thống đo lường, đánh giá cán bộ theo chuẩn mực chung, thống nhất trong toàn TCT;
- Triển khai phần mềm nhân sự đáp ứng yêu cầu quản lý nhân sự hệ thống.

CÁC GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM NĂM 2025



GIẢI PHÁP ĐẨY MẠNH CHUYỂN ĐỔI SỐ VÀ ỨNG DỤNG CNTT

- Ứng dụng CNTT một cách triệt để vào công tác bán hàng bằng cách đẩy mạnh các giải pháp đa kênh như nền tảng đa kênh cho Kênh ngân hàng, nền tảng đa kênh cho cửa hàng xăng dầu;
- Hệ thống báo cáo BI liên tục được update, hoàn thiện theo yêu cầu phục vụ sản xuất kinh doanh, phù hợp với tình hình thực tiễn;
- Golive phân hệ Tài bảo hiểm phần mềm FTS tròn luồng hiệu quả kinh doanh cho từng đơn bảo hiểm.
- Tiếp tục thực hiện số hóa quy trình, số hóa dữ liệu để môi trường số ngày một hoàn thiện, nâng cao năng suất lao động;

Để thực hiện những định hướng như trên, yêu cầu việc kết nối cũng như hạ tầng phải đảm bảo tính thông suốt, không có hiện tượng ngắt quãng, mất kết nối.



GIỮ VỮNG, DUY TRÌ XẾP HẠNG TÍN NHIỆM QUỐC TẾ VÀ NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ

- Kết hợp các giải pháp phát triển kinh doanh, nâng cao năng lực tài chính, kiểm soát tốt rủi ro, tiếp tục giữ vững và duy trì xếp hạng tín nhiệm quốc tế do A.M. Best đánh giá và xếp hạng trong năm 2025.
- Tiếp tục duy trì hệ thống Quản lý chất lượng ISO 9001:2015; cập nhật, ban hành các Quy trình ISO cho phù hợp với mô hình tái cấu trúc của Văn Phòng TCT.



TIẾP TỤC THỰC HIỆN CÔNG TÁC ĐẢNG, ĐOÀN THỂ, CÁC HOẠT ĐỘNG CỘNG ĐỒNG, CHĂM LO ĐỜI SỐNG CÁN BỘ NHÂN VIÊN VÀ CÁC MẶT CÔNG TÁC KHÁC NGÀY MỘT TỐT HƠN.

Tổ chức thành công Đại hội Đảng bộ TCT lần thứ V nhiệm kỳ 2025-2030. Phát động phong trào thi đua kỷ niệm 30 năm thành lập (15/6/1995 – 15/6/2025). Quyết tâm thực hiện thắng lợi, toàn diện kế hoạch kinh doanh năm 2025 và các năm tiếp theo mà HĐQT giao và Đại hội đồng cổ đông thông qua.

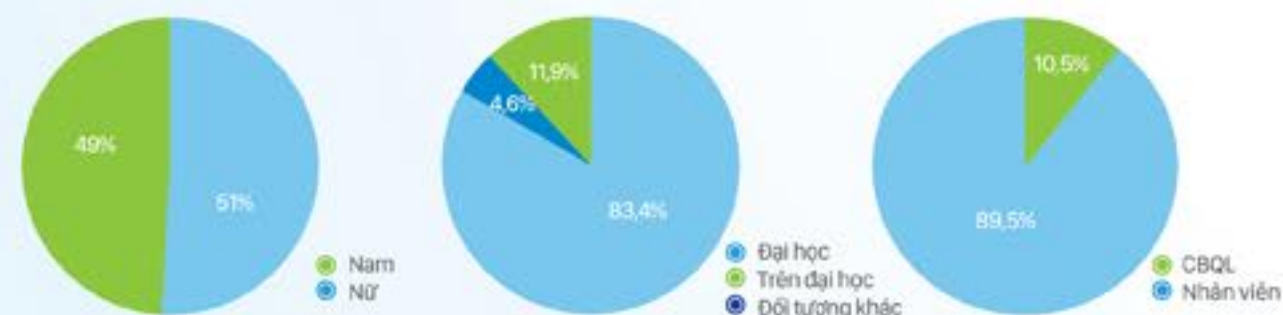
CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Thông tin về cơ cấu cổ đông tại ngày 31/12/2024.
Mã cổ phiếu: PGI

STT	CÁ NHÂN/ TỔ CHỨC (TÊN NGƯỜI ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC)	SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU NẤM GIỮ	TỶ LỆ SỞ HỮU
1	Tập Đoàn Xăng Dầu Việt Nam	45,410,400	40.95%
2	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	8,904,000	8.03%
3	Samsung Fire & Marine Insurance Co., Ltd	22,179,443	20.00%
4	Các cổ đông khác	34,402,953	31.02%

*Theo quy định của Luật các Tổ chức Tín dụng, cổ đông lớn của tổ chức tín dụng cổ phần là những cổ đông trực tiếp hoặc gián tiếp nắm giữ từ 5% cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của tổ chức tín dụng cổ phần đó.

CÔNG TÁC ĐÀO TẠO VÀ PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC



CHÍNH SÁCH NHÂN SỰ

Tổng Công ty luôn nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đổi mới căn bản, toàn diện và chú trọng đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cán bộ cấp chiến lược đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ, đảm bảo yêu cầu phát triển bền vững.

THỰC HIỆN ĐẦY ĐỦ CHẾ ĐỘ CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG THEO QUY ĐỊNH

- PJICO ký hợp đồng lao động với 100% người lao động thuộc đối tượng phải ký hợp đồng lao động theo quy định của pháp luật lao động.
- Thực hiện đầy đủ các chế độ bảo hiểm theo quy định của pháp luật lao động như: BHXH, BHYT, BHTN, BH tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, trợ cấp hưu trí, thai sản...
- Chính sách đào tạo:** Nhận thức được tầm quan trọng của nguồn nhân lực trong sự phát triển, Tổng Công ty luôn chú trọng đến công tác đào tạo, bồi dưỡng để nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.
- Chính sách lương:** Tổng Công ty xây dựng quy chế về quản lý tiền lương áp dụng thống nhất trong toàn Tổng Công ty.
- Chính sách thưởng:** Nhằm khuyến khích động viên cán bộ nhân viên trong Tổng Công ty gia tăng hiệu quả đóng góp, tăng năng suất chất lượng hoàn thành công việc. Tổng Công ty đưa ra chính sách thưởng đa dạng, phong phú như: Thưởng định kỳ (thưởng dịp lễ, Tết, thưởng đơn vị, cá nhân xuất sắc...), thưởng đột xuất (Thưởng sáng kiến, thưởng vượt kế hoạch...), thưởng theo chương trình thi đua hàng tháng/quý/năm cho cá nhân và tập thể. Việc xét thưởng được gắn với kết quả hoạt động kinh doanh, mục tiêu công việc đạt được và chất lượng dịch vụ của mỗi nhân viên đối với khách hàng. Đối với các cá nhân xuất sắc ngoài được tặng Bằng khen/Giấy khen, Tổng Công ty còn chính sách khen thưởng bằng tiền, hiện vật, các chế độ phúc lợi khác như du lịch, team building, ... nhằm tri ân, tạo động lực và khuyến khích tinh thần làm việc của cán bộ nhân viên.

CÁC CHẾ ĐỘ KHÁC VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

- Tặng quà cho các CBNV vào các ngày Quốc tế Phụ nữ 8/3, ngày Phụ nữ Việt Nam 20/10
- Trang bị đồng phục đối với 100% CBNV – NLĐ.
- Tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho CBNV.
- Tổ chức cho các CBNV đi nghỉ mát, du lịch hàng năm.
- Tất cả nhân viên đều được thăm hỏi/chúc mừng khi gia đình có việc hiếu/hỷ
- Tổ chức vui chơi và tặng quà cho các con của CBNV Tổng Công ty nhân ngày Quốc tế Thiếu nhi 1/6, Rằm Trung

KIỆN TOÀN CÔNG TÁC QUẢN LÝ, QUẢN TRỊ RỦI RO

Thực hiện nhiệm vụ mà HĐQT giao về tăng cường công tác Quản trị rủi ro hoàn thành mục tiêu kinh doanh "an toàn, hiệu quả và bền vững" Ban điều hành TCT đã tích cực và tập trung trong công tác quản lý và quản trị rủi ro cụ thể:



CÔNG TÁC TÀI CHÍNH KẾ TOÁN, QUẢN LÝ CÔNG NỢ VÀ THU HỒI NỢ XẤU

Tăng cường công tác hướng dẫn, hỗ trợ các đơn vị trong việc kiểm soát chi phí, kiểm soát chứng từ, hóa đơn mua vào đảm bảo an toàn tài chính cho TCTY và đơn vị bằng việc triển khai thành công và golive toàn quốc dự án rà soát hoá đơn đầu vào bằng Akabot kết hợp sửa đổi Quy định quản lý tài chính triệt để áp dụng hình thức thanh toán "không dùng tiền mặt" nhằm quản trị rủi ro về hoá đơn mua vào trong toàn hệ thống và phù hợp với xu thế chuyển đổi số.

Chính thức đưa vào vận hành phân hệ kế toán quản trị FTS 3.0 nâng cao năng suất lao động, hỗ trợ cho các đơn vị và TCT trong việc kiểm soát chi phí và lợi nhuận nâng cao hiệu quả kinh doanh.

Tăng cường công tác quản lý công nợ đến từng đơn vị thành viên, từng đơn bảo hiểm:

- ✓ Tổng Công ty đã ban hành văn bản đến từng đơn vị vào thời điểm quyết toán năm 2023 và quyết toán từng Quý năm 2024 để hướng dẫn việc xử lý công nợ tồn đọng cho từng trưởng hợp, từng đơn bảo hiểm cụ thể.
- ✓ Tổng số công nợ xấu thu hồi và xử lý năm 2024 đạt là 31,1 tỷ đồng, đạt 103,6% kế hoạch cả năm HĐQT giao (Kế hoạch HĐQT giao 2024 là 30 tỷ đồng).

CÔNG TÁC NHÂN SỰ, LAO ĐỘNG, TIỀN LƯƠNG

Văn Phòng TCY đã triển khai thành công Nghị quyết của HĐQT về Đề án tái cấu trúc Văn phòng TCT, đến thời điểm hiện tại đã hoàn thành giai đoạn I của Đề án.

Đã xây dựng và thực hiện chương trình thi đua khen thưởng toàn TCT năm 2024 từ nguồn Quỹ khen thưởng của HĐQT năm 2023 ngân sách là 5 tỷ đồng.

KIỆN TOÀN CÔNG TÁC QUẢN LÝ, QUẢN TRỊ RỦI RO^(tiếp)

VỀ QUẢN TRỊ ĐIỀU HÀNH KHÁC

Thúc đẩy đầu tư và nâng cấp hệ thống cơ sở vật chất, phương tiện cho các đơn vị trên toàn quốc để đảm bảo ổn định, tạo động lực giúp các đơn vị phát triển bền vững toàn hệ thống.

Triển khai việc kiểm tra, kiểm soát toàn diện tại các đơn vị thành viên trong công tác nghiệp vụ, TCKT và việc tuân thủ quy định, quy trình; đôn đốc các đơn vị chú trọng công tác thực hiện khuyến nghị sau kiểm tra, kiểm soát. Hậu kiểm thường xuyên tại các địa bàn trọng điểm để khuyến nghị hoàn thiện công tác giám định bồi thường ở tổ; Rà soát các khâu quy trình nghiệp vụ, tài chính, chi phí nhằm phòng ngừa và giảm thiểu rủi ro cho hệ thống.

Chủ động rà soát, cập nhật hệ thống quản lý chất lượng, tài liệu ISO của phòng nghiệp vụ. Thường xuyên cập nhật và phổ biến trong hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật mới có liên quan đến nghiệp vụ.

Thực hiện giải quyết, xử lý kịp thời các khiếu nại phát sinh qua Tổng đài chăm sóc khách hàng; thực hiện công tác quảng cáo, truyền thông sản phẩm, thương hiệu PJICO trên đa kênh.



CHUYỂN ĐỔI SỐ - NÂNG CAO NĂNG LỰC QUẢN TRỊ VÀ TRẢI NGHIỆM KHÁCH HÀNG



Thực hiện nhiệm vụ đẩy mạnh công tác chuyển đổi số theo đúng nhiệm vụ được giao, TCT đã và đang triển khai nhiều dự án về CNTT như:

- Nghiệm thu và từng bước đưa vào áp dụng thực hiện dự án tư vấn chiến lược chuyển đổi số tại PJICO giai đoạn 2023-2028;
- Triển khai thành công và go-live toàn quốc dự án rà soát hoá đơn đầu vào bằng Akabot kết hợp sửa đổi Quy định quản lý tài chính triệt để áp dụng không dùng tiền mặt nhằm quản trị rủi ro về hoá đơn mua vào trong toàn hệ thống phù hợp với xu thế chuyển đổi số;
- Triển khai thành công và hoàn thành phân hệ Kế toán Quản trị của phần mềm kế toán FTS, tính nguồn chi phí, hiệu quả đến từng đơn bảo hiểm, từng khách hàng, nhóm khách hàng và nhóm nghiệp vụ;
- Triển khai dự án phần mềm BTXCG - ESCS mới kể từ ngày 01/01/2024, đưa vào triển khai sử dụng phần mềm bồi thường Healthcare - ESCS từ 01/07/2024;
- Tiếp tục triển khai giải pháp ảo hóa hạ tầng (Private Cloud): Giải pháp ảo hóa máy trạm và ứng dụng (VDI);
- Tiếp tục triển khai app bán hàng kết hợp hệ thống chuyên thu, chuyên chi tối ưu hoá dòng tiền, ban hành Quy trình chuyển tiền trực tuyến áp dụng trên toàn quốc kết hợp chương trình hạch toán, phát hành hoá đơn và thu phí tự động. Đây là công cụ hữu ích phục vụ cho công tác phát triển kinh doanh phù hợp với xu thế chuyển đổi số, quản trị tốt rủi ro tối ưu hoá dòng tiền và nâng cao trải nghiệm của khách hàng.
- Xây dựng hệ thống báo cáo Quản trị BI và sẽ liên tục được update, hoàn thiện hệ thống báo cáo này theo yêu cầu phục vụ sản xuất kinh doanh, phù hợp với tình hình thực tiễn;
- Khảo sát xây dựng dự án về module phân hệ Tái bảo hiểm trên phần mềm kế toán FTS và đã go-live vào 01/01/2025;

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT

Mặc dù bối cảnh thị trường bảo hiểm phi nhân thọ hết sức khó khăn, tuy nhiên tổng doanh thu của PJICO năm 2024 lần đầu tiên vượt mức 5.000 tỷ, đạt 5.279 tỷ đồng, hoàn thành 110,7% kế hoạch; Doanh thu bảo hiểm gốc đạt 4.396,5 tỷ đồng, hoàn thành 109,2% kế hoạch; Lợi nhuận trước thuế đạt 291,2 tỷ đồng, hoàn thành 100,8% kế hoạch. Hội đồng quản trị đánh giá năm 2024 Tổng Công ty đã hoàn thành xuất sắc, toàn diện các chỉ tiêu kinh doanh mà Đại hội đồng cổ đông đã đề ra.

Hội đồng quản trị ghi nhận, biểu dương những thành tích mà Ban Tổng Giám đốc, Lãnh đạo các đơn vị và toàn thể cán bộ công nhân viên đã nỗ lực đạt được trong năm 2024.

STT	CÁC CHỈ TIÊU	KẾ HOẠCH 2024	THỰC HIỆN 2024	TỶ LỆ HOÀN THÀNH KH
1	Tổng doanh thu (tỷ đ)	4.768,5	5.279	110,7%
2	Doanh thu bảo hiểm gốc (tỷ đ)	4.024	4.396,5	109,2%
3	Lợi nhuận trước thuế (tỷ đ)	288,8	291,2	100,8%
4	Mức chia cổ tức	Tối thiểu 10%	12%	120%

BÁO CÁO CỦA ỦY BAN KIỂM TOÁN

TRONG NĂM 2024, UBKT ĐÃ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ SAU:

- Giám sát và đánh giá việc thực hiện kế hoạch năm 2024; Đánh giá, phân tích các chỉ tiêu tài chính định kỳ 6 tháng, năm 2024;
- Rà soát hệ thống kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro;
- Rà soát giao dịch với người có liên quan; đề xuất HĐQT thông qua Nghị quyết về việc giao dịch giữa Tổng Công ty với người có liên quan đảm bảo chấp hành theo yêu cầu của cơ quan quản lý Nhà nước;
- Giám sát hoạt động của Ban Kiểm soát nội bộ và Ban Quản trị rủi ro;
- Giám sát Công ty Kiểm toán độc lập PWC theo hợp đồng cung cấp dịch vụ kiểm toán đã ký với PJICO năm 2024;
- Giám sát nhằm đảm bảo Tổng công ty tuân thủ quy định của pháp luật, yêu cầu của cơ quan quản lý và quy định nội bộ khác của Tổng công ty;
- Tham dự các phiên họp của HĐQT, các cuộc họp của Ban Điều hành có liên quan đến hoạt động kiểm soát và kiểm toán để tham gia góp ý kiến về định hướng điều hành kinh doanh, quản lý tài chính và hoàn thiện các quy chế quản lý;
- Thực hiện các báo cáo theo yêu cầu của Cổ đông lớn.

KẾ HOẠCH CỦA ỦY BAN KIỂM TOÁN NĂM 2025

Căn cứ nhiệm vụ của Ủy ban kiểm toán được quy định tại Điều lệ, Quy chế tổ chức hoạt động và các quy định có liên quan, UBKT có kế hoạch hoạt động trong năm 2025 như sau:

- Giám sát và đánh giá việc thực hiện kế hoạch năm 2025; Đánh giá, phân tích các chỉ tiêu Tài chính định kỳ 6 tháng, năm 2025;
- Giám sát hoạt động của Ban Kiểm toán nội bộ, ban Quản trị rủi ro;
- Rà soát giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về những giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông; Đề xuất HĐQT thông qua Nghị quyết về việc giao dịch giữa Tổng công ty với người có liên quan cho năm 2026.
- Trình ĐHCĐ xem xét, phê duyệt "Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập năm 2025". Theo dõi và đánh giá sự độc lập, khách quan của công ty kiểm toán độc lập và hiệu quả của quá trình kiểm toán;
- Đánh giá sự phối hợp giữa Ủy ban kiểm toán với hoạt động của HĐQT, Ban điều hành và các cán bộ quản lý khác;
- Giám sát nhằm bảo đảm Tổng công ty tuân thủ quy định của pháp luật, yêu cầu của cơ quan quản lý và quy định nội bộ khác của Tổng công ty.



04

QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

56	Thành viên & Cơ cấu HĐQT
58	Báo cáo hoạt động của HĐQT
61	Hoạt động của Các Ban thuộc HĐQT
62	Định hướng hoạt động của HĐQT năm 2025
64	Ủy ban Kiểm toán
65	Giao dịch, thù lao và đảm bảo lợi ích cổ đông và các nhà đầu tư
66	Đánh giá tình hình thực hiện quản trị Công ty dựa trên thẻ điểm quản trị Công ty khu vực Asean

THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

ÔNG PHẠM THANH HẢI

Chủ tịch Hội đồng quản trị

ÔNG LEE JAE HOON

Thành viên Hội đồng quản trị

BÀ NGUYỄN THỊ HƯƠNG GIANG

Thành viên Hội đồng quản trị

BÀ TRẦN THỊ BẢO NGỌC

Thành viên Hội đồng quản trị

BÀ HÀ KIM ANH

Thành viên Hội đồng quản trị

BÀ TRƯƠNG DIỆU LINH

Thành viên Hội đồng quản trị

BÀ LÊ THỊ LAN ANH

Thành viên Hội đồng quản trị độc lập



CÁC TIỂU BAN THUỘC HĐQT



HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT

Trong năm 2024, Hội đồng quản trị đã tổ chức hoạt động theo đúng quy định tại Điều lệ và các quy định của pháp luật, cụ thể:



TỔ CHỨC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG NHIỆM KỲ THÀNH VIÊN HĐQT NĂM 2024 VÀ CÁC CUỘC HỌP CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- HĐQT đã chỉ đạo, tổ chức thành công ĐHĐCĐ nhiệm kỳ thành viên HĐQT 2024-2029. Tại Đại hội đã bầu 07 thành viên HĐQT cho nhiệm kỳ mới 2024-2029.
- Tổ chức 05 phiên họp trực tiếp, ban hành 25 Nghị quyết và 90 Quyết định về các nội dung thuộc chức trách, nhiệm vụ của HĐQT.
- Các thành viên của HĐQT đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của Thành viên HĐQT theo quy định của pháp luật, Điều lệ và quy chế nội bộ của TCTy; hoàn thành lĩnh vực được phân công phụ trách, theo dõi, quản lý và giám sát.

VỀ CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO TRIỂN KHAI KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2024

- Căn cứ Nghị quyết của ĐHĐCĐ, Hội đồng quản trị đã ban hành nghị quyết số 08/2024/PJICO/NQ-HĐQT ngày 02/5/2024 về phê duyệt kế hoạch kinh doanh năm 2023 của Tổng công ty, làm cơ sở để Ban Giám đốc triển khai, thực hiện.
- HĐQT thường xuyên giám sát tiến độ kinh doanh của TCT, định kỳ đều yêu cầu Ban Tổng Giám đốc có báo cáo chi tiết tình hình triển khai kế hoạch kinh doanh, làm cơ sở để HĐQT có những quyết sách, chỉ đạo định hướng và giải pháp kịp thời nhằm đảm bảo việc hoàn thành Kế hoạch.
- Định kỳ hàng quý, HĐQT đã thực hiện công bố thông tin về hoạt động sản xuất kinh doanh tới các cổ đông theo quy định về Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, đảm bảo tính tuân thủ và đúng pháp luật.

VỀ CÔNG TÁC TỔ CHỨC, CÁN BỘ

- Ngày 10/04/2024, tại ĐHĐCĐ 2024 đã bầu 07 thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2024-2029. HĐQT đã thống nhất và ban hành nghị quyết số 05/2024/PJICO/QĐ-HĐQT ngày 10/4/2024 về việc bầu Ông Phạm Thanh Hải tiếp tục giữ chức Chủ tịch HĐQT, nhiệm kỳ Thành viên HĐQT 2024-2029.
- Ban hành Nghị quyết số 06/2024/PJICO/NQ-HĐQT ngày 19/4/2024 thống nhất nhân sự của Ủy Ban Kiểm toán nhiệm kỳ 2024-2029 (theo đó, bà Lê Thị Lan Anh – Thành viên độc lập HĐQT giữ chức Chủ tịch Ủy Ban kiểm toán).
- Tiếp tục chỉ đạo tổ chức thực hiện công tác quản lý cán bộ theo “Quy chế tổ chức cán bộ của TCT” Ban hành theo Quyết định số 28/2022/PJICO/QĐ-HĐQT từ phân cấp quản lý, tiêu chuẩn, quy hoạch, đánh giá, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại cán bộ. HĐQT đã bổ nhiệm/bổ nhiệm lại 01 Phó Tổng Giám đốc, 01 người phụ trách quản trị kiểm thư ký TCT, bổ nhiệm/tái bổ nhiệm, miễn nhiệm các giám đốc đơn vị tuân thủ quy trình, quy định của TCT.
- Chỉ đạo thực hiện đề án Tái cấu trúc các Ban thuộc Hội đồng quản trị để tăng cường công tác tổ chức quản trị hệ thống PJICO; tổ chức nghiên cứu và xây dựng chiến lược phát triển bền vững theo tiêu chuẩn ESG và xây dựng mô hình quản trị theo thông lệ tốt trong giai đoạn 2024-2029. Theo đó, HĐQT đã ban hành quyết định số 26/2024/PJICO/QĐ-HĐQT ngày 15/06/2024: Thành lập Ban Quản trị rủi ro trực thuộc HĐQT.
- Năm 2024, HĐQT cũng đã ban hành một số Quy chế thuộc thẩm quyền, như: Quy chế Thi đua khen thưởng, Quy chế Quản trị rủi ro; thành lập các tiểu ban nghiên cứu để sửa đổi Quy chế đầu tư, Quy chế tổ chức cán bộ nhằm tiếp tục hoàn thiện hệ thống khung quản trị nội bộ của Tổng công ty.

TIẾP TỤC NGHIÊN CỨU XÂY DỰNG CHIẾN LƯỢC NHẬN DIỆN THƯƠNG HIỆU GIAI ĐOẠN 2024 - 2030 TẦM NHÌN 2040.

- Tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 ngày 10/4/2024, ĐHĐCĐ đã thống nhất thông qua Logo nhận diện thương hiệu mới. Đến thời điểm hiện nay, TCT đã có bộ quy chuẩn về nhận diện thương hiệu bao gồm thiết kế bộ ấn phẩm văn phòng, hệ thống biển hiệu, hệ thống quảng cáo, hệ thống truyền thông online... để triển khai toàn diện việc thay đổi ấn phẩm văn phòng; và đang tổ chức thực hiện chuyển đổi dần trên toàn quốc về thay thế hệ thống biển hiệu và các nội dung khác liên quan;
- Bộ quy tắc ứng xử nội bộ của PJICO cơ bản đã được xây dựng xong và đang trong quá trình rà soát để trình phê duyệt.
- Đặc biệt, TCT cũng đã tổ chức sự kiện đại nhạc hội với quy mô lớn tại khu vực quảng trường Cách mạng Tháng 8 trong tháng 01/2025 để marketing, quảng bá hình ảnh logo nhận diện thương hiệu mới và tiếp cận rộng rãi hơn với đối tượng khách hàng hàng trẻ tuổi.



HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT

TIẾP TỤC GIÁM SÁT CÔNG TÁC TỔ CHỨC, TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CHUYỂN ĐỔI SỐ THEO BÁO CÁO CỦA ĐƠN VỊ TƯ VẤN VỀ CHIẾN LƯỢC CHUYỂN ĐỔI SỐ CỦA TCT ĐÃ ĐƯỢC HĐQT THÔNG QUA, ĐẢM BẢO ĐÚNG LỘ TRÌNH CÙNG NHƯ CHẤT LƯỢNG THEO KIẾN NGHỊ CỦA ĐƠN VỊ TƯ VẤN.

- Định kỳ, căn cứ báo cáo của Ban Tổng Giám đốc, HĐQT đều có những chỉ đạo về tiến độ thực hiện chuyển đổi số tại Tổng công ty để đảm bảo đúng theo lộ trình tư vấn về chuyển đổi số giai đoạn 2023-2028 tại TCTy.

DUY TRÌ XẾP HẠNG NĂNG LỰC TÀI CHÍNH HÀNG NĂM.

- PJICO tiếp tục được A.M. Best xếp hạng năng lực tài chính quốc tế ở mức "B++" (tốt), xếp hạng năng lực tổ chức phát hành mức "bbb" (tốt), triển vọng nâng hạng cho các chỉ tiêu là ổn định. Xếp hạng tín nhiệm trong phạm vi quốc gia (National Scale Rating – NSR) của PJICO sau khi quy đổi theo xếp hạng Quốc gia là "aaa.VN".



VỀ CÔNG TÁC KIỂM SOÁT NỘI BỘ

- HĐQT phối hợp với Ủy ban Kiểm toán tổ chức giám sát các giao dịch của TCT với người có liên quan theo quy định của pháp luật.
- Chỉ đạo Ban Kiểm toán nội bộ thực hiện công tác kiểm tra, kiểm toán theo kế hoạch phê duyệt để đảm bảo hoạt động của TCT tuân thủ quy định của pháp luật và của TCT; tổ chức khắc phục những hạn chế nếu có phát sinh.

CÔNG TÁC GIÁM SÁT ĐỐI VỚI TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

- HĐQT luôn theo sát và giám sát hoạt động điều hành của Tổng Giám đốc và của Ban điều hành đảm bảo công tác tổ chức hoạt động của TCT đúng thẩm quyền, đúng quy định của TCT và của pháp luật. Hàng quý, HĐQT họp để đánh giá kết quả quản trị, kinh doanh đối với các mặt hoạt động của TCT, với sự tham dự của toàn bộ Ban điều hành để TCT báo cáo, giải trình những vấn đề phát sinh. Bên cạnh đó,



HĐQT cũng thảo luận thống nhất để kịp thời giải quyết, tháo gỡ vướng mắc với mục tiêu tạo điều kiện tốt nhất cho hoạt động điều hành của TCT trên cơ sở tuân thủ quy định của pháp luật.

- HĐQT đã chỉ đạo, theo dõi và phối hợp với Tổng giám đốc tổ chức thực hiện và chấp hành đầy đủ, kịp thời các yêu cầu của cơ quan quản lý Nhà nước thuộc Bộ Tài Chính, Ủy Ban chứng khoán Nhà nước và các cơ quan Nhà nước khác theo quy định.

- Ủy Ban Kiểm toán với các thành viên là Ủy viên HĐQT thực hiện chức năng tổ chức kiểm tra, giám sát sát mọi mặt hoạt động điều hành của TCT theo quy định của pháp luật và Quy chế do HĐQT ban hành.

- Tổng Giám đốc và các cán bộ thuộc Ban điều hành đã thực hiện hoàn thành nhiệm vụ được giao; tổ chức thực hiện có trách nhiệm đối với các lĩnh vực được phân công tổ chức quản lý;

HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC BAN THUỘC HĐQT

BAN KIỂM TOÁN NỘI BỘ

Ban Kiểm toán Nội bộ thực hiện kế hoạch kiểm toán nội bộ năm 2024 được Hội đồng quản trị phê duyệt tại công văn số 09/2024/PJICO/CV-HĐQT ngày 31/01/2024. Theo đó HĐQT phê duyệt kế hoạch kiểm toán tại 18 đơn vị. Ban Kiểm toán Nội bộ đã hoàn thành kiểm toán tại 18/18 đơn vị. Kết thúc các đợt kiểm toán, Ban Kiểm toán nội bộ gửi báo cáo kết quả kiểm toán tới Tổng giám đốc để chỉ đạo các đơn vị khắc phục sau kiểm toán; thực hiện báo cáo kết quả kiểm toán định kỳ hàng quý tới Ủy ban Kiểm toán, Hội đồng quản trị.

BAN TỔNG HỢP

Ban Tổng hợp đã thực hiện tốt chức năng nhiệm vụ tham mưu, giúp việc cho Hội đồng quản trị trong công tác quản lý và giải quyết các công việc trên tất cả các lĩnh vực hoạt động của Tổng công ty; thực hiện nhiệm vụ tổ chức quản lý cổ đông đáp ứng đầy đủ các quyền của cổ đông nhanh chóng, chính xác, bài bản, chuyên nghiệp; tuân thủ các quy định của

Cơ quan quản lý Nhà nước về công bố thông tin và thực hiện quyền cho cổ đông; tổ chức chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp HĐQT và phối hợp với các bộ phận chức năng triển khai thủ tục họp ĐHCĐ ...

BAN QUẢN TRỊ RỦI RO

Được thành lập từ 15/06/2024, Ban QTRR đang tổ chức triển khai hoạt động theo chức năng nhiệm vụ được HĐQT phê duyệt với vai trò là cơ quan tham mưu cho HĐQT trong mọi lĩnh vực công tác liên quan đến quản trị rủi ro của toàn hệ thống.

ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2025

MỤC TIÊU TRỌNG TÂM

- Tiếp tục duy trì các chỉ tiêu tăng trưởng ổn định theo đúng định hướng kinh doanh giai đoạn 2024-2029 mà ĐHĐCĐ thường niên 2024 đã thông qua. Phấn đấu trở thành doanh nghiệp bảo hiểm đứng đầu thị trường bảo hiểm phi nhân thọ Việt Nam về chất lượng dịch vụ.
- Tiếp tục cải thiện vị thế trong Top đầu các doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ tại thị trường Bảo hiểm Việt Nam 2025, từng bước thu hẹp khoảng cách và thị phần với các doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ đứng trên.



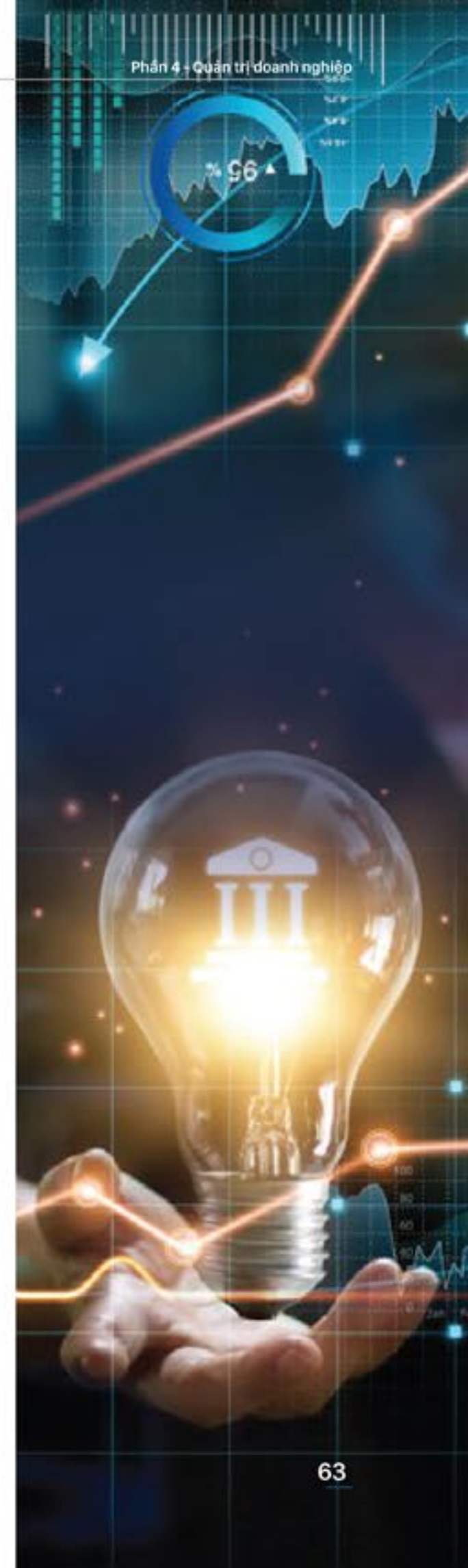
CÁC CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH

Với nhận định tình hình thị trường bảo hiểm và nền kinh tế năm 2025 vẫn còn nhiều khó khăn, thách thức, căn cứ kết quả sản xuất kinh doanh năm 2024 và điều kiện thực tiễn riêng của TCT, HĐQT dự kiến các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2025 chính như sau:

- Tổng doanh thu: 5.174,8 tỷ đồng. Trong đó: Doanh thu bảo hiểm gốc: 4.400 tỷ đồng
- Lợi nhuận trước thuế: 306 tỷ đồng.
- Tỷ lệ chi trả cổ tức bằng tiền: 12%/Vốn điều lệ.
- Các chỉ tiêu pháp lệnh kế hoạch năm 2025 trên đây được xây dựng trên cơ sở đánh giá các điều kiện về hoạt động kinh tế, xã hội diễn ra ổn định và phù hợp với năng lực của TCTy.

ĐỊNH HƯỚNG CÔNG TÁC CỦA HĐQT TRONG NĂM 2025

- Căn cứ các chỉ tiêu kế hoạch ĐHĐCĐ thông qua, HĐQT thực hiện giao kế hoạch kinh doanh chính thức và chỉ đạo, giám sát tiến độ thực hiện kế hoạch năm 2025 của TCTy để đảm bảo hoàn thành kế hoạch ĐHĐCĐ giao.
- Tổ chức chỉ đạo duy trì kết quả xếp hạng đánh giá theo tiêu chuẩn quốc tế của TCTy hiện tại, tiếp tục tích lũy năng lực tài chính để phấn đấu nâng mức xếp hạng tín nhiệm.
- Chỉ đạo tiếp tục triển khai thực hiện chiến lược về chuyển đổi số; tiếp tục triển khai thực hiện chiến lược nhận diện thương hiệu giai đoạn 2024-2030, tầm nhìn đến 2040.
- Nghiên cứu để xây dựng chiến lược về phát triển bền vững theo tiêu chuẩn ESG đảm bảo phù hợp thực tế hoạt động của TCTy.
- Xem xét thành lập thêm một số đơn vị mới tại các thị trường trọng điểm, có nhiều tiềm năng phát triển, tiếp tục chiếm lĩnh thị trường, tăng thị phần bảo hiểm của Tổng công ty.
- Căn cứ nhu cầu và trên cơ sở đề xuất của Ban Giám đốc, HĐQT sẽ xem xét về việc thành lập Chi nhánh bảo hiểm PJICO Digital nhằm đẩy mạnh hoạt động kinh doanh bảo hiểm online chuyên nghiệp theo xu thế kinh doanh đang ngày càng phát triển và thịnh hành tại Việt Nam.
- Chỉ đạo thực hiện chương trình Kỷ niệm 30 năm ngày thành lập Tổng công ty (1995 – 2025) đảm bảo trang trọng, thiết thực, tiết kiệm.
- Tiếp tục rà soát, sửa đổi, bổ sung để từng bước hoàn thiện hệ thống các quy trình, quy chế, quy định nội bộ của TCTy nhằm mục đích nâng cao chất lượng quản lý, quản trị và phù hợp với các quy định của Pháp luật và các quy định có liên quan khác.
- Bám sát tình hình, diễn biến của thị trường, chỉ đạo sát sao Ban điều hành để có những đề xuất và tổ chức triển khai các giải pháp linh hoạt đồng bộ với mục tiêu tiếp tục nâng cao các chỉ tiêu kế hoạch doanh thu bảo hiểm gốc, doanh thu đầu tư. Gắn kế hoạch kinh doanh được giao của tổ chức với trách nhiệm của người đứng đầu các Ban nghiệp vụ và người đứng đầu các Đơn vị trực thuộc; thực hiện đánh giá, tổng kết định kỳ kết quả hoạt động kinh doanh của các bộ phận kinh doanh và đơn vị để có những giải pháp kịp thời phù hợp.
- Thống nhất cơ bản các giải pháp trọng tâm tập trung thực hiện trong năm 2025 theo báo cáo của Tổng giám đốc tại Đại hội.



ỦY BAN KIỂM TOÁN

THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU ỦY BAN KIỂM TOÁN

Ủy ban kiểm toán được thành lập theo Quyết định số 44/2021/PJICO/QĐ-HĐQT ngày 20/09/2021 của Hội đồng quản trị Tổng công ty Cổ phần Bảo hiểm Petrolimex gồm 02 thành viên dưới đây:



BÀ LÊ THỊ LAN ANH
CHỦ TỊCH ỦY BAN KIỂM TOÁN



BÀ TRƯƠNG DIỆU LINH
THÀNH VIÊN ỦY BAN KIỂM TOÁN

HOẠT ĐỘNG CỦA UBKT TRONG NĂM 2024

Trong năm 2024, UBKT đã thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Giám sát và đánh giá việc thực hiện kế hoạch năm 2024; Đánh giá, phân tích các chỉ tiêu tài chính định kỳ 6 tháng, năm 2024;
- Rà soát hệ thống kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro;
- Rà soát giao dịch với người có liên quan; đề xuất HĐQT thông qua Nghị quyết về việc giao dịch giữa Tổng Công ty với người có liên quan đảm bảo chấp hành theo yêu cầu của cơ quan quản lý Nhà nước;
- Giám sát hoạt động của Ban Kiểm soát nội bộ và Ban Quản trị rủi ro;
- Giám sát Công ty Kiểm toán độc lập PWC theo hợp đồng cung cấp dịch vụ kiểm toán đã ký với PJICO năm 2024;
- Giám sát nhằm đảm bảo Tổng công ty tuân thủ quy định của pháp luật, yêu cầu của cơ quan quản lý và quy định nội bộ khác của Tổng công ty;
- Tham dự các phiên họp của HĐQT, các cuộc họp của Ban Điều hành có liên quan đến hoạt động kiểm soát và kiểm toán để tham gia góp ý kiến về định hướng điều hành kinh doanh, quản lý tài chính và hoàn thiện các quy chế quản lý;
- Thực hiện các báo cáo theo yêu cầu của Cổ đông lớn.

SỰ PHỐI HỢP CỦA ỦY BAN KIỂM TOÁN VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

- Trong quá trình hoạt động giám sát, UBKT luôn phối hợp tốt với các thành viên HĐQT, thành viên Ban Điều hành, và các cán bộ quản lý các phòng ban liên quan trong khuôn khổ thực hiện chức năng giám sát của mình. Ban Điều hành luôn tạo điều kiện thuận lợi và thực hiện kịp thời các yêu cầu về thông tin phục vụ công tác giám sát của UBKT;
- Ủy ban Kiểm toán tổng hợp các ý kiến của các thành viên để thống nhất báo cáo kết quả giám sát cho Chủ tịch HĐQT và các thành viên HĐQT trong các phiên họp định kỳ. Phân tích và đưa ra các kiến nghị trong công tác điều hành và quản lý nhằm khắc phục kịp thời các tồn tại, đảm bảo công tác kinh doanh của Tổng Công ty đạt hiệu quả cao nhất.

KẾ HOẠCH CỦA ỦY BAN KIỂM TOÁN NĂM 2025

Căn cứ nhiệm vụ của Ủy ban kiểm toán được quy định tại Điều lệ, Quy chế tổ chức hoạt động và các quy định có liên quan, UBKT có kế hoạch hoạt động trong năm 2025 như sau:

- Giám sát và đánh giá việc thực hiện kế hoạch năm 2025; Đánh giá, phân tích các chỉ tiêu Tài chính định kỳ 6 tháng, năm 2025;
- Giám sát hoạt động của Ban Kiểm toán nội bộ; ban Quản trị rủi ro;
- Rà soát giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về những giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông; Đề xuất HĐQT thông qua Nghị quyết về việc giao dịch giữa Tổng công ty với người có liên quan cho năm 2026.
- Trình ĐHCĐ xem xét, phê duyệt "Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập năm 2025". Theo dõi và đánh giá sự độc lập, khách quan của công ty kiểm toán độc lập và hiệu quả của quá trình kiểm toán;
- Đánh giá sự phối hợp giữa Ủy ban kiểm toán với hoạt động của HĐQT, Ban điều hành và các cán bộ quản lý khác;
- Giám sát nhằm bảo đảm Tổng công ty tuân thủ quy định của pháp luật, yêu cầu của cơ quan quản lý và quy định nội bộ khác của Tổng công ty.

GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ ĐẢM BẢO LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG VÀ CÁC NHÀ ĐẦU TƯ

LƯƠNG, THƯỜNG, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH

- TCT thực hiện áp dụng chế độ lương, thù lao của các thành viên HĐQT theo đúng quy định của Pháp luật và nội dung Tờ trình đã được ĐHCĐ thường niên năm 2024 thông qua. Chi tiết tiền lương, thù lao của các thành viên HĐQT năm 2024 theo Tờ trình ĐHCĐ.

ĐẢM BẢO LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG VÀ CÁC NHÀ ĐẦU TƯ

- Đảm bảo công bằng các quyền lợi của tất cả các Cổ đông, TCT luôn thực hiện thực hiện cung cấp thông tin tới các Cổ đông theo nguyên tắc công khai, minh bạch hoạt động kinh doanh của TCT và đảm bảo tuân thủ đúng quy định của pháp luật về thực hiện báo cáo đối với Công ty Đại chúng niêm yết.
- Hoạt động của TCT luôn hướng tới mục tiêu tối đa hóa lợi ích của các Cổ đông thông qua việc tạo ra thêm giá trị gia tăng cho các Cổ đông. Hiện thực hóa lợi ích cổ đông ngay trong quý 1 năm 2024, khi dự tính được kết quả hoạt động kinh doanh của TCT năm 2023, bằng hình thức tạm ứng cổ tức năm 2023 cho các cổ đông với mức 10% bằng tiền mặt và đã trình Đại hội đồng cổ đông mức chi trả toàn bộ cổ tức năm 2023 là 12% bằng tiền mặt.
- Đảm bảo công bằng các quyền lợi của tất cả các Cổ đông, thực hiện cung cấp thông tin tới các Cổ đông rõ ràng, minh bạch, chính xác và đúng thời gian theo quy định của pháp luật.



ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN QUẢN TRỊ CÔNG TY DỰA TRÊN THẺ ĐIỂM QUẢN TRỊ KHU VỰC ASEAN

CÂU HỎI	NỘI DUNG CÂU HỎI	ĐÁNH GIÁ	CƠ SỞ ĐÁNH GIÁ
A.	Quyền của cổ đông		
A.1.	Quyền cơ bản của cổ đông		
A.1.1	Công ty có trả cổ tức (kỳ giữa và kỳ cuối hàng năm) một cách bình đẳng và kịp thời; nghĩa là, tất cả cổ đông được đối xử bình đẳng và được trả trong vòng 30 ngày sau khi được (i) công bố đối với cổ tức giữa kỳ và (ii) được cổ đông thông qua tại các Đại hội cổ đông đối với cổ tức cuối năm? Trong trường hợp công ty công bố phương án chọn lựa chi trả cổ tức cổ phiếu (script dividend), công ty có trả cổ tức trong vòng 60 ngày kể từ ngày công bố hay không?	Có	Thực hiện theo đúng quy định của Pháp luật
A.2	Quyền tham gia vào các quyết định liên quan - Tham chiếu nguyên tắc đến những thay đổi quan trọng của công ty		
	Cổ đông có quyền tham gia:		
A.2.1	Sửa đổi qui chế công ty?	Có	Thực hiện theo đúng quy định của Pháp luật
A.2.2	Biểu quyết phát hành thêm cổ phiếu?	Có	Thực hiện theo đúng quy định của Pháp luật
A.2.3	Chuyển nhượng toàn bộ hay phần lớn tài sản của công ty, dẫn đến việc bán công ty?	Có	Thực hiện theo đúng quy định của Pháp luật
A3	Quyền tham gia một cách hiệu quả và biểu quyết tại Đại Hội đồng Cổ đông, và phải được thông tin về quy định họp Đại Hội đồng Cổ đông, bao gồm cả thủ tục biểu quyết		
A3.1	Cổ đông có cơ hội, thể hiện bởi nội dung trên chương trình nghị sự, thông qua thủ lao (phí, thủ lao, các hình thức quyền lợi hiện vật hoặc các bổng lộc khác) hoặc mọi khoản tăng thủ lao cho thành viên/ủy viên Hội đồng Quản trị không điều hành?	Có	Thực hiện theo đúng quy định của Pháp luật
A3.2	Công ty có cho phép cổ đông không có quyền kiểm soát quyền cử thành viên/ủy viên Hội đồng Quản trị?	Có	Thực hiện theo đúng quy định của Pháp luật
A3.3	Công ty có cho phép cổ đông bầu chọn từng thành viên/ủy viên Hội đồng Quản trị?	Có	Thực hiện theo đúng quy định của Pháp luật
A3.4	Công ty có công bố thủ tục biểu quyết được sử dụng trước khi Đại hội tiến hành?	Có	Thực hiện theo đúng quy định của Pháp luật
A3.5	Biên bản họp ĐHĐCĐ mới nhất có ghi nhận rằng cổ đông có cơ hội đặt câu hỏi và câu hỏi cùng câu trả lời có được ghi nhận?	Có	Thực hiện theo đúng quy định của Pháp luật
A3.6	Công ty có công bố kết quả bầu chọn bao gồm số phiếu thông qua, phân đối, và phiếu trống cho mỗi nội dung dự thảo lấy ý kiến của ĐHĐCĐ gần nhất?	Có	Thực hiện theo đúng quy định của Pháp luật
A3.7	Công ty có công bố danh sách thành viên Hội đồng Quản trị tham dự ĐHĐCĐ gần nhất?	Có	Thực hiện theo đúng quy định của Pháp luật
A3.8	Công ty có công bố rằng tất cả thành viên Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc/Giám đốc Điều hành (nếu Tổng Giám đốc/ Giám đốc Điều hành không phải là thành viên Hội đồng Quản trị) có tham dự ĐHĐCĐ gần nhất?	Có	Thực hiện theo đúng quy định của Pháp luật
A3.9	Công ty có cho phép biểu quyết vắng mặt?	Có	Thực hiện theo đúng quy định của Pháp luật
A3.10	Công ty sử dụng hình thức biểu quyết căn cứ theo số phiếu biểu quyết của cổ đông (không phải bằng cách giơ tay) đối với mọi nghị quyết tại ĐHĐCĐ mới nhất?	Có	

CÂU HỎI	NỘI DUNG CÂU HỎI	ĐÁNH GIÁ	CƠ SỞ ĐÁNH GIÁ
A3.11	Công ty có công bố việc đã bổ nhiệm một bên độc lập (kiểm tra, giám sát viên) tham gia ban kiểm phiếu để đếm và/hoặc thẩm định phiếu bầu tại ĐHĐCĐ?	Có	Thực hiện theo đúng quy định của Pháp luật
A3.12	Công ty có công bố công khai vào ngày làm việc tiếp theo kết quả biểu quyết đối với tất cả nghị quyết trong ĐHĐCĐ gần nhất?	Có	Thực hiện theo đúng quy định của Pháp luật
A3.13	Công ty có thông báo ĐHĐCĐ và ĐHCĐ bất thường trước tối thiểu 21 ngày?	Có	Thực hiện theo đúng quy định của Pháp luật
A3.14	Công ty có cung cấp cơ sở, thông tin và giải trình cho mỗi mục trong dự thảo nghị quyết cần được cổ đông thông qua trong thông báo về ĐHĐCĐ/ tài liệu ĐHĐCĐ/Dự thảo và/hoặc các báo cáo đính kèm?	Có	Thực hiện theo đúng quy định của Pháp luật
A3.15	Cổ đông có được cho cơ hội để đóng góp (các) vấn đề thảo luận vào trong chương trình nghị sự của ĐHĐCĐ?	Có	Thực hiện theo đúng quy định của Pháp luật
A4.1	Trong các trường hợp sáp nhập, mua lại và/hoặc thầu tóm cần được cổ đông thông qua, thành viên/ủy viên Hội đồng Quản trị của công ty được đề nghị có bổ nhiệm một bên độc lập đánh giá sự hợp lý của giá giao dịch sáp nhập, mua lại?	Có	Thực hiện theo đúng quy định của Pháp luật
A5	Cần tạo điều kiện thực hiện quyền sở hữu cho mọi cổ đông, bao gồm cả các nhà đầu tư - Tham chiếu nguyên tắc tổ chức		
B	Đối xử bình đẳng với cổ đông		
B1	Cổ phiếu và quyền biểu quyết - Tham chiếu nguyên tắc G20/OECD (2015) II		
B1.1	Mỗi cổ phiếu phổ thông của công ty có một phiếu biểu quyết?	Có	Thực hiện theo đúng quy định của Pháp luật
B.1.2	Trong trường hợp công ty có nhiều hơn một loại cổ phiếu, công ty có công bố số phiếu biểu quyết gắn với mỗi loại cổ phiếu (vd: thông qua trang thông tin điện tử/báo cáo/sổ giao dịch chứng khoán/trang thông tin điện tử của cơ quan quản lý)? (Chỉ có 1 loại cổ phiếu)	Có	Thực hiện theo đúng quy định của Pháp luật
B.2	Thông báo ĐHĐCĐ - Tham chiếu nguyên tắc G20/OECD (2015) II		
B.2.1	Mỗi nghị quyết trong ĐHĐCĐ gần nhất chỉ liên quan đến một nội dung của dự thảo nghị quyết, nghĩa là không gộp nhiều nội dung vào trong cùng một nghị quyết?	không	
B.2.2	Thông báo và tài liệu ĐHĐCĐ gần nhất có được dịch đầy đủ sang tiếng Anh và công bố vào cùng ngày với tài liệu theo ngôn ngữ địa phương?	không	
	Thông báo về ĐHĐCĐ có những chi tiết sau không: Tham chiếu Nguyên tắc ICGN		
B.2.3	Có cung cấp tiểu sử của thành viên/ủy viên Hội đồng Quản trị sẽ được bầu chọn/bầu chọn lại (tối thiểu là tuổi, trình độ đào tạo, chuyên môn, ngày bỏ nhiệm đầu tiên, kinh nghiệm, và vị trí thành viên Hội đồng Quản trị đang tại vị trong các công ty niêm yết	Có	Thực hiện theo đúng quy định của Pháp luật
B.2.4	Kiểm toán viên/công ty kiểm toán chuẩn bị được bầu chọn/ bầu chọn lại có được xác định rõ ràng?	Có	Thực hiện theo đúng quy định của Pháp luật
B.2.5	Giấy ủy quyền tham dự ĐHĐCĐ được cung cấp dễ dàng?	Có	Thực hiện theo đúng quy định của Pháp luật
B.3	Phải ngăn cấm giao dịch nội gián và lạm dụng mua bán tư lợi cá nhân		
	Tham chiếu nguyên tắc G20/OECD (2015) III & ICGN		
B.3.1	Công ty có chính sách và/hoặc quy định cấm thành viên Hội đồng Quản trị và nhân viên không được kiểm lợi từ những kiến thức không được công bố ra bên ngoài?	Có	Thực hiện theo đúng quy định của Pháp luật
B.3.2	Thành viên Hội đồng Quản trị có được yêu cầu phải báo cáo giao dịch cổ phiếu công ty trong vòng 3 ngày làm việc?	Có	Thực hiện theo đúng quy định của Pháp luật
B.4	Giao dịch bên liên quan của thành viên Hội đồng Quản trị và cán bộ quản lý cấp cao Tham chiếu nguyên tắc G20/OECD (2015) II & ICGN 9.3	Có	Thực hiện theo đúng quy định của Pháp luật
B.4.1	Công ty có chính sách yêu cầu thành viên Hội đồng Quản trị công bố lợi ích có liên quan trong các giao dịch và mọi xung đột lợi ích với công ty không?	Có	Thực hiện theo đúng quy định của Pháp luật
B.4.2	Công ty có chính sách yêu cầu một tiểu ban bao gồm thành viên Hội đồng Quản trị độc lập rà soát GDBLQ trọng yếu/quan trọng để xác định liệu những giao dịch đó có phục vụ lợi ích tốt nhất của công ty và cổ đông không?	Có	Thực hiện theo đúng quy định của Pháp luật

ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN QUẢN TRỊ CÔNG TY DỰA TRÊN THẺ ĐIỂM QUẢN TRỊ KHU VỰC ASEAN

CÂU HỎI	NỘI DUNG CÂU HỎI	ĐÁNH GIÁ	CƠ SỞ ĐÁNH GIÁ
B.4.3	Công ty có chính sách yêu cầu thành viên Hội đồng Quản trị không tham gia họp Hội đồng Quản trị trong các cuộc họp về các hoạt động, giao dịch mà thành viên đó có xung đột lợi ích?	Có	Thực hiện theo đúng quy định của Pháp luật
B.4.4	Công ty có chính sách về khoản vay cho thành viên Hội đồng Quản trị, trong đó qui định cấm hoạt động này hoặc đảm bảo rằng các khoản vay được thực hiện trên cơ sở giao dịch hợp lý theo lãi suất thị trường?	Có	Thực hiện theo đúng quy định của Pháp luật
B.5	Bảo vệ cổ đông thiểu số trước các hành vi lạm dụng Tham chiếu nguyên tắc G20/OECD (2015) II, ICGN 9.5 & ICGN 9.10		
B.5.1	Công ty có công bố về việc GDBLQ được thực hiện theo cách đảm bảo rằng những giao dịch đó là hợp lý và theo cơ chế thị trường?	Có	Thực hiện theo đúng quy định của Pháp luật
B.5.2	Trong trường hợp cần có phê duyệt của cổ đông thông qua các giao dịch các bên liên quan, việc biểu quyết phê duyệt phải được biểu quyết bởi các cổ đông không liên quan lợi ích.	Có	Thực hiện theo đúng quy định của Pháp luật
C	VAI TRÒ CỦA CÁC BÊN CÓ QUYỀN LỢI LIÊN QUAN		
C.1	Quyền của các bên có quyền lợi liên quan được pháp luật quy định hoặc theo các thỏa thuận song phương phải được tôn trọng - Tham chiếu nguyên tắc G20/OECD (2015) IV (A) & G20/OECD (2015) IV (B) Công ty có công bố chính sách và các thực hành về:	Có	
C.1.1	Công bố chính sách và các thực hành nhằm bảo vệ quyền lợi khách hàng?	Có	
C.1.2	Công bố chính sách và các thực hành, qui trình và thủ tục lựa chọn nhà cung cấp/nhà thầu?	Có	
C.1.3	Công bố chính sách và các thực hành, mô tả nỗ lực của công ty nhằm bảo đảm chuỗi giá trị của công ty thân thiện với môi trường hoặc phù hợp với việc thúc đẩy phát triển bền vững?	Có	
C.1.4	Công bố chính sách và các thực hành, mô tả nỗ lực của công ty trong việc tương tác với cộng đồng nơi công ty hoạt động?	Có	
C.1.5	Công bố chính sách và các thực hành phòng chống tham nhũng của công ty?	Có	
C.1.6	Công bố chính sách và các thực hành, mô tả cách thức bảo vệ quyền lợi của chủ nợ?	Có	
C.1.7	Công ty có viết báo cáo/nội dung riêng mô tả các nỗ lực về các vấn đề về môi trường/kinh tế và xã hội?	Có	
C.2.1	Công ty có cung cấp thông tin liên hệ trên website của công ty hay Báo cáo thường niên để các bên có quyền lợi liên quan (vd: khách hàng, nhà cung cấp, công chúng...) có thể sử dụng để lên tiếng về lo ngại và/hoặc khiếu kiện về những vi phạm có thể xảy ra đối với quyền lợi của họ?	Có	
C.3	Các cơ chế nâng cao hiệu quả tham gia của người lao động cần được phép xây dựng. Tham chiếu nguyên tắc G20/OECD (2015) IV (C)		
C.3.1	Công ty có công bố rõ ràng chính sách và thực hành, nỗ lực về sức khỏe, an toàn, và phúc lợi cho nhân viên?	Có	
C.3.2	Công ty có công bố rõ ràng chính sách và thực hành, nỗ lực về các chương trình đào tạo và phát triển cho nhân viên?	Có	
C.3.3	Công ty có chính sách khen thưởng gắn với hiệu quả hoạt động của công ty trong dài hạn hơn là trong ngắn hạn?	Có	
C.4	Các bên có quyền lợi liên quan, bao gồm cả người lao động và tổ chức đại diện cho họ, phải được tự do truyền đạt những lo ngại của họ về những		

CÂU HỎI	NỘI DUNG CÂU HỎI	ĐÁNH GIÁ	CƠ SỞ ĐÁNH GIÁ
	việc làm không hợp pháp hoặc không phù hợp đạo đức lên Hội đồng Quản trị và việc này không được ảnh hưởng tới quyền lợi của họ. Tham chiếu nguyên tắc G20/OECD (2015) IV (E)		
C.4.1	Công ty có chính sách tố giác bao gồm quy trình khiếu nại dành cho nhân viên và các bên liên quan về hành vi không hợp pháp (kể cả tham nhũng) hoặc không phù hợp đạo đức và cung cấp thông tin liên hệ khiếu nại chi tiết được để cập trên trang web công ty hoặc báo cáo thường niên.	Có	
C.4.2	Công ty có chính sách hay thủ tục để bảo vệ nhân viên/cá nhân khỏi bị trả đũa vì đã tiết lộ hành vi không hợp pháp/ không phù hợp đạo đức?	Có	
D	CÔNG BỐ THÔNG TIN VÀ MINH BẠCH		
D.1	Cầu trúc sở hữu minh bạch Tham chiếu nguyên tắc G20/OECD (2015)		
D.1.1	Thông tin về cổ đông có tiết lộ danh tính của các chủ sở hữu nắm giữ 5% cổ phần trở lên?	Có	
D.1.2	Công ty có công bố việc sở hữu cổ phần trực tiếp và (được cho là) gián tiếp của cổ đông lớn?	Có	
D.1.3	Công ty có công bố việc sở hữu cổ phần trực tiếp và (được cho là) gián tiếp của thành viên Hội đồng Quản trị?	Có	
D.1.4	Công ty có công bố việc sở hữu cổ phần trực tiếp và (được cho là) gián tiếp của ban điều hành?	Có	
D.1.5	Công ty có công bố chi tiết về công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết, công ty liên doanh và doanh nghiệp/công ty có mục đích đặc biệt (SPE)/[SPV]?	Có	
	Báo cáo thường niên của công ty có công bố những nội dung sau (Tham chiếu nguyên tắc G20/OECD (2015) V (A))		
D.2.1	Mục tiêu của công ty	Có	
D.2.2	Chỉ số hiệu quả tài chính	Có	
D.2.3	Chỉ số hiệu quả phi tài chính	Có	
D.2.4	Chính sách cổ tức	Có	
D.2.5	Chi tiết tiểu sử (tối thiểu tuổi, trình độ đào tạo, chuyên môn, ngày đầu bổ nhiệm, kinh nghiệm phù hợp, và vị trí thành viên Hội đồng Quản trị nào khác đang nắm giữ tại các công ty niêm yết) của thành viên Hội đồng Quản trị	Có	
D.2.6	Chi tiết về tham gia của mỗi thành viên Hội đồng Quản trị trong các cuộc họp Hội đồng Quản trị đã thực hiện trong năm	Có	
D.2.7	Tổng thù lao của mỗi thành viên Hội đồng Quản trị	Có	
	Tuyên bố Kháng định về Quản trị Công ty (Tham chiếu nguyên tắc G20/OECD (2015) V (A) (8))		
D.2.8	Báo cáo thường niên có công bố phát biểu, tuyên bố kháng định sự tuân thủ đầy đủ của công ty với quy tắc quản trị công ty và trong trường hợp có tình trạng không tuân thủ, có xác định rõ và giải thích lý do cho mỗi vấn đề đó không?	Có	
D.3.1	Công ty có công bố chính sách về rà soát và phê duyệt giao dịch với bên liên quan trọng yếu/quan trọng?	Có	
D.3.2	Công ty có công bố tên của bên liên quan, mối quan hệ, bản chất và giá trị cho mỗi giao dịch với bên liên quan trọng yếu/quan trọng?	Có	
D.4	Thành viên/ủy viên Hội đồng Quản trị giao dịch cổ phiếu của công ty Tham chiếu nguyên tắc G20/OECD (2015) V (A)		
D.4.1	Công ty có công bố giao dịch cổ phiếu của công ty do người nội bộ của công ty thực hiện?	Có	
D.5	Kiểm toán độc lập và Báo cáo kiểm toán Trường hợp cùng công ty kiểm toán cung cấp cả dịch vụ kiểm toán và phi kiểm toán Tham chiếu nguyên tắc G20/OECD (2015) V		
D.5.1	Phi kiểm toán và phi kiểm toán có được công bố công khai?	Không	
D.5.2	Phi dịch vụ phi kiểm toán có cao hơn phi dịch vụ kiểm toán?	Không	
D.6	Phương tiện truyền thông Công ty có sử dụng các hình thức truyền thông sau đây? Tham chiếu nguyên tắc G20/OECD (2015) V (E), OECD VI (C), OECD VI (E), OECD VI (A), ICGN 7.2 & ICGN 7.3		
D.6.1	Báo cáo Quý	Có	Thực hiện theo đúng quy định của Pháp luật

ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN QUẢN TRỊ CÔNG TY DỰA TRÊN THẺ ĐIỂM QUẢN TRỊ KHU VỰC ASEAN

CÂU HỎI	NỘI DUNG CÂU HỎI	ĐÁNH GIÁ	CƠ SỞ ĐÁNH GIÁ
D.6.2	Trang thông tin điện tử của công ty	Có	
D.6.3	Đánh giá của chuyên gia phân tích	Không	
D.6.4	Thông tin trên phương tiện truyền thông/hợp báo	Có	
D.7.1	Báo cáo tài chính năm đã kiểm toán có được công bố công khai trong vòng 120 ngày kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính?	Có	
D.7.2	Báo cáo thường niên có được công bố công khai trong vòng 120 ngày kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính?	Có	
D.7.3	Sự trung thực và hợp lý của báo cáo tài chính năm có được thành viên Hội đồng Quản trị và/hoặc thành viên điều hành có thẩm quyền của công ty khẳng định?	Có	
D.8	Công ty có trang thông tin điện tử công bố thông tin cập nhật về: Tham chiếu nguyên tắc G20/OECD (2015) VI (A) & G20/OECD (2015) VI (E)		
D.8.1	Báo cáo Tài chính (quý gần nhất)	Có	Thực hiện theo đúng quy định của Pháp luật
D.8.2	Tài liệu của chuyên gia phân tích và cơ quan truyền thông	Không	
D.8.3	Báo cáo thường niên có thể được tải về	Có	Thực hiện theo đúng quy định của Pháp luật
D.8.4	Thông báo và tài liệu hợp ĐHCD và/hoặc ĐHCD bất thường	Có	Thực hiện theo đúng quy định của Pháp luật
D.8.5	Biên bản họp ĐHCD và/hoặc ĐHCD bất thường	Có	Thực hiện theo đúng quy định của Pháp luật
D.8.6	Điều lệ công ty có thể được tải về	Có	Thực hiện theo đúng quy định của Pháp luật
D.9	Quan hệ nhà đầu tư Tham chiếu nguyên tắc ICGN 7.1		
D.9.1	Công ty có công bố thông tin liên hệ (vd: số điện thoại, fax, và email) của cán bộ/bộ phận chịu trách nhiệm về quan hệ nhà đầu tư?	Có	Thực hiện theo đúng quy định của Pháp luật
E	TRÁCH NHIỆM CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ		
	Trách nhiệm của Hội đồng Quản trị và qui chế quản trị công ty được xác định rõ ràng Tham chiếu nguyên tắc G20/OECD (2015) V & G20/OECD (2015) VI		
E.1.1	Công ty có công bố qui chế quản trị công ty/điều lệ hoạt động của Hội đồng Quản trị?	Có	Thực hiện theo đúng quy định của Pháp luật
E.1.2	Các loại quyết định phải có phê duyệt của thành viên Hội đồng Quản trị có được công bố công khai?	Có	Thực hiện theo đúng quy định của Pháp luật
E.1.3	Vai trò và trách nhiệm của thành viên Hội đồng Quản trị có được quy định và công bố rõ ràng?	Có	Thực hiện theo đúng quy định của Pháp luật
	Phân công trách nhiệm giữa các thành viên Hội đồng Quản trị Tầm nhìn/sứ mệnh của công ty Tham chiếu nguyên tắc G20/OECD (2015) V, G20/OECD (2015) VI, ICGN (2014): 4.1 & 1.2		
E.1.4	Công ty có công bố tầm nhìn và sứ mệnh được xem xét, cập nhật?	Có	Thực hiện theo đúng quy định của Pháp luật
E.1.5	Thành viên Hội đồng Quản trị có đóng vai trò lãnh đạo trong quá trình xây dựng/theo dõi chiến lược của công ty ít nhất một năm?	Có	Thực hiện theo đúng quy định của Pháp luật
E.1.6	Thành viên Hội đồng Quản trị có quy trình xem xét, giám sát, theo dõi việc thực hiện chiến lược của công ty?	Có	Thực hiện theo đúng quy định của Pháp luật
	Bộ Quy tắc Đạo đức hoặc Ứng xử Tham chiếu nguyên tắc G20/OECD (2015)		
E.2.1	Chi tiết của Bộ Quy tắc Đạo đức hoặc Ứng xử có được công bố công khai?	Có	

CÂU HỎI	NỘI DUNG CÂU HỎI	ĐÁNH GIÁ	CƠ SỞ ĐÁNH GIÁ
E.2.2	Công ty có công bố về việc tất cả thành viên Hội đồng Quản trị, lãnh đạo cấp cao và nhân viên phải tuân thủ bộ quy tắc?	Có	
E.2.3	Công ty có công bố cách thực hiện và giám sát việc tuân thủ Bộ Quy tắc Đạo đức hoặc Ứng xử?	Có	
	Thành phần và cơ cấu của Hội đồng Quản trị Tham chiếu nguyên tắc G20/OECD V, QUY ĐỊNH CỦA ANH (2016) & G20/OECD (2015) VI (E)		
E.2.4	Thành viên Hội đồng Quản trị độc lập có chiếm tối thiểu 50% số thành viên Hội đồng Quản trị?	Có	
E.2.5	Công ty có giới hạn về nhiệm kỳ tối đa 9 năm hoặc ít hơn hoặc tối đa 2 nhiệm kỳ 5 năm 1 đối với mỗi thành viên Hội đồng Quản trị độc lập? 1 Nhiệm kỳ 5 năm phải được yêu cầu bởi các đạo luật đã có từ trước khi đưa ra Thẻ Điểm Quản trị Công ASEAN vào năm 2011	Có	Thực hiện theo đúng quy định của Pháp luật
E.2.6	Công ty có đặt ra giới hạn tối đa năm vị trí Hội đồng Quản trị mà một thành viên Hội đồng Quản trị độc lập/không điều hành có thể nắm giữ đồng thời tại những công ty khác không?	Có	
E.2.7	Công ty có thành viên Hội đồng Quản trị điều hành nào phục vụ tại hơn 2 Hội đồng Quản trị của các công ty niêm yết ngoài Tổng Công ty?	Không	
	Tiểu ban nhân sự		
E.2.8	Công ty có Tiểu ban Nhân sự hay không?	Không	
E.2.9	Tiểu ban Nhân sự có bao gồm đa số thành viên HĐQT độc lập?	Không	
E.2.10	Chủ tịch của Tiểu ban Nhân sự có phải là thành viên HĐQT độc lập?	Không	
E.2.11	Công ty có công bố quy chế hoạt động/ cơ cấu quản trị/ điều lệ của Tiểu ban Nhân sự?	Không	
E.2.12	Sự tham gia của thành viên trong các cuộc họp của Tiểu ban Nhân sự có được công bố công khai, nếu có, Tiểu ban Nhân sự có họp tối thiểu hai lần trong năm?	Không	
	Tiểu ban Thủ lao/ Lương thưởng		
E.2.13	Công ty có Tiểu ban Thủ lao không?	Không	
E.2.14	Tiểu ban Thủ lao có bao gồm đa số thành viên HĐQT độc lập?	Không	
E.2.15	Chủ tịch của Tiểu ban Thủ lao có phải là thành viên HĐQT độc lập?	Không	
E.2.16	Công ty có công bố quy chế hoạt động/ cơ cấu quản trị/ điều lệ của Tiểu ban Thủ lao?	Không	
E.2.17	Sự tham gia của thành viên trong các cuộc họp của Tiểu ban Thủ lao có được công bố công khai, nếu có, Tiểu ban Thủ lao có họp tối thiểu hai lần trong năm?	Không	
	Tiểu ban Kiểm toán		
E.2.18	Công ty có Tiểu ban Kiểm toán không?	Có	
E.2.19	Tiểu ban Kiểm toán có bao gồm toàn bộ thành viên HĐQT không điều hành với đa số thành viên/ủy viên HĐQT độc lập?	Có	
E.2.20	Chủ tịch của Tiểu ban Kiểm toán có phải là thành viên HĐQT độc lập?	Có	
E.2.21	Công ty có công bố quy chế hoạt động/cơ cấu quản trị/điều lệ của Tiểu ban Kiểm toán?	Có	
E.2.22	Tối thiểu một thành viên HĐQT độc lập của Tiểu ban Kiểm toán có chuyên môn về kế toán không (trình độ chuyên môn hoặc kinh nghiệm kế toán)?	Có	
E.2.23	Sự tham gia của thành viên trong các cuộc họp của Tiểu ban Kiểm toán có được công bố công khai, nếu có, Tiểu ban Kiểm toán có họp tối thiểu bốn lần trong năm?	Có	
E.2.24	Tiểu ban Kiểm toán có trách nhiệm chính trong việc đưa ra khuyến nghị về bổ nhiệm, và miễn nhiệm kiểm toán độc lập?	Có	
E.3	Quy trình HĐQT		
	Họp và tham dự họp HĐQT		
E.3.1	Họp HĐQT có được lập kế hoạch trước khi bắt đầu năm tài chính?	Có	Thực hiện theo đúng quy định của Pháp luật
E.3.2	Thành viên HĐQT có họp tối thiểu sáu lần trong năm?	Không	Theo quy định của pháp luật VN là tối thiểu 4 kỳ họp trong năm, PJICO đã thực hiện 5 kỳ họp
E.3.3	Mỗi thành viên HĐQT có tham dự tối thiểu 75% số cuộc họp HĐQT trong năm?	Có	Thực hiện theo đúng quy định của Pháp luật

ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN QUẢN TRỊ CÔNG TY DỰA TRÊN THẺ ĐIỂM QUẢN TRỊ KHU VỰC ASEAN

CÂU HỎI	NỘI DUNG CÂU HỎI	ĐÁNH GIÁ	CƠ SỞ ĐÁNH GIÁ
E.3.4	Công ty có yêu cầu về số đại biểu tham dự tối thiểu phải đạt 2/3 số thành viên HĐQT đối với các cuộc họp cần ra quyết định của HĐQT?	Có	Thực hiện theo đúng quy định của Pháp luật
E.3.5	Thành viên HĐQT không điều hành của công ty có họp riêng tối thiểu một lần trong năm mà không có mặt các thành viên điều hành?	Không	
Tiếp cận thông tin			
E.3.6	Văn bản cho các cuộc họp HĐQT có được cung cấp cho HĐQT tối thiểu năm ngày làm việc trước khi diễn ra cuộc họp HĐQT?	Có	Thực hiện theo đúng quy định của Pháp luật
E.3.7	Thư ký công ty có đóng vai trò quan trọng trong việc hỗ trợ HĐQT thực hiện trách nhiệm của mình?	Có	Thực hiện theo đúng quy định của Pháp luật
E.3.8	Thư ký công ty có được đào tạo về pháp lý, kế toán hay thực hành công tác thư ký công ty và được cập nhật các vấn đề mới có liên quan các nội dung trên?	Có	Thực hiện theo đúng quy định của Pháp luật
Bổ nhiệm và tái cử thành viên HĐQT			
E.3.9	Công ty có công bố các tiêu chí sử dụng để lựa chọn thành viên HĐQT mới? Công ty có mô tả quy trình được áp dụng trong việc bổ nhiệm thành viên HĐQT mới?	Có	Thực hiện theo đúng quy định của Pháp luật
E.3.10	Tất cả các thành viên HĐQT có được bầu lại tối thiểu 3 năm, hoặc 5 năm đối với công ty niêm yết ở những quốc gia có pháp luật quy định nhiệm kỳ 5 năm một lần?	Có	Thực hiện theo đúng quy định của Pháp luật
E.3.11	Nhiệm kỳ 5 năm phải được yêu cầu bởi các đạo luật đã có từ trước khi có Thẻ Điểm Quản trị Công ASEAN vào năm 2011.	Có	Thực hiện theo đúng quy định của Pháp luật
Các vấn đề thù lao			
E.3.12	Công ty có công bố chính sách/thực hành về thù lao (phí, thù lao, các hình thức quyền lợi hiện vật hoặc các bổng lộc khác) (nghĩa là việc sử dụng các chính sách khích lệ và các chỉ tiêu hiệu quả ngắn và dài hạn) đối với thành viên HĐQT điều hành và TGD?	Có	Thực hiện theo đúng quy định của Pháp luật
E.3.13	Cơ cấu thù lao cho thành viên HĐQT không điều hành có được công bố công khai?	Có	Thực hiện theo đúng quy định của Pháp luật
E.3.14	Cổ đông hay HĐQT có thông qua thù lao của thành viên HĐQT Điều hành và/hoặc lãnh đạo cấp cao?	Có	Thực hiện theo đúng quy định của Pháp luật
E.3.15	Công ty có các chính sách, tiêu chuẩn có thể đo lường để gắn mức thù lao chỉ trả dựa trên thành tích của các thành viên HĐQT điều hành hoặc ban điều hành với lợi ích lâu dài của công ty, chẳng hạn như áp dụng điều khoản thu hồi, chính sách khoản thưởng hoãn lại (Clawback provision, deferred bonus)?	Có	Thực hiện theo đúng quy định của Pháp luật
Kiểm toán Nội bộ			
Công ty có bộ phận kiểm toán nội bộ riêng biệt?			
E.3.16	Trưởng bộ phận kiểm toán nội bộ có được công bố, hoặc nếu được thuê ngoài, tên của công ty thuê ngoài có được công bố công khai?	Có	
E.3.17	Việc bổ nhiệm và miễn nhiệm kiểm toán nội bộ có phải được Tiểu ban Kiểm toán thông qua?	Có	
Giám sát rủi ro			
Công ty có công bố quy trình kiểm soát nội bộ/hệ thống quản lý rủi ro và định kỳ xem xét tính hiệu quả của hệ thống mà công ty đang thực hiện?			
E.3.19	Báo cáo thường niên/Báo cáo quản trị công ty có công bố rằng thành viên HĐQT đã rà soát các chốt kiểm soát trọng yếu của công ty (bao gồm các chốt kiểm soát về hoạt động, tài chính và tuân thủ) và các hệ thống quản lý rủi ro? Công ty có công bố cách thức quản lý các rủi ro quan trọng (như tài chính, vận	Có	Thực hiện theo đúng quy định của Pháp luật

CÂU HỎI	NỘI DUNG CÂU HỎI	ĐÁNH GIÁ	CƠ SỞ ĐÁNH GIÁ
E.3.21	hành bao gồm công nghệ thông tin, môi trường, xã hội và kinh tế)? Báo cáo thường niên/Báo cáo quản trị công ty có trình bày tuyên bố của thành viên HĐQT hay Tiểu ban Kiểm toán về sự đầy đủ của các chốt kiểm soát nội bộ/hệ thống quản lý rủi ro của công ty?	Có	
E.3.22		Có	
E.4 Nhân sự trong HĐQT			
Chủ tịch HĐQT			
E.4.1	Hai người khác nhau đảm nhiệm vị trí Chủ tịch HĐQT và TGD?	Có	Thực hiện theo đúng quy định của Pháp luật
E.4.2	Chủ tịch có phải là thành viên HĐQT độc lập?	Không	
E.4.3	Có bất kỳ thành viên HĐQT là nguyên Tổng Giám đốc/Giám đốc điều hành của công ty trong 2 năm trước?	Không	
E.4.4	Vai trò và trách nhiệm của Chủ tịch có được công bố công khai?	Có	Thực hiện theo đúng quy định của Pháp luật
Trưởng thành viên HĐQT độc lập			
E.4.5	Nếu Chủ tịch không phải là thành viên HĐQT độc lập, HĐQT có bầu chọn Trưởng thành viên độc lập (Lead independent director) và vai trò của vị trí này có được xác định rõ ràng?	Có	
Kỹ năng và năng lực			
E.4.6	Công ty có tối thiểu một thành viên HĐQT không điều hành có kinh nghiệm làm việc trước đó trong lĩnh vực chính mà công ty đang hoạt động?	Có	Thực hiện theo đúng quy định của Pháp luật
E.5 Hiệu quả HĐQT			
Phát triển thành viên HĐQT			
E.5.1	Công ty có chương trình định hướng cho thành viên HĐQT mới?	Có	Thực hiện theo đúng quy định của Pháp luật
E.5.2	Công ty có chính sách khuyến khích thành viên HĐQT tham gia các chương trình đào tạo liên tục hay đào tạo chuyên môn?	Có	Trưởng thành viên HĐQT độc lập
Bổ nhiệm và Hiệu quả của TGD/Ban điều hành			
E.5.3	Công ty có công bố cách thức thành viên HĐQT xây dựng quy hoạch kế nhiệm cho vị trí TGD/Giám đốc Điều hành/Quản lý chủ chốt?	Có	Thực hiện theo đúng quy định của Pháp luật
E.5.4	Thành viên HĐQT có thực hiện đánh giá hiệu quả hàng năm đối với TGD/Giám đốc Điều hành/Quản lý chủ chốt?	Có	
Đánh giá HĐQT			
E.5.5	Công ty có tiến hành đánh giá năng lực hàng năm đối với HĐQT và công bố quy trình đánh giá cũng như các tiêu chí dùng trong đánh giá?	Có	
Đánh giá thành viên HĐQT			
E.5.6	Công ty có tiến hành đánh giá năng lực hàng năm đối với từng thành viên HĐQT và công bố quy trình đánh giá cũng như các tiêu chí dùng trong đánh giá?	Có	
Đánh giá tiểu ban			
E.5.7	Công ty có tiến hành đánh giá năng lực hàng năm đối với các tiểu ban của HĐQT và công bố quy trình đánh giá cũng như các tiêu chí dùng trong đánh giá?	Có	

ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN QUẢN TRỊ CÔNG TY DƯA TRÊN THẺ ĐIỂM QUẢN TRỊ KHU VỰC ASEAN

THẺ ĐIỂM THƯỜNG

CÂU HỎI	NỘI DUNG CÂU HỎI	ĐÁNH GIÁ	CƠ SỞ ĐÁNH GIÁ
(B)A.	Quyền của cổ đông		
(B)A.1	Quyền tham gia hiệu quả vào và biểu quyết trong đại hội đồng cổ đông được thông báo trong các quy định, bao gồm thủ tục biểu quyết diễn ra trong đại hội đồng cổ đông		
(B)A.1.1	Công ty có cho phép sử dụng biểu quyết vắng mặt bằng phương thức điện tử có đảm bảo tại đại hội cổ đông?	Có	Thực hiện theo đúng quy định của Pháp luật
(B)B.	Đối xử công bằng với cổ đông		
(B)B.1	Thông báo ĐHĐCĐ	Có	Thực hiện theo đúng quy định của Pháp luật
(B)B.1.1	Công ty có ra thông báo về ĐHĐCĐ (có chương trình chi tiết và thông báo giải thích), như thông báo cho Sở Giao dịch, tối thiểu 28 ngày trước ngày họp?	21 ngày trước ngày họp ĐHĐCĐ	Thực hiện theo đúng quy định của Pháp luật
(B)C.	Vai trò của các bên có quyền lợi liên quan		
(B)C.1	Quyền của các bên có quyền lợi liên quan được pháp luật quy định hoặc theo các thỏa thuận song phương phải được tôn trọng		
(B)C.1.1	Công ty có thực hiện khuôn khổ báo cáo được quốc tế công nhận về phát triển bền vững (nghĩa là GRI, Báo cáo Tích hợp, SASB) không?	Không	
(B)D.	Công bố thông tin và minh bạch	Có	Thực hiện theo đúng quy định của Pháp luật
(B)D.1	Chất lượng báo cáo thường niên	Có	Thực hiện theo đúng quy định của Pháp luật
(B)D.1.1	Báo cáo tài chính hàng năm được kiểm toán có được công bố công khai trong vòng 60 ngày kể từ khi kết thúc năm tài chính?	Có	Thực hiện theo đúng quy định của Pháp luật
(B)D.1.2	Công ty có công bố chi tiết về thu lao của TGD?	Có	Thực hiện theo đúng quy định của Pháp luật
(B)E.	Trách nhiệm của HĐQT		
(B)E.1	Năng lực và sự đa dạng của HĐQT		
(B)E.1.1	Công ty có tối thiểu một thành viên HĐQT độc lập là nữ?	Có	Thực hiện theo đúng quy định của Pháp luật
(B)E.1.2	Công ty có công bố chính sách và các mục tiêu có thể đo lường để thực thi sự đa dạng của HĐQT và báo cáo tiến độ đạt được?	Có	Thực hiện theo đúng quy định của Pháp luật
(B)E.2	Cấu trúc HĐQT		
(B)E.2.1	Tiểu ban Nhân sự có bao gồm toàn bộ thành viên HĐQT độc lập?	Không	
(B)E.2.2	Tiểu ban Nhân sự có thực hiện quy trình xây dựng tiêu chí chất lượng các thành viên HĐQT phù hợp với định hướng chiến lược của công ty?	Không	
(B)E.3	Bổ nhiệm và tái cử HĐQT		
(B)E.3.1	Công ty có sử dụng các công ty tìm kiếm hay nguồn ứng cử viên độc lập bên ngoài (như cơ sở dữ liệu thành viên HĐQT do các viện thành viên HĐQT hay hiệp hội cổ đông thiết lập) khi tìm kiếm ứng cử viên cho thành viên HĐQT?	Có	
(B)E.4	Cơ cấu & Thành phần HĐQT		
(B)E.4.1	Công ty có số thành viên HĐQT độc lập không điều hành chiếm trên 50% số thành viên HĐQT với Chủ tịch là thành viên độc lập?	Có	Thực hiện theo đúng quy định của Pháp luật
(B)E.5	Quản lý rủi ro		
(B)E.5.1	HĐQT có mô tả quy trình quản trị về vấn đề liên quan công nghệ thông tin như gián đoạn, an ninh mạng, khôi phục thảm họa, để đảm bảo rằng tất cả các rủi ro chính được xác định, quản lý và báo cáo cho Hội đồng Quản trị?	Có	
(B)E.6	Hiệu quả hoạt động của HĐQT		
(B)E.6.1	Công ty có Tiểu ban quản lý Rủi ro riêng biệt?	Có	

THẺ ĐIỂM PHẠT

CÂU HỎI	NỘI DUNG CÂU HỎI	ĐÁNH GIÁ	CƠ SỞ ĐÁNH GIÁ
(P)A.	Quyền của cổ đông	Có	Thực hiện theo đúng quy định của Pháp luật
(P)A.1	Quyền cơ bản của cổ đông	Có	Thực hiện theo đúng quy định của Pháp luật
(P)A.1.1	Công ty không hoặc sơ suất không đối xử công bằng đối với việc mua lại cổ phần đối với tất cả các cổ đông?	Không	PJICO luôn công bằng với tất cả cổ đông
(P)A.2	Cổ đông, bao gồm cả cổ đông tổ chức, phải được trao đổi với nhau về các vấn đề liên quan tới quyền cơ bản của cổ đông như nêu trong bộ Nguyên tắc Quản trị Công ty này, trừ trường hợp ngoại lệ nhằm ngăn ngừa lạm dụng.		
(P)A.2.1	Có bằng chứng gì về rào cản đối với việc cổ đông không được trao đổi thông tin hoặc tham khảo ý kiến các cổ đông khác?	Không	
(P)A.3	Quyền tham gia hiệu quả vào và biểu quyết trong đại hội đồng cổ đông và được thông báo về các quy định, bao gồm thủ tục biểu quyết diễn ra trong đại hội đồng cổ đông.		
(P)A.3.1	Công ty có đưa nội dung bổ sung và không được thông báo trước trong chương trình nghị sự vào thông báo ĐHĐCĐ/ĐHĐCĐ bất thường?	Có	
(P)A.3.2	Chủ tịch HĐQT, Chủ tịch Tiểu ban Kiểm toán và Tổng Giám đốc/Giám đốc có tham dự ĐHĐCĐ mỗi nhất?	Có	
(P)A.4	Cơ cấu vốn và các thỏa ước cho phép một số cổ đông nắm giữ quyền kiểm soát không tương ứng với tỷ lệ cổ phần mà họ sở hữu phải được công bố công khai.	Có	
	Công ty không công bố sự tồn tại của:		
(P)A.4.1	Thỏa thuận cổ đông?	Không	Thực hiện theo đúng quy định của Pháp luật
(P)A.4.2	Giới hạn biểu quyết?	Không	Thực hiện theo đúng quy định của Pháp luật
(P)A.4.3	Cổ phiếu nhiều quyền biểu quyết?	Không	Thực hiện theo đúng quy định của Pháp luật
(P)A.5	Cơ cấu vốn và các thỏa ước cho phép một số cổ đông nắm giữ quyền kiểm soát không tương ứng với tỷ lệ cổ phần mà họ sở hữu phải được công bố công khai.	Không	Thực hiện theo đúng quy định của Pháp luật
(P)A.5.1	Cấu trúc sở hữu kim tự tháp và/hoặc cấu trúc sở hữu sở hữu chéo có tồn tại không?	Không	Thực hiện theo đúng quy định của Pháp luật
(P)B.	Đối xử công bằng với cổ đông		
(P)B.1	Cần ngăn cấm giao dịch nội gián và lạm dụng mua bán tư lợi cá nhân		
(P)B.1.1	Công ty có bị kết luận vi phạm nào về giao dịch nội gián liên quan đến thành viên HĐQT, Ban Điều hành và nhân viên công ty trong ba năm qua?	Không	PJICO không có kết luận vi phạm
(P)B.2	Bảo vệ cổ đông thiểu số trước hành vi lạm dụng		
(P)B.2.1	Có trường hợp nào không tuân thủ luật pháp, quy tắc và quy định liên quan đến giao dịch bên liên quan đáng kể hoặc trọng yếu trong ba năm trước không?	Không	PJICO luôn thực hiện theo đúng quy định của Pháp luật.
(P)B.2.2	Có bất kỳ giao dịch bên liên quan nào có thể được phân loại là hỗ trợ tài chính (nghĩa là không được thực hiện hợp lý trên cơ sở thị trường) cho các đơn vị không phải là công ty con?	Không	PJICO luôn thực hiện theo đúng quy định của Pháp luật.
(P)C.	Vai trò của Các bên có quyền lợi liên quan		
(P)C.1	Quyền của các bên có quyền lợi liên quan được pháp luật quy định hoặc theo các thỏa thuận song phương phải được tôn trọng		
(P)C.1.1	Có vi phạm luật pháp nào về các vấn đề lao động/việc làm/người tiêu dùng/phản sản/thương mại/cạnh tranh hay môi trường?	Không	PJICO luôn thực hiện theo đúng quy định của Pháp luật.
(P)C.2	Khi các bên có quyền lợi liên quan tham gia vào quá trình quản trị công ty, họ phải được tiếp cận với thông tin phù hợp, đầy đủ và đáng tin cậy một cách kịp		

ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN QUẢN TRỊ CÔNG TY DƯA TRÊN THẺ ĐIỂM QUẢN TRỊ KHU VỰC ASEAN

THẺ ĐIỂM PHẠT

CÂU HỎI	NỘI DUNG CÂU HỎI	ĐÁNH GIÁ	CƠ SỞ ĐÁNH GIÁ
(P)C.2.1	thời và thường xuyên. Công ty có phải chịu bất kỳ hình phạt nào của cơ quan quản lý vì đã không công bố thông tin trong khoảng thời gian được yêu cầu đối với các sự kiện trọng yếu?	Không	PJICO luôn thực hiện theo đúng quy định của Pháp luật.
(P)D	Công bố thông tin và minh bạch	Có	Thực hiện theo đúng quy định của Pháp luật
(P)D.1	Hình phạt của cơ quan quản lý liên quan đến báo cáo tài chính		
(P)D.1.1	Công ty có nhận được "ý kiến loại trừ" trong báo cáo kiểm toán độc lập?	Không	
(P)D.1.2	Công ty có nhận được "ý kiến bất lợi" trong báo cáo kiểm toán độc lập?	Không	
(P)D.1.3	Công ty có nhận được "từ chối đưa ra ý kiến" trong báo cáo kiểm toán độc lập?	Không	
(P)D.1.4	Công ty có sửa đổi Báo cáo Tài chính trong năm vừa qua vì những lý do khác với lý do thay đổi trong chính sách kế toán?	Không	
(P)E	Trách nhiệm của HĐQT	Có	Thực hiện theo đúng quy định của Pháp luật
(P)E.1	Tuân thủ quy định, quy tắc và luật hiện hành về niêm yết	Có	Thực hiện theo đúng quy định của Pháp luật
(P)E.1.1	Có bằng chứng gì là công ty đã không tuân thủ quy tắc và quy định nào về niêm yết trong năm qua ngoài các quy định về công bố thông tin?	Không	PJICO luôn thực hiện theo đúng quy định của Pháp luật.
(P)E.1.2	Có trường hợp nào mà thành viên HĐQT không điều hành đã từ nhiệm và nêu ra bất kỳ lo ngại nào liên quan đến quản trị?	Không	
(P)E.2	Cấu trúc HĐQT		
(P)E.2.1	Công ty có thành viên HĐQT độc lập nào đã phục vụ hơn 9 năm nay hai nhiệm kỳ 5 năm (chọn trường hợp nào cao hơn) với cùng chức trách? Nhiệm kỳ 5 năm phải được yêu cầu bởi các đạo luật đã có từ trước khi có Thẻ Điểm Quản trị Công ASEAN vào năm 2011	Không	
(P)E.2.2	Công ty đã không xác định rõ ai là thành viên HĐQT độc lập?	Không	PJICO công bố danh sách luôn có thành viên HĐQT độc lập
(P)E.2.3	Công ty có bất kỳ thành viên HĐQT độc lập nào giữ vai trò quản trị ở tổng cộng hơn 5 HĐQT của các công ty đại chúng?	Không	Thực hiện theo đúng quy định của Pháp luật
(P)E.3	Kiểm toán Độc lập		
(P)E.3.1	(Trong hai năm trước) Có thành viên HĐQT hay lãnh đạo điều hành cấp cao nào từng là nhân viên hoặc thành viên hợp danh của công ty kiểm toán độc lập hiện tại?	Có	Thực hiện theo đúng quy định của Pháp luật
(P)E.4	Thành phần và cơ cấu HĐQT		
(P)E	Chủ tịch HĐQT có phải là TGD của công ty trong 3 năm qua không?	Không	Thực hiện theo đúng quy định của Pháp luật
(P)E.4.2	Các thành viên độc lập không điều hành có được nhận các quyền chọn mua cổ phiếu, cổ phiếu thưởng không?	Không	Thực hiện theo đúng quy định của Pháp luật

05

BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Thông điệp của Lãnh đạo về Phát triển bền vững 80

Chiến lược phát triển bền vững của Pjico

1. Định hướng và mục tiêu phát triển bền vững 82
2. Quản trị phát triển bền vững 85
3. Trách nhiệm và hành động với các bên liên quan 87

Trọng yếu phát triển và đánh giá tác động
tới Kinh tế – Xã Hội – Môi trường 88

Báo cáo chuyên sâu các trọng yếu phát triển
của PJCO năm 2024 92





Tiếp bước Tinh hoa Lan tỏa bền vững

Với PJICO, phát triển bền vững không đơn thuần là một chiến lược kinh doanh dài hạn mà còn là một hành trình kế thừa tinh hoa và phát huy giá trị cốt lõi đã làm nên thương hiệu trong 3 thập kỷ qua.

Phát triển bền vững (ESG) không chỉ là xu hướng tất yếu trong quản trị doanh nghiệp mà còn là kim chỉ nam cho sự trường tồn của một tổ chức, đặc biệt đối với ngành bảo hiểm, nơi vai trò của sự ổn định, an toàn và khả năng thích ứng với rủi ro luôn được đặt lên hàng đầu. Với PJICO, phát triển bền vững không đơn thuần là một chiến lược kinh doanh dài hạn mà còn là một hành trình kế thừa tinh hoa và phát huy giá trị cốt lõi đã làm nên thương hiệu trong 3 thập kỷ qua.

Xuyên suốt tinh thần đó, PJICO đã chủ động tiếp cận, vận hành doanh nghiệp Phát triển bền vững theo ba trụ cột chính: Môi trường, Xã hội và Quản trị. Đối với môi trường, PJICO khuyến khích các hành động thiết thực, "thay đổi nhỏ tác động lớn" như tiết kiệm điện, nước, tiết kiệm giấy, giảm sử dụng túi nilon và bao bì độc hại, thúc đẩy tiêu dùng xanh và kinh tế tuần

hoàn. Đối với cộng đồng xã hội, PJICO triển khai các chương trình thiện nguyện nhằm hỗ trợ các hoàn cảnh khó khăn, đối tượng yếu thế, góp phần đảm bảo ổn định đời sống kinh tế, xã hội. Đối với quản trị, PJICO tích cực đổi mới, nâng cao năng lực quản trị điều hành, đầu tư công nghệ, giải pháp chuyển đổi số để mang lại những giá trị tốt nhất cho khách hàng, nhân viên, cổ đông và các bên liên quan.

Năm 2024 đánh dấu một năm đầy thử thách đối với nền kinh tế nói chung và ngành bảo hiểm nói riêng khi Việt Nam phải đối mặt với cơn bão Yagi – một trong những cơn bão gây thiệt hại nghiêm trọng nhất trong những năm gần đây với tổn thất về hạ tầng, tài sản vật chất... lên tới 81 nghìn tỷ đồng. Sự kiện này một lần nữa nhắc nhở chúng ta rằng thiên nhiên luôn tiềm ẩn những rủi ro bất ngờ, đòi hỏi con người phải nâng cao ý thức về phát triển bền vững và chủ động dự phòng rủi

ro. Đối với PJICO, bão Yagi không chỉ là phép thử về khả năng ứng phó với thách thức mà còn là bài học sâu sắc về tính cấp thiết của quản trị bền vững, đặc biệt trong việc xây dựng và quản lý quỹ dự phòng rủi ro.

Vào thời khắc PJICO bước sang cột mốc 30 năm thành lập, thay mặt Ban điều hành PJICO xin gửi lời tri ân tới các Quý cổ đông, đối tác, khách hàng đã luôn đặt niềm tin vào PJICO. Trân trọng cảm ơn các thế hệ cán bộ lãnh đạo quản lý, nhân viên PJICO đã luôn tận tâm cống hiến cho hành trình Phát triển bền vững của TCT. Với tinh thần "Tiếp bước tinh hoa – Lan tỏa bền vững", cùng sự hợp tác chặt chẽ từ các đối tác, khách hàng, PJICO sẽ tiếp tục vững bước trên con đường phát triển, góp phần tạo dựng một nền kinh tế an toàn, ổn định và phát triển bền vững.

ĐỊNH HƯỚNG VÀ MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

ĐỊNH HƯỚNG CHUNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Trong báo cáo này, PJICO trình bày và công bố các nội dung liên quan đến định hướng phát triển bền vững của TCT, cách tiếp cận của chúng tôi đối với các vấn đề liên quan, phương thức PJICO quản trị các lĩnh vực trọng yếu và kết quả PJICO đã đạt được trên hành trình hướng tới các mục tiêu phát triển bền vững trong năm 2024.



TĂNG TRƯỞNG BỀN VỮNG

Duy trì, tốc độ tăng trưởng ổn định, nâng cao hiệu quả tài chính, đảm bảo nguồn quỹ dự phòng rủi ro được quản lý chặt chẽ, minh bạch đồng thời cân bằng các chỉ số phát triển doanh nghiệp như: phát triển nguồn nhân lực, văn hóa doanh nghiệp; nâng cao năng lực quản trị điều hành; thúc đẩy các hoạt động kinh doanh hướng tới giá trị dài hạn, có ý nghĩa với cộng đồng bền vững.

TỐI ƯU LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG VÀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Đẩy mạnh chuyển đổi số, áp dụng công nghệ hiện đại nhằm nâng cao hiệu suất hoạt động, hỗ trợ công tác quản lý, thông kê, giúp đơn giản các quy trình thủ tục, giảm thiểu tác động đến môi trường, hướng tới một mô hình bảo hiểm xanh và bền vững hơn;

THỰC THI TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI VÀ XÂY DỰNG CỘNG ĐỒNG BỀN VỮNG

Không ngừng cải thiện chất lượng sản phẩm, dịch vụ, hướng tới việc mang lại giá trị thiết thực cho khách hàng. Thúc đẩy các hoạt động hướng tới cộng đồng và thực thi trách nhiệm xã hội; lan tỏa các sáng kiến và hành động thiết thực bảo vệ môi trường



Từ các mục tiêu lớn này và căn cứ theo 17 chỉ tiêu phát triển bền vững (SDGs) mà Liên Hợp Quốc đề xuất ở Việt Nam nhằm kêu gọi nỗ lực chung của toàn cầu trong việc xóa đói giảm nghèo, bảo vệ môi trường, trái đất, PJICO định hướng phát triển bền vững sẽ chú trọng vào 11 chỉ tiêu phát triển sau:



GIÁ TRỊ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG THÔNG QUA NHỮNG CON SỐ NỔI BẬT 2024

ĐÓNG GÓP
NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

358,5 tỷ đồng

TẠO CÔNG ẮN
VIỆC LÀM CHO

1.596 nhân viên

TỔNG CHI TRẢ LƯƠNG
CHO CBNV

690,4 tỷ đồng

TẠO CƠ HỘI PHÁT TRIỂN
KINH TẾ CHO

1.032 đại lý cá nhân

QUẢN TRỊ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Trong công tác quản trị, PJICO xác định phát triển bền vững là một cấu phần quan trọng trong Chiến lược phát triển chung của TCT, do vậy PJICO luôn duy trì các tiêu chuẩn cao nhất về đạo đức kinh doanh, nguyên tắc quản trị và tính chính xác, minh bạch nhằm hướng tới giá trị kinh doanh bền vững cho các bên.

Cơ cấu tổ chức quản trị của PJICO bao gồm: Đại hội đồng cổ đông, HĐQT, các Ban/Ủy ban Kiểm toán thuộc HĐQT và Ban Tổng giám đốc. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của PJICO.

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP CỦA PJICO ĐƯỢC THỰC HIỆN DỰA TRÊN GIÁ TRỊ CỐT LÕI VÀ SỰ KẾT HỢP HÀI HÒA CỦA CÁC YẾU TỐ SAU

NỀN TẢNG CƠ CẤU QUẢN TRỊ VỮNG CHẮC

Cơ cấu quản trị của PJICO có đầy đủ các chủ thể quản trị của một công ty niêm yết theo mô hình hiện đại (Đại hội đồng cổ đông; HĐQT, các Ủy ban trực thuộc HĐQT; Ban Điều hành)

CHUẨN MỰC QUẢN TRỊ TUÂN THỦ PHÁP LUẬT VN VÀ PHÙ HỢP QUỐC TẾ

Tuân thủ các khuôn khổ và thông lệ quốc tế về quản trị công ty, áp dụng đánh giá theo Thẻ điểm quản trị công ty khu vực ASEAN

ÁP DỤNG THỐNG NHẤT TRÊN TOÀN TỔNG CÔNG TY

Triển khai mô hình quản trị thống nhất và xuyên suốt toàn Tổng Công ty

Theo đó, HĐQT chịu trách nhiệm cao nhất trong việc định hướng, xây dựng, chỉ đạo và giám sát triển khai các Chiến lược, Kế hoạch phát triển tổng thể của TCT, bao gồm cả công tác định hướng, thúc đẩy các bên triển khai tuân thủ các mục tiêu của chiến lược phát triển bền vững.

Trong năm 2024, PJICO đã xây dựng Bộ Quy tắc ứng xử dựa trên 4 Giá trị cốt lõi và 3 nhóm đối tượng Phụng sự gồm: Phụng sự khách hàng, Phụng sự phát triển và Phụng sự cộng đồng. Việc tuân thủ các chuẩn mực quy định trong Bộ quy tắc này là trách nhiệm của mỗi CBNV PJICO bao gồm từ thành viên HĐQT, Ban điều hành tới các cấp nhân viên nhằm giữ gìn văn hóa, uy tín thương hiệu và cao hơn là tính bền vững của cộng đồng, xã hội.

QUY TẮC ỨNG XỬ CỦA PJICO

PHỤNG SỰ ĐỂ PHÁT TRIỂN

"Phụng sự để phát triển" là triết lý cốt lõi, mục tiêu hướng đến cao nhất trong các nguyên tắc hành xử giữa PJICO với nhân viên, giữa nhân viên với lãnh đạo và giữa các đồng nghiệp với nhau trong môi trường văn hóa PJICO. Tại PJICO, mỗi hành động và ứng xử đều cần xuất phát từ tinh thần phụng sự, đặt lợi ích của tập thể lên trên lợi ích cá nhân. Triết lý này không chỉ là kim chỉ nam trong giao tiếp nội bộ mà còn là nguyên tắc chủ đạo trong phương thức PJICO phục vụ khách hàng và cộng đồng.

PHỤNG SỰ VÌ KHÁCH HÀNG

"Phụng sự vì khách hàng" là triết lý cao nhất trong các nguyên tắc hành xử giữa PJICO với khách hàng, đối tác. Bắt nguồn từ giá trị cốt lõi "Tin và Tâm", PJICO đặt khách hàng làm trung tâm của mọi suy nghĩ, hành động. Phục vụ khách hàng bằng sự chân thành, thấu hiểu và trách nhiệm trong từng lời nói, hành động, không ngừng nâng cao giá trị, xây dựng mối quan hệ phát triển bền vững với khách hàng, đối tác.

PHỤNG SỰ VÌ CỘNG ĐỒNG

"Phụng sự vì cộng đồng" là định hướng cốt lõi, thể hiện cam kết của PJICO trong việc hướng đến sự phát triển bền vững và thực hiện trách nhiệm với xã hội, cộng đồng. PJICO luôn đặt lợi ích chung của cộng đồng làm trung tâm trong mọi suy nghĩ và hành động, không ngừng nỗ lực góp phần xây dựng một xã hội tốt đẹp hơn.

TRÁCH NHIỆM VÀ HÀNH ĐỘNG CÁC BÊN LIÊN QUAN



TRÁCH NHIỆM VÀ HÀNH ĐỘNG CÁC BÊN LIÊN QUAN

PJICO tin tưởng rằng phát triển bền vững khi và chỉ khi các bên liên quan cùng quan tâm tới mục tiêu chung và có trách nhiệm, hành động vì sự phát triển thịnh vượng, công bằng, văn minh và bền vững.

ĐỐI TƯỢNG	NỘI DUNG QUAN TÂM	TRÁCH NHIỆM/HÀNH ĐỘNG
Cổ đông – Nhà đầu tư	Hoạt động kinh doanh tăng trưởng, bền vững. Đảm bảo minh bạch trong hoạt động quản trị và tài chính.	Đảm bảo cung cấp thông tin công khai, minh bạch và kịp thời. Hướng tới nền tảng tài chính khỏe mạnh, bền vững. Bảo vệ quyền lợi và lợi ích của các cổ đông. Tuân thủ nghiêm ngặt các chính sách, quy định của Nhà nước.
Khách hàng	Được đảm bảo bồi thường tổn thất khi xảy ra sự kiện bảo hiểm. Cung cấp thông tin/giải đáp thắc mắc về sản phẩm dịch vụ kịp thời, minh bạch và dễ hiểu. Thời gian xử lý bồi thường nhanh gọn, chính xác. Thương hiệu uy tín, có trách nhiệm với cộng đồng, xã hội, khách hàng.	Phòng ngừa rủi ro và chia sẻ trách nhiệm với khách hàng trong các sự kiện bảo hiểm tuân thủ theo quy định của pháp luật và hợp đồng. Đa dạng hóa các sản phẩm dịch vụ, mở rộng khai thác các sản phẩm bảo hiểm môi trường, các sản phẩm bảo hiểm rủi ro từ thiên tai, dịch họa... nhằm san sẻ bớt các gánh nặng cho cộng đồng, xã hội, phát triển bền vững. Tăng cường công tác chăm sóc khách hàng và tối ưu trải nghiệm dịch vụ.
Cán bộ nhân viên	Mức lương và chính sách phúc lợi thỏa đáng. Môi trường làm việc chuyên nghiệp, an toàn, bình đẳng. Được đào tạo và có lộ trình thăng tiến rõ ràng, công bằng. Văn hóa, giá trị công ty tốt, hướng đến phát triển bền vững.	Tạo môi trường làm việc chuyên nghiệp, văn minh, xanh, sạch... Đảm bảo thu nhập ổn định và lộ trình phát triển lâu dài. Tổ chức các chương trình đào tạo nhằm nâng cao kiến thức và năng lực cho mỗi cán bộ nhân viên, đại lý bán hàng. Đảm bảo an toàn lao động và chế độ đãi ngộ, lương thưởng tốt. Hướng đến các chuẩn mực quốc tế trong quản trị công ty, đặc biệt trong việc nâng cao nhận thức về bình đẳng giới và chú trọng vai trò của lãnh đạo nữ trong bộ máy tổ chức.
Chính quyền địa phương và cơ quan quản lý nhà nước	Đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật liên quan đến hoạt động kinh doanh. Phát triển trách nhiệm, đóng góp tích cực vào việc cải thiện chính sách quản lý, môi trường xã hội; phát triển kinh tế và đảm bảo việc làm cho người lao động.	Tuân thủ pháp luật. Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ nộp thuế. Phối hợp cung cấp thông tin kịp thời khi được yêu cầu. Đảm bảo việc làm cho người lao động được ổn định, tăng trưởng tốt. Thực thi nghiêm ngặt các quy định bảo vệ môi trường, tiết kiệm năng lượng, tài nguyên quý...
Cộng đồng – xã hội	Có trách nhiệm xã hội đóng góp cho các hoạt động từ thiện và phát triển kinh tế xã hội. Doanh nghiệp có chiến lược phát triển bền vững.	Phổ biến và nâng cao nhận thức cộng đồng về lợi ích của bảo hiểm. Tích cực tham gia và ủng hộ các chương trình an sinh xã hội; Thực hiện tuyên truyền và vận động toàn tổng công ty sẽ chia trách nhiệm và chung tay trong các hoạt động cộng đồng, bảo vệ môi trường, giúp xây dựng cộng đồng xã hội bền vững.

TRỌNG YẾU PHÁT TRIỂN VÀ ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG KINH TẾ - XÃ HỘI - MÔI TRƯỜNG

XÁC ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ TRỌNG YẾU PHÁT TRIỂN

Việc xác định và đánh giá các vấn đề trọng yếu giúp PJICO khoanh vùng được các vấn đề cần ưu tiên để đảm bảo hiệu quả kinh doanh song song với phát triển bền vững. Xoay quanh 3 trọng tâm: Kinh tế, Môi trường và Xã hội PJICO xác định có 7 trọng yếu phát triển cần tập trung quản lý và thực thi trong năm 2024 để đảm bảo phát triển bền vững bao gồm:



KINH TẾ

Đóng góp cho phát triển kinh tế chung, góp phần xóa đói, giảm nghèo. Ổn định đời sống, tài chính, kinh tế xã hội, đảm bảo cuộc sống tốt đẹp hơn.



XÃ HỘI

Đầu tư và phát triển nguồn nhân lực, đảm bảo giáo dục có chất lượng, công việc tốt và tăng trưởng kinh tế. Đảm bảo an toàn nơi làm việc và sức khỏe người lao động. Tôn trọng bình đẳng giới và giảm bất bình đẳng. Thực thi trách nhiệm xã hội.



MÔI TRƯỜNG

Trần trọng tài nguyên

STT	THÔNG TIN	SỐ LIỆU CHUẨN NĂM 2024
1	Lợi nhuận trước thuế	291,2 tỷ đồng
2	Lợi nhuận đầu tư	111,7 tỷ đồng
3	ROA	2.76%
4	ROE	12.18%
5	Chi trả cổ tức	12%

TRÁCH NHIỆM ĐÓNG GÓP KINH TẾ

GIÁ TRỊ KINH TẾ TRỰC TIẾP

5.279 tỷ đồng

TĂNG TRƯỞNG

8,9%

trong điều kiện hoạt động kinh doanh BHPNT gặp nhiều khó khăn, bất ổn

ĐÓNG GÓP NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

358,5 tỷ đồng

CHI PHÍ NHÂN VIÊN

690,397 tỷ đồng



















AN SINH XÃ HỘI

4,8 tỷ đồng

TỔNG CHI TRẢ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM

1.675 tỷ đồng

BẢNG ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG KINH TẾ - XÃ HỘI – MÔI TRƯỜNG 2023

VẤN ĐỀ TRỌNG YẾU	MỤC TIÊU VÀ ĐỊNH HƯỚNG CỦA PJICO	KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC NĂM 2023	THAM CHIẾU ĐÁNH GIÁ
Đóng góp cho phát triển kinh tế chung, góp phần xóa đói, giảm nghèo.	Tạo ra giá trị dài hạn và hiệu quả tối ưu cho các bên liên quan: cơ quan quản lý nhà nước; các cổ đông và nhà đầu tư; khách hàng, cộng đồng, xã hội. Phát triển kinh tế địa phương.	Tạo ra giá trị kinh tế: • Tổng doanh thu đạt: 5.279 tỷ đồng, hoàn thành 110,7% kế hoạch HĐQT giao • Lợi nhuận đạt: 291,2 tỷ đồng, hoàn thành 100,8% kế hoạch được giao • Tỷ lệ ROA: 2.76% • Tổng tài sản đạt: 8.425 tỷ đồng • Đóng góp vào NSNN: 358,5 tỷ đồng • Đảm bảo việc làm ổn định cho: 1.596 người lao động	  
Ổn định đời sống, kinh tế xã hội, đảm bảo cuộc sống tốt đẹp hơn.	Tạo việc làm ổn định, cải thiện thu nhập cho người lao động. Xây dựng và thực thi các chính sách bồi thường đảm bảo hài hòa lợi ích các bên. Chia sẻ với khách hàng các gánh nặng về kinh tế khi xảy ra rủi ro liên quan tới tài sản, sức khỏe để nhanh chóng ổn định kinh doanh và đời sống.	• Thu nhập bình quân của CBNV PJICO đạt: 36 triệu đồng/người/tháng, gấp 15,4 lần mức lương cơ sở • Bổ sung trích lập tăng kết dư Quỹ dự phòng dao động top đầu thị trường • Số tiền bồi thường đã chi trả: xxx 100% CVBV của TCT đều được cấp BH y tế và BH sức khỏe	  
Đầu tư và phát triển nguồn nhân lực, đảm bảo giáo dục có chất lượng, công việc tốt.	Không ngừng đầu tư cải thiện môi trường làm việc, chính sách đãi ngộ người lao động và thu hút nhân tài. Xây dựng đội ngũ nhân viên hoàn thiện về kỹ năng, đảm bảo về năng lực và đáp ứng các yêu cầu về phát triển bền vững.	Đã tổ chức đào tạo nội bộ cho 1800 lượt học viên Năng suất lao động bình quân năm 2024 đạt: xx tỷ đồng/người/năm, tăng xx so với 2023	 
Đảm bảo an toàn nơi làm việc và sức khỏe người lao động.	Thực hiện tốt các quy định về đảm bảo An toàn lao động. Xây dựng môi trường làm việc xanh, sạch.	Không có sự vụ phát sinh nào liên quan tới tai nạn lao động hay các báo cáo về bệnh nghề nghiệp được ghi nhận Tổ chức khám định kỳ sức khỏe hằng năm cho CBNV.	 
Tôn trọng bình đẳng giới và giảm bất bình đẳng.	Duy trì việc tuân thủ các chính sách và quy định về bình đẳng giới trong các hoạt động. Tạo mọi điều kiện phát triển nghề nghiệp với nữ cán bộ.	47,5% cán bộ nhân viên làm việc ở PJICO là nữ 24,5% cán bộ quản lý là nữ	 
Thực thi trách nhiệm xã hội.	Xây dựng các chương trình và dự án mang tính cộng đồng cao, giúp nâng cao chất lượng cuộc sống cho người dân và bảo vệ môi trường.	Trong năm 2024 PJICO đã thực hiện nhiều hoạt động xã hội có ý nghĩa như: hỗ trợ các hộ nghèo, trẻ em, gia đình người có công với cách mạng; thể hiện trách nhiệm với các địa phương; hỗ trợ thiệt hại cho các gia đình bị ảnh hưởng bởi bão YAGI với tổng giá trị hơn 4,8 tỷ đồng.	  
Trân trọng tài nguyên.	Ưu tiên sử dụng năng lượng tái tạo, cùng các vật liệu thân thiện với tự nhiên. Giảm thiểu thấp nhất các tác động từ xả thải và tiêu thụ năng lượng.	PJICO tạo môi trường văn hóa làm việc thân thiện với thiên nhiên, nâng cao tiết kiệm tài nguyên tại nơi làm việc thông qua các hành động: trang bị cây xanh tại nơi làm việc; Thực hiện "5S" tại nơi làm việc đảm bảo "Xanh, Sạch, Vệ Sinh, Sắp xếp gọn gàng.."	  

BÁO CÁO CHUYÊN SÂU VỀ CÁC TRỌNG YẾU PHÁT TRIỂN CỦA PJICO NĂM 2024

ỔN ĐỊNH ĐỜI SỐNG, KINH TẾ XÃ HỘI, ĐẢM BẢO CUỘC SỐNG TỐT ĐẸP HƠN

PJICO xác định chính sách tiền lương là công cụ quan trọng nhằm khuyến khích và thu hút các nguồn lực lao động, thúc đẩy tăng năng suất lao động, hướng tới phục vụ các mục tiêu phát triển bền vững. Việc đảm bảo ổn định công việc, chính sách lương thưởng công bằng, cạnh tranh sẽ giúp cán bộ nhân viên an tâm công tác, đảm bảo đời sống gia đình, thúc đẩy tiêu dùng chung của xã hội, góp phần mang lại cuộc sống tốt đẹp hơn. Tại PJICO mức lương thưởng luôn được gắn với kết quả công việc và giá trị đóng góp của CBNV vào kết quả kinh doanh chung. Ngoài lương hàng tháng, PJICO còn xây dựng các chính sách thưởng đa dạng khác như: Thưởng định kỳ (thưởng dịp lễ, Tết), thưởng đơn vị, cá nhân xuất sắc, thưởng đột xuất (Thưởng sáng kiến, thưởng vượt kế hoạch...), thưởng theo chương trình thi đua hàng tháng/quý/năm cho cá nhân và tập thể. Đối với các cá nhân xuất sắc ngoài được tặng Bằng khen/Giấy khen, Tổng Công ty còn chính sách khen thưởng bằng tiền, hiện vật, các chế độ phúc lợi khác như du lịch, team building, ... nhằm tri ân, tạo động lực và khuyến khích tinh thần làm việc của cán bộ.

Nhờ sự định hướng đúng đắn của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và sự nỗ lực của cả hệ thống, năm 2024, thu nhập bình quân của CBNV PJICO đạt ~ 36 triệu đồng/người/tháng gấp 15,4 lần so với mức lương cơ sở. Đây là nỗ lực vượt bậc của Tổng Công ty nhằm đảm bảo cuộc sống ổn định cho người lao động.

THU NHẬP BÌNH QUÂN (TRIỆU ĐỒNG/NGƯỜI/THÁNG)

36 triệu đồng **GẤP 15,4** lần MỨC LƯƠNG CƠ SỞ

PJICO GÓP PHẦN ĐẢM BẢO THU NHẬP CHO

1.596 nhân viên **1.032** đại lý cá nhân

227 đại lý tổ chức **với 2.572** cá nhân thuộc tổ chức



100% CBNV của Tổng Công ty đều được cấp BH y tế và bảo hiểm sức khỏe để dự phòng khi ốm đau, bệnh tật nhằm đảm bảo cuộc sống tốt đẹp hơn.

ỔN ĐỊNH ĐỜI SỐNG, KINH TẾ XÃ HỘI, ĐẢM BẢO CUỘC SỐNG TỐT ĐẸP HƠN

Đối với ngành kinh doanh bảo hiểm, việc xây dựng và thực thi các chính sách bồi thường đảm bảo hài hòa lợi ích các bên là yêu cầu đặc biệt quan trọng, sao cho vừa đảm bảo các mục tiêu kinh doanh, vừa đảm bảo trách nhiệm với khách hàng. Trong năm 2024, PJICO đã nỗ lực cải thiện đáng kể nghiệp vụ bồi thường, trong đó có thể kể đến các kết quả như: Giảm thiểu thời gian, quy trình làm thủ tục bồi thường cho khách hàng; nâng cao năng lực đánh giá, giải quyết hồ sơ của các cán bộ bồi thường để xử lý nhanh hơn, chính xác hơn; mở rộng mạng lưới các điểm bảo lãnh viện phí (đối với Bảo hiểm sức khỏe) giúp cho khách hàng thuận tiện và giảm áp lực tài chính trong các hoạt động khám chữa bệnh; tiếp tục đẩy mạnh công tác chuyển đổi số bằng việc triển khai dự án phần mềm bồi thường Xe cơ giới ESCS mới kể từ tháng 01/2024, đưa vào triển khai sử dụng phần mềm bồi thường Healthcare - ESCS từ tháng 07/2024...

Năm 2024, Tổng Công ty tiếp tục bổ sung trích lập tăng kết dư Quỹ dự phòng dao động lớn top đầu thị trường, đảm bảo năng lực tài chính và cam kết chi trả bồi thường kịp thời, đúng, đủ quyền lợi hợp pháp của khách hàng.

ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC, ĐẢM BẢO GIÁO DỤC CÓ CHẤT LƯỢNG, CÔNG VIỆC TỐT

ĐÁNH GIÁ VÀ QUY HOẠCH CÁN BỘ THEO LỘ TRÌNH NGHỀ NGHIỆP



Trong những năm qua đội ngũ nhân sự của PJICO ngày càng tăng trưởng cao cả về số lượng và chất lượng. Tính tới thời điểm tháng 12/2024, toàn PJICO có 1.596 nhân sự, tuyển dụng mới là 134 nhân sự. Trong đó, 94% có trình độ đại học và 6% có trình độ trên đại học.

Ngoài việc thu hút nhân sự từ bên ngoài, Ban Lãnh đạo luôn thường xuyên đánh giá và xem xét các cán bộ có năng lực để kịp thời quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, bổ nhiệm vào những vị trí quan trọng nhằm củng cố, phát triển bộ máy nhân sự, tạo đà phát triển cho Tổng Công ty. Công tác đánh giá, quy hoạch và phát triển nhân sự theo lộ trình nghề nghiệp luôn là một trong những ưu tiên hàng đầu trong chính sách nhân sự. Mỗi cán bộ nhân viên luôn được tạo cơ hội tối đa để phát huy năng lực, được ghi nhận và có lộ trình công danh rõ ràng. Đối với các vị trí chủ chốt, công ty có các chính sách lựa chọn và đào tạo cán bộ nguồn, giúp cho các nhân viên có năng lực và nguyện vọng cơ hội phát triển và thăng tiến. Điều này được thể hiện từ thực tế là rất nhiều cán bộ quản lý, trong đó có những cán bộ lãnh đạo cấp cao tại PJICO có xuất phát điểm là nhân viên.

ĐÀO TẠO VÀ PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC

Sự phát triển như vũ bão của cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 dẫn đến đòi hỏi tất yếu phải phát triển và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Ý thức rõ điều đó, Tổng Công ty luôn quan tâm đến công tác đào tạo và phát triển nhân sự, coi đây là một trong những công tác trọng tâm nền tảng để duy trì lợi thế cạnh tranh, phát triển bền vững, đáp ứng đòi hỏi ngày càng cao của thị trường và qua đó tạo sự gắn bó của người lao động với TCT. Trong năm 2024, toàn TCT đã tổ chức đào tạo cho hơn 1800 lượt học viên bao gồm cả tự đào tạo và cử đi đào tạo nhằm nâng cao nghiệp vụ chuyên môn toàn diện, đặc biệt là các nghiệp vụ bảo hiểm và kinh doanh. Cụ thể:

- Tổ chức 04 lớp đào tạo "Hướng dẫn hội nhập" (kết hợp trực tiếp và trực tuyến) cho ~ 400 học viên;
- Tổ chức lớp "Hướng dẫn sử dụng nền tảng cấp đơn web – Nghiệp vụ bảo hiểm xe cơ giới" trực tuyến cho ~ 900 học viên;
- Tổ chức lớp "Đào tạo Giám định viên, Bồi thường viên nghiệp vụ Tài sản kỹ thuật" (kết hợp trực tiếp và trực tuyến) cho 279 học viên;
- Tổ chức "Chương trình đào tạo Kế toán, Quản trị 2024" trực tiếp cho ~ 170 học viên;
- Tổ chức lớp đào tạo Giám định viên – Bồi thường viên nghiệp vụ bảo hiểm xe cơ giới cho 12 học viên;
- Tổ chức lớp đào tạo kỹ năng bán hàng cho 60 học viên;
- Cử 11 cán bộ tham dự lớp đào tạo "Quản lý rủi ro Bảo hiểm" do ANZILIF tổ chức;
- Cử 04 cán bộ tham dự chương trình Đào tạo thi cấp chứng chỉ "Bảo hiểm phi nhân thọ của Cục Quản lý, giám sát bảo hiểm – Bộ Tài chính cấp;
- Cử 25 cán bộ tham dự chương trình đào tạo thi cấp chứng chỉ "Bảo hiểm Phi nhân thọ" do Đại học Kinh tế quốc dân tổ chức;
- Cử 21 lượt cán bộ tham gia các chương trình Hội thảo, đào tạo, khảo sát thị trường tại nước ngoài.



Ông Phạm Thanh Hải – Chủ tịch HĐQT Tổng Công ty phát biểu trong một lớp đào tạo



Bà Nguyễn Thị Hương Giang – Tổng Giám đốc Tổng Công ty đánh giá cao chương trình đào tạo kế toán, quản trị nhằm nâng cao kiến thức chuyên môn, góp phần vào sự phát triển hiệu quả, an toàn và bền vững



Toàn cảnh một chương trình đào tạo của PJICO

CHÍNH SÁCH THU HÚT NGƯỜI TÀI

Trong năm 2024, PJICO đã tuyển mới được 134 nhân sự (Năm 2023: 1.572 nhân viên – Năm 2024: 1.596 nhân viên), trong đó rất nhiều nhân sự từng giữ các vị trí trọng trách cao ở các tập đoàn lớn; nhiều cán bộ trẻ tốt nghiệp từ các trường đào tạo danh tiếng ở nước ngoài. Có được kết quả đó một phần đến từ việc công ty đã áp dụng các chính sách tuyển dụng và thu hút người tài hiệu quả.

Để có thể thu hút và giữ chân người tài, ngoài chính sách lương thưởng cạnh tranh, chính sách đánh giá công việc khoa học và công bằng, PJICO còn xây dựng môi trường làm việc hiện đại, đáp ứng đầy đủ trang thiết bị tối tân cho người lao động; tạo dựng văn hóa đoàn kết, tôn trọng trong toàn Tổng Công ty.



TÔN TRỌNG BÌNH ĐẲNG GIỚI VÀ GIẢM BẤT BÌNH ĐẲNG

PJICO thực hiện bình đẳng giới trong mọi hoạt động nhân sự, từ công tác tuyển dụng nhân sự, phát triển tài năng trẻ, đào tạo cán bộ nguồn, cho đến các chính sách phúc lợi, lương, thưởng.... Điều này được thể hiện qua các chính sách tuyển dụng và phát triển nhân sự không phân biệt giới tính, tuổi tác, dân tộc hay tín ngưỡng. Các cán bộ nhân viên đều được đánh giá và trả lương công bằng theo vị trí chức danh, mức độ đóng góp và triển vọng phát triển.

Đối với các lao động nữ, PJICO đảm bảo đầy đủ các chính sách quà tặng nhân các ngày Phụ nữ Việt Nam, 8/3 cho 100% cán bộ nhân viên; tạo điều kiện sắp xếp công việc và đảm bảo đầy đủ các chế độ hỗ trợ cho lao động nữ khi nghỉ thai sản, đau ốm.... Trong công tác quy hoạch cán bộ, PJICO không phân biệt giới tính, thậm chí rất nhiều cán bộ quản lý ở PJICO là nữ và có xuất phát điểm là nhân viên.



TRẦN TRỌNG TÀI NGUYÊN VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Là doanh nghiệp có hoạt động trải dài toàn quốc, trong đó có những đơn vị có trụ sở đặt tại những khu vực địa lý đang phải chịu tác động trực tiếp từ biến đổi khí hậu và ô nhiễm môi trường, PJICO nhận thức sâu sắc về những hệ quả tác động từ con người tới thiên nhiên, môi trường sống. Chính vì vậy, trong các hoạt động truyền thông nội bộ của PJICO luôn chủ trương lồng ghép các thông điệp tuyên truyền nâng cao ý thức bảo vệ môi trường sống như:

- Nói không với rác thải nhựa; tuân thủ nghiêm ngặt quy định xử lý chất thải các địa phương nơi PJICO đặt trụ sở làm việc;
- Sử dụng các thiết bị tiết kiệm điện năng, hiệu suất thấp, đạt các tiêu chuẩn cao về năng lượng xanh để giảm phát thải nhà kính; Luôn đặt điều hòa ở chế độ - độ tắt sau giờ làm việc; Hướng ứng Ngày trái đất hàng năm.
- Giảm thiểu việc tiêu thụ giấy bằng việc khuyến khích nhân viên in giấy 2 mặt; tăng cường và giảm thiểu bớt một số bước phê duyệt trên hồ sơ giấy tờ cho phép phê duyệt online vừa giúp đẩy nhanh tốc độ xử lý công việc vừa giúp tiết kiệm giấy in ấn
- Tăng cường trồng nhiều cây xanh trong văn phòng vừa giúp giảm khói bụi vừa lọc không khí
- Tiêu thụ nước sạch tiết kiệm và có ý thức....

PJICO tin rằng, mỗi nỗ lực của CBNV PJICO sẽ góp phần nhỏ bé để nâng cao ý thức bảo vệ môi trường cũng như giảm thiểu bớt các tác động gây hại tới hành tinh của thế hệ tương lai.

SỐ ĐIỆN NĂNG TIÊU THỤ 2024

409.479 kw

SỐ ĐIỆN NĂNG TIÊU THỤ 2023

453.500 kw

GIẢM

0.90% so với 2023



THỰC THI TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI

Trong năm 2024, PJICO đã tích cực triển khai nhiều hoạt động xã hội có ý nghĩa như sau:

HỖ TRỢ KINH PHÍ TÔN TẠO NGHĨA TRANG LIỆT SỸ XÃ THANH HÓA VÀ TRAO TẶNG QUÀ CHO CÁC HỘ GIA ĐÌNH CÓ HOÀN CẢNH KHÓ KHĂN TẠI TỈNH HẢI DƯƠNG.



Ông Ngô Quang Phú – Phó Chủ tịch Công đoàn PJICO và Ông Nguyễn Văn Tuấn Giám đốc Công ty Bảo hiểm PJICO Hải Dương trao tặng kinh phí tôn tạo nghĩa trang liệt sỹ xã Thanh Hóa. Những phần quà được trao tận tay cho các hộ có hoàn cảnh khó khăn tại xã Thanh Hóa.

TRAO TẶNG QUÀ TẾT CHO HỘ NGHEO VÀ GIA ĐÌNH CHÍNH SÁCH VÀ NGƯỜI CÓ CÔNG VỚI CÁCH MẠNG



Đồng chí Hà Kim Anh – Phó Chủ tịch Công đoàn PJICO tặng quà cho các hộ nghèo và cận nghèo phường Ngã Tư Sở.

Ông Bùi Văn Thảo trao những phần quà Tết cho các hộ nghèo tại địa bàn tỉnh Hưng Yên.

Đoàn thanh niên Công ty bảo hiểm PJICO Trà Vinh thăm tặng quà Tết cho các hộ nghèo tại xã Tân Ngãi, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh.



Đại diện Bảo hiểm PJICO cùng Đảng ủy, UBND, UB MTTQ Hội chữ thập đỏ phường Ngã Tư Sở tặng quà Tết cho các hộ nghèo và cận nghèo.



Đồng chí Trần Hoài Nam, Ủy viên Ban chấp hành Đảng ủy – Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty PJICO trao tặng 100 triệu đồng cho đại diện huyện Chi Lăng.

ĐOÀN THANH NIÊN PJICO TRAO TẶNG TỦ SÁCH, TI VI VÀ CÁC SUẤT HỌC BỔNG TẠI QUÂN CHÙNG PKKQ VÀ UBND XÃ ĐỒNG THẮNG, HUYỆN ĐÌNH LẬP, TỈNH LẠNG SƠN



Trào tặng học bổng cho các em học sinh trên địa bàn xã Đồng Thắng.

Đồng chí Lê Vệ Quốc và đồng chí Nguyễn Thị Uyên trao tặng tủ sách pháp luật cho Trung đoàn 291.

TRAO TẶNG QUÀ CHO BỆNH NHI TẠI BỆNH VIỆN E



ĐTN PJICO đã đến thăm và trao tặng quà cho các bệnh nhi đang điều trị tại bệnh viện E.

HỖ TRỢ KINH PHÍ XÂY DỰNG 2 TRƯỜNG TIỂU HỌC VÀ CẢI TẠO NGHĨA TRANG LIỆT SỸ TẠI TỈNH QUẢNG BÌNH



Ban Lãnh đạo PJICO trao tặng kinh phí xây dựng trường tiểu học và hỗ trợ chi phí cải tạo Nghĩa trang liệt sỹ cho UBND xã Quảng Phú.

Ông Phạm Thanh Hải – Chủ tịch HĐQT Bảo hiểm PJICO phát biểu.

THỰC THI TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI

Trong năm 2024, PJICO đã tích cực triển khai nhiều hoạt động xã hội có ý nghĩa như sau:

**PHỐI HỢP VỚI HỘI NHÀ BÁO VN TỔ CHỨC TRAO TẶNG 2.000 LÁ CỜ VIỆT – LÀO
TỚI BAN QUẢN LÝ NGHĨA TRANG QUỐC TẾ VIỆT – LÀO**



Ảnh: Đại diện Hội Nhà báo Việt Nam và đại diện PJICO trao tặng cờ tới Ban Quản lý Nghĩa trang Quốc tế Việt – Lào.

**TỔ CHỨC THĂM HỎI, HỖ TRỢ KHU VỰC BỊ ẢNH HƯỞNG BỞI SIÊU BÃO YAGI
VÀ HOÀN LƯU BẢO VỚI TỔNG KINH PHÍ HỖ TRỢ**



Đồng chí Nguyễn Thị Uyên – Bí thư ĐTN trò chuyện cùng các em học sinh tại trường mầm non Thanh Lâm.



Đồng chí Bùi Văn Thảo – Trao tặng số tiền ủng hộ Quỹ Cứu trợ Ủy ban MTTQ Việt Nam huyện Ba Chẽ



Đồng chí Bùi Văn Thảo cùng đoàn hỗ trợ PJICO chụp ảnh lưu niệm cùng đại diện Trường TH và THCS Thanh Lâm và các bạn học sinh



Đồng chí Phạm Thanh Hải – Chủ tịch HĐQT PJICO đại diện trao tặng số tiền ủng hộ Ban vận động cứu trợ Huyện Thủy Nguyên, Hải Phòng



Đoàn trao hỗ trợ tại Trường THCS Chiêu Yên, xã Chiêu Yên, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang

**VỚI PJICO, PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG
KHÔNG ĐƠN THUẦN LÀ MỘT CHIẾN LƯỢC
KINH DOANH DÀI HẠN MÀ CÒN LÀ MỘT
HÀNH TRÌNH KẾ THỪA TINH HOA VÀ PHÁT HUY
GIÁ TRỊ CỐT LÕI ĐÃ LÀM NÊN THƯƠNG HIỆU
TRONG 3 THẬP KỶ QUA.**



06

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Thông tin về doanh nghiệp	106
Báo cáo của Ban Tổng giám đốc	107
Báo cáo kiểm toán độc lập	108
Bảng cân đối kế toán (Mẫu ô số B 01 - DNPNT)	110
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (Mẫu ô số B 02 - DNPNT)	114
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (Mẫu số B 03 - DNPNT)	117
Thuyết minh báo cáo tài chính (Mẫu số B 09 - DNPNT)	118

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM PETROLIMEX

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024

NỘI DUNG	TRANG
Thông tin về doanh nghiệp	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3
Bảng cân đối kế toán (Mẫu số B 01 – DNPNT)	5
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (Mẫu số B 02 – DNPNT)	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (Mẫu số B 03 – DNPNT)	12
Thuyết minh báo cáo tài chính (Mẫu số B 09 – DNPNT)	13

THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Giấy phép Thành lập và Hoạt động	Số 1873/GP-UB đề ngày 8 tháng 6 năm 1995 do Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội cấp. Giấy phép Thành lập và Hoạt động đã được điều chỉnh nhiều lần và lần gần nhất là số 67/GPĐC15/KDBH được cấp ngày 8 tháng 6 năm 2022.	
Hội đồng Quản trị	Ông Phạm Thanh Hải Ông Nguyễn Mạnh Linh Bà Trịnh Thị Quỳnh Hương Bà Trương Diệu Linh Ông Lee Jae Hoon Bà Nguyễn Thị Hương Giang Bà Trần Thị Bảo Ngọc Bà Hà Kim Anh Bà Lê Thị Lan Anh	Chủ tịch Thành viên (đến ngày 10/4/2024) Thành viên (đến ngày 10/4/2024) Thành viên Thành viên Thành viên Thành viên (từ ngày 10/4/2024) Thành viên (từ ngày 10/4/2024) Thành viên (từ ngày 10/4/2024)
Ủy ban Kiểm toán	Bà Lê Thị Lan Anh Bà Trịnh Thị Quỳnh Hương Bà Trương Diệu Linh	Chủ tịch (từ ngày 19/4/2024) Chủ tịch (đến ngày 10/4/2024) Thành viên
Ban Tổng Giám đốc	Bà Nguyễn Thị Hương Giang Ông Trần Anh Tuấn Ông Bùi Hoài Giang Ông Lê Thanh Đạt Ông Bùi Văn Thảo Ông Trần Hoài Nam Bà Phạm Thu Hiền	Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc Kế toán trưởng
Chuyên gia tính toán dự phòng và khả năng thanh toán	Bà Mai Thủy Dương	Chuyên gia
Người đại diện theo pháp luật	Bà Nguyễn Thị Hương Giang	Tổng Giám đốc
Trụ sở chính	Tầng 21-22 Tòa nhà MIPEC, 229 Tây Sơn, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	
Công ty kiểm toán	Chi nhánh Công ty TNHH PwC (Việt Nam) tại Hà Nội	

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đối với Báo cáo Tài chính

Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Petrolimex ("Tổng Công ty") chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng; và
- lập báo cáo tài chính trên cơ sở Tổng Công ty hoạt động liên tục trừ khi giả định Tổng Công ty hoạt động liên tục là không phù hợp.

Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Tổng Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chế độ kế toán được trình bày ở Thuyết minh 2 của báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các gian lận hoặc nhầm lẫn.

PHÊ CHUẨN BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Theo đây, chúng tôi phê chuẩn báo cáo tài chính đính kèm từ trang 5 đến trang 66. Báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ được thành lập và hoạt động theo pháp luật tại Việt Nam.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Hương Giang
Người đại diện theo pháp luật/
Tổng Giám đốc

Hà Nội, nước CHXHCN Việt Nam
Ngày 10 tháng 3 năm 2025

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP GỬI CÁC CỔ ĐÔNG CỦA TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM PETROLIMEX

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Petrolimex ("Tổng Công ty") được lập ngày 31 tháng 12 năm 2024, và được Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty phê chuẩn ngày 10 tháng 3 năm 2025. Báo cáo tài chính này bao gồm: bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, và thuyết minh báo cáo tài chính bao gồm các chính sách kế toán chủ yếu từ trang 5 đến trang 66.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Tổng Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ được thành lập và hoạt động theo pháp luật tại Việt Nam và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Tổng Công ty không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ được thành lập và hoạt động theo pháp luật tại Việt Nam.



Thay mặt và đại diện cho Chi nhánh Công ty TNHH PwC (Việt Nam) tại Hà Nội

Đỗ Đức Hậu
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
2591-2023-006-1
Chữ ký được ủy quyền

Số hiệu báo cáo kiểm toán: HAN _____
Hà Nội, ngày 10 tháng 3 năm 2025

Nguyễn Văn Nam
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
5082-2024-006-1

Mẫu số B 01 – DNPNT

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Tại ngày	
			31/12/2024 VND	31/12/2023 VND
100	TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150+190)		7.108.186.167.110	6.210.119.368.339
110	Tiền và các khoản tương đương tiền	3	150.043.597.779	143.522.673.523
111	Tiền		150.043.597.779	143.522.673.523
120	Đầu tư tài chính ngắn hạn	4(a)	4.128.836.279.419	3.643.390.687.826
121	Đầu tư tài chính ngắn hạn		4.131.659.490.152	3.845.993.398.559
129	Dự phòng đầu tư tài chính ngắn hạn		(2.823.210.733)	(2.602.710.733)
130	Các khoản phải thu ngắn hạn		644.465.792.108	602.555.513.645
131	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	572.158.628.055	486.141.032.155
131.1	- Phải thu về hợp đồng bảo hiểm		554.757.548.904	485.400.765.685
131.2	- Phải thu khác của khách hàng		17.401.079.151	740.266.470
132	Trả trước cho người bán ngắn hạn		2.904.544.371	3.256.018.049
135	Các khoản phải thu ngắn hạn khác	6(a)	121.356.829.191	162.800.372.052
139	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	7	(51.954.209.509)	(49.641.908.611)
140	Hàng tồn kho		19.185.267.238	2.638.023.168
141	Hàng tồn kho	8	19.185.267.238	2.638.023.168
150	Tài sản ngắn hạn khác		147.505.582.504	131.335.161.210
151	Chi phí trả trước ngắn hạn	9(a)	146.424.696.958	131.026.617.416
151.1	- Chi phí hoa hồng chưa phân bổ		126.500.808.943	113.417.793.986
151.2	- Chi phí trả trước ngắn hạn khác		19.923.888.015	17.608.823.430
152	Thuế giá trị gia tăng ("GTGT") được khấu trừ	14(a)	-	45.895.609
158	Tài sản ngắn hạn khác		1.080.885.546	262.648.185
190	Tài sản tái bảo hiểm	18(a)	2.018.149.648.062	1.686.677.308.967
191	Dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm		784.050.633.677	731.101.246.415
192	Dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm		1.234.099.014.385	955.576.062.552

Các thuyết minh từ trang 13 đến trang 66 là một phần cấu thành báo cáo tài chính này.

Mẫu số B 01 – DNPNT

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
(TIẾP THEO)

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Tại ngày	
			31/12/2024 VND	31/12/2023 VND
200	TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210 + 220 + 250 + 260)		1.316.624.470.221	1.238.600.828.966
210	Các khoản phải thu dài hạn		33.937.087.279	24.087.649.504
218	Phải thu dài hạn khác	6(b)	33.937.087.279	24.087.649.504
218.1	- Kỳ quỹ bảo hiểm		10.000.000.000	10.000.000.000
218.2	- Phải thu dài hạn khác		23.937.087.279	14.087.649.504
220	Tài sản cố định		623.092.809.755	643.034.087.676
221	Tài sản cố định hữu hình	10(a)	348.479.135.062	356.441.023.574
222	Nguyên giá		718.510.330.656	703.656.456.483
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(370.031.195.594)	(347.215.432.909)
227	Tài sản cố định vô hình	10(b)	267.755.151.956	271.183.333.418
228	Nguyên giá		388.357.309.842	371.354.221.427
229	Giá trị khấu hao lũy kế		(120.602.157.886)	(100.170.888.009)
230	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	6.858.522.737	15.409.730.684
250	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	4(b)	594.987.983.979	523.782.811.482
252	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		1.350.000.000	1.350.000.000
258	Đầu tư dài hạn khác		596.552.785.358	539.065.110.490
259	Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(2.914.801.379)	(16.632.299.008)
260	Tài sản dài hạn khác		64.606.589.208	47.696.280.304
261	Chi phí trả trước dài hạn	9(b)	61.161.304.208	44.832.217.304
262	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		3.445.285.000	2.864.063.000
270	TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)		8.424.810.637.331	7.448.720.197.305

Các thuyết minh từ trang 13 đến trang 66 là một phần cấu thành báo cáo tài chính này.

Mẫu số B 01 – DNPNT


**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
(TIẾP THEO)**

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Tại ngày	
			31/12/2024 VND	31/12/2023 VND
300	NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)		6.517.429.552.555	5.584.097.985.883
310	Nợ ngắn hạn		6.461.305.012.399	5.532.379.449.811
311	Vay và nợ ngắn hạn	12	615.075.407.326	358.004.153.157
312	Phải trả người bán ngắn hạn	13	552.664.823.210	487.319.141.979
312.1	- Phải trả về hợp đồng bảo hiểm		503.319.927.488	447.104.466.779
312.2	- Phải trả khác cho người bán		49.344.895.722	40.214.675.200
314	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14(b)	51.851.640.660	53.325.805.485
315	Phải trả người lao động	15	269.590.256.928	227.095.108.627
319	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	16(a)	46.174.049.414	38.355.463.402
319.1	Doanh thu hoa hồng chưa được hưởng	16(a)	156.450.273.209	173.136.181.132
323	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	17	116.140.401.826	104.879.924.523
329	Dự phòng nghiệp vụ		4.653.358.159.826	4.090.263.671.506
329.1	- Dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	18(a)	2.301.114.435.815	2.084.486.409.534
329.2	- Dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	18(a)	1.953.371.718.519	1.614.845.100.698
329.3	- Dự phòng dao động lớn	18(b)	398.872.005.492	390.932.161.274
330	Nợ dài hạn		56.124.540.156	51.718.536.072
333	Phải trả dài hạn khác		2.017.627.300	1.900.213.300
337	Dự phòng phải trả dài hạn	19	17.226.425.000	14.320.315.000
338	Doanh thu chưa thực hiện	16(b)	36.880.487.856	26.724.498.212
339	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		-	8.773.509.560
400	VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)		1.907.381.084.776	1.864.622.211.422
410	Vốn chủ sở hữu		1.907.381.084.776	1.864.622.211.422
411	Vốn góp của chủ sở hữu	20, 21	1.108.967.960.000	1.108.967.960.000
412	Thặng dư vốn cổ phần	20, 21	137.672.919.516	137.672.919.516
417	Quỹ đầu tư phát triển	21	166.368.011.635	154.913.686.842
419	Quỹ dự trữ bắt buộc	21	110.896.796.000	110.896.796.000
421	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	21	383.475.397.625	352.170.849.064
440	TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)		8.424.810.637.331	7.448.720.197.305


Phan Anh Minh
Người lập


Phạm Thu Hiền
Kế toán trưởng




Nguyễn Thị Hương Giang
Người đại diện theo pháp luật/
Tổng Giám đốc
Ngày 10 tháng 3 năm 2025


Các thuyết minh từ trang 13 đến trang 66 là một phần cấu thành báo cáo tài chính này.

Mẫu số B 01 – DNPNT


**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
(TIẾP THEO)**

Mã số	CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Đơn vị	Tại ngày	
			31/12/2024	31/12/2023
1.	Hợp đồng bảo hiểm gốc chưa phát sinh trách nhiệm	VND	95.755.135.059	36.194.286.132
2.	Nợ khó đòi đã xử lý	VND	43.011.733.916	35.462.202.210
3.	Ngoại tệ các loại			
	Đô la Mỹ	USD	516.398,03	1.391.535,09
	Đô la Úc	AUD	9,35	340,00
	Đồng tiền chung Châu Âu	EUR	16.510,55	16.939,56
	Bảng Anh	GBP	3,07	443,07


Phan Anh Minh
Người lập


Phạm Thu Hiền
Kế toán trưởng




Nguyễn Thị Hương Giang
Người đại diện theo pháp luật/
Tổng Giám đốc
Ngày 10 tháng 3 năm 2025

Các thuyết minh từ trang 13 đến trang 66 là một phần cấu thành báo cáo tài chính này.

Mẫu số B 02 – DNPNT

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

PHẦN I – BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
			2024 VND	2023 VND
10	Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm		3.418.357.627.290	3.226.157.798.901
12	Doanh thu hoạt động tài chính	29	147.801.576.743	136.595.420.799
13	Thu nhập khác	32(a)	24.733.019.006	25.869.349.706
20	Chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm		2.602.704.353.103	2.495.425.994.458
22	Chi phí hoạt động tài chính	30	36.102.363.451	31.499.663.134
23	Chi phí quản lý doanh nghiệp	31	655.794.195.158	566.968.247.980
24	Chi phí khác	32(b)	5.099.949.670	11.051.854.737
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=10+12+13-20-22-23-24)		291.191.361.657	283.676.809.097
51	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") hiện hành	34	59.532.078.426	57.454.376.230
52	(Thu nhập) thuế TNDN hoãn lại	34	(581.222.000)	(2.864.063.000)
60	Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)		232.240.505.231	229.086.495.867
70	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	22	2.094	1.557
71	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	22	2.094	1.557


 Phan Anh Minh
 Người lập


 Phạm Thu Hiền
 Kế toán trưởng


 Nguyễn Thị Hương Giang
 Người đại diện theo pháp luật/
 Tổng Giám đốc
 Ngày 10 tháng 3 năm 2025

Các thuyết minh từ trang 13 đến trang 66 là một phần cấu thành báo cáo tài chính này.

Mẫu số B 02 – DNPNT

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)

PHẦN II – BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH THEO HOẠT ĐỘNG

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
			2024 VND	2023 VND
1	Doanh thu phí bảo hiểm (1=1.1+1.2-1.3)	23	4.393.872.320.062	4.071.192.546.632
1.1	- Phí bảo hiểm gốc		4.396.505.471.267	4.023.435.990.207
1.2	- Phí nhận tái bảo hiểm		213.994.875.076	192.780.318.697
1.3	- Tăng dự phòng phí chưa được hưởng của bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm		216.628.026.281	145.023.762.272
2	Phí nhượng tái bảo hiểm (2=2.1-2.2)	24	1.471.695.022.300	1.313.936.427.481
2.1	- Tổng phí nhượng tái bảo hiểm		1.524.644.409.562	1.442.201.665.729
2.2	- Tăng dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm		52.949.387.262	128.265.238.248
3	Doanh thu phí bảo hiểm thuần (3=1-2)		2.922.177.297.762	2.757.256.119.151
4	Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm và doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm (4=4.1+4.2)		496.180.329.528	468.901.679.750
4.1	- Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	25	318.036.774.592	300.319.958.270
4.2	- Doanh thu khác	26(a)	178.143.554.936	168.581.721.480
10	Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm (10=3+4)		3.418.357.627.290	3.226.157.798.901
11	Chi phí bồi thường (11=11.1-11.2)	27	1.675.374.026.628	1.607.258.568.003
11.1	- Tổng chi bồi thường	27	1.675.374.026.628	1.607.351.450.435
11.2	- Các khoản giảm trừ	27	-	92.882.432
12	Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	27	330.852.401.336	302.841.316.838
13	Tăng/(giảm) dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	27	338.526.617.821	(177.376.042.394)
14	Tăng/(giảm) dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	27	278.522.951.833	(189.884.669.103)
15	Tổng chi bồi thường và trả tiền bảo hiểm (15=11-12+13-14)	27	1.404.525.291.280	1.316.925.877.874
16	Tăng dự phòng dao động lớn và đảm bảo cân đối	18(b)	7.939.844.218	27.740.146.432
17	Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm (17=17.1+17.2)		1.190.239.217.605	1.150.759.970.152
17.1	- Chi hoa hồng bảo hiểm	28	238.474.724.357	222.464.735.941
17.2	- Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	26(b)	951.764.493.248	928.295.234.211
18	Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm (18=15+16+17)		2.602.704.353.103	2.495.425.994.458
19	Lợi nhuận gộp hoạt động kinh doanh bảo hiểm (19=10-18)		815.653.274.187	730.731.804.443

Các thuyết minh từ trang 13 đến trang 66 là một phần cấu thành báo cáo tài chính này.

Mẫu số B 02 – DNPNT

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)


PHẦN II – BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH THEO HOẠT ĐỘNG (TIẾP THEO)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
			2024 VND	2023 VND
23	Doanh thu hoạt động tài chính	29	147.801.576.743	136.595.420.799
24	Chi phí hoạt động tài chính	30	36.102.363.451	31.499.663.134
25	Lợi nhuận gộp hoạt động tài chính (25=23-24)		111.699.213.292	105.095.757.665
26	Chi phí quản lý doanh nghiệp	31	655.794.195.158	566.968.247.980
30	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=19+25-26)		271.558.292.321	268.859.314.128
31	Thu nhập khác	32(a)	24.733.019.006	25.869.349.706
32	Chi phí khác	32(b)	5.099.949.670	11.051.854.737
40	Lợi nhuận khác (40=31-32)		19.633.069.336	14.817.494.969
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)		291.191.361.657	283.676.809.097
51	Chi phí thuế TNDN hiện hành	34	59.532.078.426	57.454.376.230
52	(Thu nhập) thuế TNDN hoãn lại	34	(581.222.000)	(2.864.063.000)
60	Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)		232.240.505.231	229.086.495.867
70	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	22	2.094	1.557
71	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	22	2.094	1.557


Phan Anh Minh
Người lập


Phạm Thu Hiền
Kế toán trưởng




Nguyễn Thị Hương Giang
Người đại diện theo pháp luật/
Tổng Giám đốc
Ngày 10 tháng 3 năm 2025

Các thuyết minh từ trang 13 đến trang 66 là một phần cấu thành báo cáo tài chính này.

Mẫu số B 03 - DNPNT


BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (THEO PHƯƠNG PHÁP TRỰC TIẾP)

		Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
Mã số	Thuyết minh	2024 VND	2023 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	4.066.434.627.273	3.686.449.898.474
02	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	(3.114.474.521.262)	(2.629.962.237.939)
03	Tiền chi trả cho người lao động	(729.243.401.474)	(624.681.169.224)
04	Tiền chi trả lãi vay	(14.989.118.770)	(6.957.715.708)
05	Thuế TNDN đã nộp	(62.819.925.177)	(56.855.525.492)
06	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	351.152.143.118	230.550.793.303
07	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	(298.462.926.293)	(506.269.467.290)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	197.596.877.415	92.274.576.124
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	(33.934.070.858)	(63.529.007.511)
22	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	97.000.000	
23	Tiền chi mua các công cụ nợ của đơn vị khác	(2.207.341.440.200)	(2.408.000.000.000)
24	Tiền thu hồi từ bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	1.627.000.000.000	1.867.000.000.000
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	(15.877.200.000)	(3.392.300.000)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	18.490.525.132	631.968.480
27	Tiền thu lãi đầu tư, cổ tức và lợi nhuận được chia	294.617.046.738	238.213.855.676
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(316.948.139.188)	(369.075.483.355)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ đi vay	1.143.793.205.842	695.042.895.331
34	Tiền chi trả nợ gốc vay	(886.721.951.673)	(315.938.742.174)
36	Tiền cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	(132.503.091.732)	(67.807.077.300)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	124.568.162.437	311.497.075.857
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	5.216.900.664	34.696.168.626
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	143.522.673.523	109.294.156.158
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	1.304.023.592	(467.651.261)
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	150.043.597.779	143.522.673.523


Phan Anh Minh
Người lập


Phạm Thu Hiền
Kế toán trưởng




Nguyễn Thị Hương Giang
Người đại diện theo pháp luật/
Tổng Giám đốc
Ngày 10 tháng 3 năm 2025

Các thuyết minh từ trang 13 đến trang 66 là một phần cấu thành báo cáo tài chính này.

Mẫu số B 09 - DNPNT

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024**

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Petrolimex ("Tổng Công ty"), trước đây là Công ty Cổ phần Bảo hiểm Petrolimex, là doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ được thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam theo theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 1873/GP-UB đề ngày 8 tháng 6 năm 1995 do Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội cấp. Giấy phép Thành lập và Hoạt động đã được điều chỉnh nhiều lần và lần gần nhất là số 67/GPĐC15/KDBH được cấp ngày 8 tháng 6 năm 2022.

Cổ phiếu của Tổng Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là PGI.

Lĩnh vực kinh doanh của Tổng Công ty là kinh doanh bảo hiểm phi nhân thọ. Các nghiệp vụ kinh doanh của Tổng Công ty bao gồm kinh doanh bảo hiểm gốc, kinh doanh tái bảo hiểm, giám định tổn thất, hoạt động đầu tư và các hoạt động khác theo quy định của pháp luật.

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Tổng Công ty là 12 tháng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Tổng Công ty có 63 đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc.

Tổng Công ty có một công ty liên kết như được trình bày trong Thuyết minh 4(b) - Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Chi tiết về công ty liên kết của Tổng Công ty như sau:

	Ngành nghề kinh doanh	Nơi thành lập, đăng ký hoạt động	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết năm giữ
Công ty liên kết				
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Sửa chữa Ô tô Petrolimex	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	Hà Nội, Việt Nam	30%	30%

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Tổng Công ty có 1.596 nhân viên (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: 1.572 nhân viên).

Khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính: số liệu so sánh trên báo cáo tài chính là số liệu của báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được kiểm toán.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

2.1 Cơ sở của việc lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính đã được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ được thành lập và hoạt động theo pháp luật tại Việt Nam. Báo cáo tài chính được lập theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước Việt Nam. Các nguyên tắc và thông lệ kế toán sử dụng tại nước Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

Mẫu số B 09 - DNPNT

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024**

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

2.2 Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

2.3 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Tổng Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán và trình bày trên báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam ("VND" hoặc "Đồng").

2.4 Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán lần lượt được quy đổi theo tỷ giá mua và tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch áp dụng tại ngày bảng cân đối kế toán. Các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng tại ngày của bảng cân đối kế toán được quy đổi theo tỷ giá mua của chính ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty mở tài khoản ngoại tệ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

2.5 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển và các khoản tiền gửi ngắn hạn khác có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá ba tháng.

2.6 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu bao gồm các khoản phải thu về hợp đồng bảo hiểm, các khoản phải thu khác của khách hàng và phải thu khác được phân loại dựa trên bản chất như sau:

- Phải thu về hợp đồng bảo hiểm là các khoản phải thu từ việc kinh doanh hợp đồng bảo hiểm và các hoạt động bảo hiểm khác bao gồm phải thu phí bảo hiểm gốc, phải thu bồi thường, phải thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm vào cuối kỳ;
- Các khoản phải thu khác của khách hàng là khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ việc cung cấp dịch vụ khác ngoài hoạt động kinh doanh bảo hiểm; và
- Phải thu khác là các khoản phải thu không có tính thương mại và không liên quan tới giao dịch cung cấp dịch vụ.

Dự phòng các khoản phải thu khó đòi được lập cho từng khoản phải thu căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất ước tính có thể xảy ra. Chênh lệch giữa khoản dự phòng phải lập ở cuối năm tài chính này và khoản dự phòng đã lập ở cuối năm tài chính trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm tài chính. Các khoản phải thu được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

Các khoản phải thu được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày của bảng cân đối kế toán tới ngày đến hạn thu hồi.

Mẫu số B 09 - DNPNT

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024**

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

2.7 Đầu tư tài chính

(a) Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là chứng khoán do Tổng Công ty nắm giữ cho mục đích kinh doanh.

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua chứng khoán kinh doanh. Sau đó, Ban Tổng Giám đốc thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối năm tài chính. Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán kinh doanh được lập khi giá trị ghi sổ cao hơn giá trị thị trường của các khoản chứng khoán kinh doanh này. Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối năm tài chính này và khoản dự phòng đã lập ở cuối năm tài chính trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí tài chính trong năm tài chính. Khoản dự phòng được hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ ban đầu.

Thời điểm ghi nhận chứng khoán kinh doanh là thời điểm Tổng Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Chứng khoán niêm yết được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh;
- Chứng khoán chưa niêm yết được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Lãi hoặc lỗ từ việc thanh lý, nhượng bán chứng khoán kinh doanh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền di động.

(b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, chứng chỉ tiền gửi, trái phiếu mà bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai, đầu tư vào các quỹ ủy thác có thời điểm tất toán được thống nhất trước với các công ty quản lý quỹ theo hợp đồng ủy thác đầu tư và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác. Các khoản đầu tư này ban đầu được ghi nhận theo giá gốc. Sau đó, Ban Tổng Giám đốc thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối năm tài chính.

Dự phòng giảm giá đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được lập trên cơ sở có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được. Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối năm tài chính này và khoản dự phòng đã lập ở cuối năm tài chính trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí tài chính trong năm tài chính. Khoản dự phòng được hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ ban đầu.

Đối với các khoản đầu tư vào các quỹ ủy thác, Ban Tổng Giám đốc lập dự phòng giảm giá khoản đầu tư khi giá trị ghi sổ một khoản đầu tư cao hơn giá trị của khoản đầu tư đó trên báo cáo giá trị tài sản ròng tại ngày kết thúc năm tài chính do các quỹ ủy thác cung cấp.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn tại ngày của bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn.

Mẫu số B 09 - DNPNT

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024**

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

2.7 Đầu tư tài chính (tiếp theo)

(c) Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là tất cả các công ty trong đó Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải kiểm soát, thường được thể hiện thông qua việc nắm giữ từ 20% đến 50% quyền biểu quyết ở công ty đó.

Đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá trị góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Sau đó, Ban Tổng Giám đốc thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối năm tài chính.

(d) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác là các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau đó Ban Tổng Giám đốc thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối năm tài chính.

(e) Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được lập vào cuối năm tài chính khi có sự giảm giá trị của các khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty liên kết được tính dựa trên khoản lỗ của bên được đầu tư, căn cứ vào báo cáo tài chính gần nhất của đơn vị được đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được tính dựa trên giá trị thị trường nếu giá trị thị trường được xác định một cách tin cậy. Nếu giá trị thị trường không thể được xác định một cách tin cậy, dự phòng giảm giá đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được xác định tương tự như dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty liên kết.

Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối năm tài chính này và khoản dự phòng đã lập ở cuối năm tài chính trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí tài chính trong năm tài chính. Khoản dự phòng được hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ ban đầu.

2.8 Ký quỹ bảo hiểm

Tổng Công ty phải ký quỹ bảo hiểm bằng 2% vốn pháp định của doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm phi nhân thọ. Khoản ký quỹ được hưởng lãi theo thỏa thuận với ngân hàng nơi ký quỹ và được thu hồi khi chấm dứt hợp đồng ký quỹ. Tiền ký quỹ chỉ được sử dụng để đáp ứng các cam kết với bên mua bảo hiểm khi khả năng thanh toán bị thiếu hụt và phải được Bộ Tài chính chấp thuận bằng văn bản.

Mẫu số B 09 - DNPNT

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

2.9 TSCĐ

TSCĐ hữu hình và TSCĐ vô hình

TSCĐ được phản ánh theo nguyên giá trừ khấu hao lũy kế. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được TSCĐ ở trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá TSCĐ nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí kinh doanh trong năm tài chính.

Khấu hao

TSCĐ được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để giảm dần giá trị phải khấu hao trong suốt thời gian hữu dụng ước tính. Giá trị phải khấu hao là nguyên giá của TSCĐ ghi trên báo cáo tài chính trừ đi giá trị thanh lý ước tính của tài sản đó. Thời gian hữu dụng ước tính của các loại tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 35 năm
Phương tiện vận tải	6 năm
Thiết bị văn phòng	3 – 6 năm
TSCĐ hữu hình khác	4 – 5 năm
Phần mềm máy tính	5 năm
Quyền sử dụng đất	Theo thời hạn sử dụng đất từ 20 – 50 năm

Quyền sử dụng đất bao gồm quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp, và tiền sử dụng đất đã trả trước cho các hợp đồng thuê đất có hiệu lực trước ngày hiệu lực của luật đất đai 2003 (tức là trước ngày 1 tháng 7 năm 2004) và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất có thời hạn được phản ánh theo nguyên giá trừ khấu hao lũy kế. Nguyên giá của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất không có thời hạn được ghi nhận theo nguyên giá và không khấu hao.

Thanh lý

Lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý, nhượng bán TSCĐ được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của TSCĐ và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí khác trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện giá trị của các tài sản trong quá trình lắp đặt hoặc xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê hoặc quản trị, hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác, được ghi nhận theo giá gốc, bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình như chi phí xây dựng, chi phí thiết bị. Khấu hao của những tài sản này, cũng giống như các loại TSCĐ khác, sẽ bắt đầu được trích khi tài sản đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

Mẫu số B 09 - DNPNT

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

2.10 Thuê tài sản

Thuê hoạt động là loại hình thuê TSCĐ mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.11 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán. Chi phí trả trước ngắn hạn bao gồm chi phí hoa hồng bảo hiểm chưa phân bổ, chi phí kinh doanh bảo hiểm chưa phân bổ, giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng và các chi phí khác trong khoảng thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ sản xuất kinh doanh kể từ ngày trả trước. Chi phí trả trước dài hạn bao gồm chi phí thuê văn phòng và các chi phí khác có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Tổng Công ty có thời hạn trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh kể từ ngày trả trước. Các chi phí này được ghi nhận theo giá gốc.

Chi phí hoa hồng bảo hiểm chưa phân bổ và chi phí kinh doanh bảo hiểm chưa phân bổ được Tổng Công ty xác định tại thời điểm kết thúc năm tài chính theo phương pháp tỷ lệ tương ứng với phần dự phòng phí bảo hiểm gốc và dự phòng phí nhận tái bảo hiểm chưa được hưởng tương ứng với từng loại hình bảo hiểm.

Đối với các khoản chi phí trả trước khác, các khoản chi phí trả trước này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

2.12 Vay

Vay là các khoản tiền vay từ các ngân hàng. Các khoản vay được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản vay tại ngày của bảng cân đối kế toán tới ngày đến hạn thanh toán.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đối với hoạt động xây dựng hoặc sản xuất bất kỳ tài sản đủ tiêu chuẩn sẽ được vốn hóa trong thời gian mà các tài sản này được hoàn thành và chuẩn bị đưa vào sử dụng. Đối với các khoản vay chung trong đó có sử dụng vốn cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất bất kỳ tài sản đủ tiêu chuẩn thì Công ty xác định chi phí đi vay được vốn hóa theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đủ tiêu chuẩn đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm tài chính, trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể. Chi phí đi vay khác được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Mẫu số B 09 - DNPNT

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024**

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

2.13 Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được phân loại dựa vào tính chất bao gồm:

- Phải trả về hợp đồng bảo hiểm là khoản phải trả liên quan đến hoạt động kinh doanh bảo hiểm;
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa và dịch vụ không liên quan đến hợp đồng bảo hiểm; và
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua hàng hóa và dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày của bảng cân đối kế toán tới ngày đến hạn thanh toán.

2.14 Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong năm tài chính nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán. Chi phí phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm tài chính.

2.15 Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại, pháp lý hoặc liên đới, phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra; việc thanh toán nghĩa vụ nợ có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí tài chính. Chênh lệch giữa khoản dự phòng phải trả phải lập ở cuối năm tài chính này và khoản dự phòng phải trả đã lập chưa sử dụng ở năm tài chính trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm tài chính.

2.16 Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Luật Lao động Việt Nam, người lao động của Tổng Công ty đã làm việc thường xuyên đủ 12 tháng trở lên được hưởng khoản trợ cấp thôi việc. Thời gian làm việc để tính trợ cấp thôi việc là tổng thời gian người lao động đã làm việc thực tế cho Tổng Công ty trừ đi thời gian người lao động đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Tổng Công ty chi trả trợ cấp thôi việc.

Trợ cấp thôi việc của người lao động được trích trước cuối mỗi năm tài chính theo tỷ lệ bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc dựa trên mức lương bình quân theo hợp đồng lao động của sáu tháng gần nhất tính đến trước ngày kết thúc năm tài chính này. Khoản trích trước này được sử dụng để trả một lần khi người lao động chấm dứt hợp đồng lao động theo quy định hiện hành.

Mẫu số B 09 - DNPNT

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024**

2. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

2.17 Dự phòng nghiệp vụ

Dự phòng nghiệp vụ được lập theo các giả định và phương pháp mà chuyên gia tính toán được chỉ định của Tổng Công ty xác lập đã đăng ký và được Bộ Tài chính phê chuẩn và các quy định và hướng dẫn trong Công văn 172/BTC-QLBH ("Công văn 172") do Cục Quản lý, Giám sát Bảo hiểm, Bộ Tài chính ban hành ngày 8 tháng 1 năm 2018.

Ngày 2 tháng 11 năm 2023, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư 67/2023/TT-BTC ("Thông tư 67") hướng dẫn một số điều của Luật kinh doanh bảo hiểm số 08/2022/QH15 và Nghị định 46/2023/NĐ-CP. Thông tư 67 đã đưa ra các quy định về phương pháp trích lập dự phòng nghiệp vụ đối với doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ. Theo đánh giá của Tổng Công ty, phương pháp và cơ sở trích lập dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm hiện tại của Tổng Công ty theo Công văn 172 là vẫn đảm bảo phù hợp và tuân thủ đối với quy định của Thông tư 67. Do đó Tổng Công ty chưa đăng ký lại phương pháp trích lập dự phòng nghiệp vụ với Bộ Tài chính và tiếp tục thực hiện theo Công văn 172.

Các khoản dự phòng nghiệp vụ của Tổng Công ty bao gồm:

(a) Dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm phi nhân thọ

(i) Dự phòng phí chưa được hưởng

Các hợp đồng bảo hiểm, tài bảo hiểm có thời hạn từ 01 năm trở xuống, dự phòng phí chưa được hưởng được tính như sau:

- Đối với nghiệp vụ bảo hiểm hàng hóa vận chuyển bằng đường bộ, đường biển, đường thủy nội địa, đường sắt và đường hàng không: bằng 25% tổng phí bảo hiểm/tái bảo hiểm thuộc năm tài chính của nghiệp vụ bảo hiểm này, không phân biệt hợp đồng còn hiệu lực hoặc không còn hiệu lực.
- Đối với các nghiệp vụ bảo hiểm khác: bằng 50% tổng phí bảo hiểm/tái bảo hiểm thuộc năm tài chính của nghiệp vụ bảo hiểm này, không phân biệt hợp đồng còn hiệu lực hoặc không còn hiệu lực.

Các hợp đồng bảo hiểm, tài bảo hiểm có thời hạn từ 01 năm trở lên: sử dụng phương pháp trích lập dự phòng phí theo từng ngày.

(ii) Dự phòng bồi thường

Dự phòng bồi thường bao gồm dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh thuộc trách nhiệm bảo hiểm nhưng chưa được giải quyết ("dự phòng bồi thường chưa được giải quyết") và dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh trách nhiệm thuộc trách nhiệm bảo hiểm nhưng chưa được thông báo hoặc chưa yêu cầu đòi bồi thường ("dự phòng IBNR") tại ngày của bảng cân đối kế toán.

- Dự phòng bồi thường chưa được giải quyết được trích lập cho từng nghiệp vụ bảo hiểm theo phương pháp ước tính số tiền bồi thường cho từng vụ tổn thất thuộc trách nhiệm bảo hiểm đã thông báo hoặc đã yêu cầu đòi bồi thường nhưng chưa được giải quyết tại ngày của bảng cân đối kế toán;
- Dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh thuộc trách nhiệm bảo hiểm nhưng chưa thông báo hoặc chưa yêu cầu đòi bồi thường ("IBNR") được Tổng Công ty trích lập bằng 3% tổng phí bảo hiểm thuộc năm tài chính đối với từng nghiệp vụ bảo hiểm.

Mẫu số B 09 - DNPNT

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024**

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

2.17 Dự phòng nghiệp vụ (tiếp theo)

(a) Dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm phi nhân thọ (tiếp theo)

(iii) Dự phòng dao động lớn về tổn thất

Tổng Công ty thực hiện trích lập hàng năm theo tỷ lệ 1% trên mức phí bảo hiểm giữ lại theo từng nghiệp vụ bảo hiểm cho đến khi khoản dự phòng này bằng 100% phí bảo hiểm giữ lại trong năm (không bao gồm nghiệp vụ bảo hiểm sức khỏe).

(b) Dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm sức khỏe

(i) Dự phòng phí chưa được hưởng

Dự phòng phí chưa được hưởng áp dụng đối với các hợp đồng bảo hiểm có thời hạn từ 1 năm trở xuống được tính bằng 50% tổng phí bảo hiểm thuộc năm tài chính của nghiệp vụ bảo hiểm này, không phân biệt hợp đồng còn hiệu lực hoặc không còn hiệu lực.

(ii) Dự phòng toán học

Dự phòng toán học được áp dụng đối với các hợp đồng bảo hiểm có thời hạn trên một (1) năm để đảm bảo được các trách nhiệm đã cam kết khi xảy ra sự kiện bảo hiểm trong tương lai.

- Đối với các hợp đồng bảo hiểm sức khỏe chỉ bảo hiểm cho trường hợp chết, thương tật toàn bộ vĩnh viễn, Tổng Công ty trích lập dự phòng toán học theo phương pháp trích lập dự phòng phí theo từng ngày trên cơ sở phí bảo hiểm gộp.
- Đối với các hợp đồng bảo hiểm sức khỏe còn lại, Tổng Công ty trích lập dự phòng toán học theo phương pháp dự phòng phí từng ngày trên cơ sở phí bảo hiểm gộp. Trong trường hợp kết quả trích lập dự phòng đối với các hợp đồng bảo hiểm này theo phương pháp trích lập đã đăng ký của Tổng Công ty thấp hơn kết quả trích lập theo phương pháp hệ số thời hạn 1/8, Tổng Công ty sẽ trích lập bổ sung phần chênh lệch này.

(iii) Dự phòng bồi thường

Dự phòng bồi thường bao gồm dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh thuộc trách nhiệm bảo hiểm nhưng chưa được giải quyết ("dự phòng bồi thường chưa được giải quyết") và dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh trách nhiệm thuộc trách nhiệm bảo hiểm nhưng chưa được thông báo hoặc chưa yêu cầu bồi thường ("dự phòng IBNR") tại ngày của bảng cân đối kế toán.

- Dự phòng bồi thường chưa được giải quyết được trích lập theo phương pháp ước tính số tiền bồi thường cho từng vụ tổn thất thuộc trách nhiệm bảo hiểm đã thông báo hoặc đã yêu cầu bồi thường nhưng chưa được giải quyết tại ngày của bảng cân đối kế toán;
- Dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh thuộc trách nhiệm bảo hiểm nhưng chưa thông báo hoặc chưa yêu cầu bồi thường ("IBNR") được Tổng Công ty trích lập bằng 3% tổng phí bảo hiểm thuộc năm tài chính đối với từng nghiệp vụ bảo hiểm.

Mẫu số B 09 - DNPNT

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024**

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

2.17 Dự phòng nghiệp vụ (tiếp theo)

(b) Dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm sức khỏe (tiếp theo)

(iv) Dự phòng đảm bảo cân đối

Tổng Công ty thực hiện trích lập hàng năm theo tỷ lệ 1% trên mức phí bảo hiểm giữ lại của nghiệp vụ bảo hiểm sức khỏe cho đến khi khoản dự phòng này bằng 100% phí bảo hiểm giữ lại trong năm.

Theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 19 ("VAS 19") – Hợp đồng bảo hiểm, dự phòng đảm bảo cân đối đối với nghiệp vụ bảo hiểm sức khỏe và dự phòng dao động lớn về tổn thất đối với nghiệp vụ bảo hiểm phi nhân thọ sẽ không cần tiếp tục trích lập vì khoản dự phòng này thể hiện các yêu cầu bồi thường phát sinh từ các hợp đồng bảo hiểm không tồn tại tại thời điểm khóa sổ lập báo cáo tài chính. Tuy nhiên, Tổng Công ty vẫn tiếp tục trích dự phòng bảo đảm cân đối và dự phòng dao động lớn về tổn thất hàng năm với tỷ lệ quy định tại Công văn 172, đã được phê duyệt bởi Bộ Tài chính.

Tổng Công ty không được bù trừ các khoản dự phòng cho hoạt động kinh doanh bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm với dự phòng cho hoạt động nhượng tái bảo hiểm. Các khoản dự phòng này phải được trình bày riêng biệt trên các chỉ tiêu của Bảng cân đối kế toán, trong đó các khoản dự phòng phí chưa được hưởng và dự phòng bồi thường của hoạt động kinh doanh bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm, dự phòng dao động lớn được phản ánh là nợ phải trả; dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm chưa được hưởng và dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm được phản ánh là tài sản tái bảo hiểm.

2.18 Doanh thu hoa hồng bảo hiểm chưa được hưởng

Doanh thu hoa hồng bảo hiểm chưa được hưởng từ các hợp đồng nhượng tái bảo hiểm được hoãn lại và ghi nhận là một khoản nợ phải trả theo phương pháp tỷ lệ tương ứng với phần dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm chưa được hưởng tương ứng với từng loại hình bảo hiểm.

2.19 Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện là khoản doanh thu nhận trước từ các hợp đồng bảo hiểm gốc nhưng thời hạn bảo hiểm chưa có hiệu lực tại ngày bảng cân đối kế toán. Tổng Công ty ghi nhận các khoản doanh thu chưa thực hiện tương ứng với phần nghĩa vụ mà Tổng Công ty sẽ phải thực hiện trong tương lai. Khi các điều kiện ghi nhận doanh thu được thỏa mãn, doanh thu chưa thực hiện sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm tài chính tương ứng với phần thỏa mãn điều kiện ghi nhận doanh thu đó.

2.20 Quỹ phát triển khoa học và công nghệ

Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty quyết định việc trích lập và sử dụng Quỹ phát triển khoa học và công nghệ theo Thông tư liên tịch số 12/2016/TTLT-BKHCN-BTC do Bộ Khoa học Công nghệ và Bộ Tài chính ban hành ngày 28 tháng 6 năm 2016 theo tỷ lệ của thu nhập tính thuế TNDN trong năm tài chính tuy nhiên không vượt không quá 10%. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp để xác định kết quả kinh doanh trong năm. Trong năm, Tổng Công ty đã thực hiện hoàn trích Quỹ phát triển khoa học và công nghệ. Phần hoàn trích được ghi giảm chi phí quản lý doanh nghiệp.

Mẫu số B 09 - DNPNT

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

2.21 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo vốn góp thực tế của các cổ đông và được phản ánh theo mệnh giá của cổ phiếu.

Thặng dư vốn cổ phần là khoản chênh lệch giữa mệnh giá cổ phiếu với giá thực tế phát hành cổ phiếu.

Lợi nhuận sau thuế ("LNST") chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế TNDN của Tổng Công ty tại thời điểm báo cáo.

2.22 Phân chia lợi nhuận

LNST TNDN có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo điều lệ của Tổng Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Tổng Công ty trích lập các quỹ sau:

(a) Quỹ dự trữ bắt buộc

Quỹ dự trữ bắt buộc được trích lập để bổ sung vốn điều lệ và đảm bảo khả năng thanh toán của Tổng Công ty. Theo Điều 54 của Nghị định 46/2023/NĐ-CP ngày 1 tháng 7 năm 2023, Tổng Công ty phải trích 5% lợi nhuận sau thuế hàng năm để lập quỹ dự trữ bắt buộc. Mức tối đa của quỹ dự trữ bắt buộc bằng 10% mức vốn điều lệ của Tổng Công ty.

(b) Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ LNST TNDN của Tổng Công ty và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ được sử dụng để mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Tổng Công ty.

(c) Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích lập từ LNST TNDN của Tổng Công ty và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ được trình bày là một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán. Quỹ được sử dụng để dùng cho công tác khen thưởng, khuyến khích lợi ích vật chất, phục vụ nhu cầu phúc lợi công cộng, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của người lao động.

2.23 Ghi nhận doanh thu

(a) Doanh thu phí bảo hiểm gốc

Doanh thu phí bảo hiểm gốc được ghi nhận khi Tổng Công ty phát sinh trách nhiệm bảo hiểm đối với bên được bảo hiểm. Cụ thể, doanh thu phí bảo hiểm gốc được ghi nhận khi đáp ứng được những điều kiện sau:

(1) Hợp đồng bảo hiểm đã được ký kết giữa Tổng Công ty và bên mua bảo hiểm, và phí bảo hiểm đã được đóng đủ; hoặc

(2) Có bằng chứng về việc hợp đồng bảo hiểm đã được giao kết và bên mua bảo hiểm đã đóng đủ phí bảo hiểm; hoặc

Mẫu số B 09 - DNPNT

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

2.23 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

(a) Doanh thu phí bảo hiểm gốc (tiếp theo)

(3) Khi hợp đồng bảo hiểm đã giao kết, Tổng Công ty có thỏa thuận với bên mua bảo hiểm về thời hạn thanh toán phí bảo hiểm (bao gồm cả thời gian gia hạn) thì thời hạn thanh toán phí bảo hiểm phải được quy định trong hợp đồng bảo hiểm, cụ thể như sau:

- Trường hợp đóng phí bảo hiểm một lần: thời hạn thanh toán phí bảo hiểm không vượt quá 30 ngày kể từ ngày bắt đầu thời hạn bảo hiểm. Trường hợp thời hạn bảo hiểm dưới 30 ngày, thời hạn thanh toán phí bảo hiểm không vượt quá thời hạn bảo hiểm. Doanh thu phí bảo hiểm được ghi nhận khi bắt đầu thời hạn bảo hiểm.
- Trường hợp đóng phí bảo hiểm theo kỳ: Khi hợp đồng bảo hiểm đã giao kết và có thỏa thuận cho bên mua bảo hiểm về việc đóng phí bảo hiểm theo kỳ tại hợp đồng bảo hiểm, Tổng Công ty ghi nhận doanh thu số phí bảo hiểm tương ứng với kỳ hoặc các kỳ phí bảo hiểm đã phát sinh, không hạch toán doanh thu số phí bảo hiểm chưa đến kỳ bên mua bảo hiểm phải đóng theo thỏa thuận tại hợp đồng bảo hiểm. Thời hạn thanh toán phí bảo hiểm của kỳ đầu tiên không vượt quá 30 ngày kể từ ngày bắt đầu thời hạn bảo hiểm. Đối với các kỳ thanh toán tiếp theo, thời hạn thanh toán phí bảo hiểm được thực hiện theo thỏa thuận giữa Tổng Công ty và bên mua bảo hiểm tại hợp đồng bảo hiểm đã giao kết ban đầu.
- Trường hợp bảo hiểm hàng hóa vận chuyển cho khách hàng có nhiều chuyến hàng tham gia bảo hiểm trong năm hoặc bảo hiểm cho khách hàng có nhiều chuyến du lịch tham gia bảo hiểm trong năm, Tổng Công ty và bên mua bảo hiểm có ký hợp đồng bảo hiểm nguyên tắc (hay hợp đồng bảo hiểm bao) về cách thức tham gia bảo hiểm và phương thức thanh toán thì thời hạn thanh toán phí bảo hiểm của các hợp đồng bảo hiểm có thời hạn bảo hiểm bắt đầu trong tháng này không được chậm hơn ngày 25 của tháng kế tiếp.

Nếu bên mua bảo hiểm không đóng đủ phí bảo hiểm theo thời hạn thanh toán phí bảo hiểm và Tổng Công ty có thỏa thuận cho bên mua bảo hiểm thời gian gia hạn thanh toán phí bảo hiểm, việc gia hạn thanh toán phí bảo hiểm phải được quy định trong hợp đồng bảo hiểm và chỉ được áp dụng khi bên mua bảo hiểm có tài sản bảo đảm hoặc bảo lãnh thanh toán phí bảo hiểm.

Đối với hợp đồng bảo hiểm có điều khoản tự động chấm dứt hiệu lực khi hết hạn thanh toán phí bảo hiểm, nếu bên mua bảo hiểm không đóng đủ phí bảo hiểm theo thời hạn thanh toán phí bảo hiểm và Tổng Công ty không có thỏa thuận cho bên mua bảo hiểm thời gian gia hạn thanh toán phí bảo hiểm thì hợp đồng bảo hiểm sẽ tự động chấm dứt hiệu lực. Theo đó, khoản phí bảo hiểm quá hạn đã được ghi nhận vào doanh thu, sẽ được thoái thu và giảm trừ vào phí bảo hiểm gốc tại ngày hợp đồng bảo hiểm hết hiệu lực.

Đối với hợp đồng bảo hiểm không có điều khoản tự động chấm dứt hiệu lực khi hết hạn thanh toán phí bảo hiểm và Tổng Công ty không có thỏa thuận cho bên mua bảo hiểm thời gian gia hạn thanh toán phí bảo hiểm, việc phí bảo hiểm trong trường hợp này sẽ được thoái thu khi Tổng Công ty đánh giá không chắc chắn thu được lợi ích kinh tế từ hợp đồng bảo hiểm.

Nếu hợp đồng bảo hiểm đã được ký kết bởi Tổng Công ty và bên mua bảo hiểm nhưng Tổng Công ty chưa phát sinh trách nhiệm bảo hiểm và chưa nhận được tiền thì các hợp đồng này được ghi nhận vào các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán.

Hợp đồng đồng bảo hiểm

Tổng Công ty ghi nhận doanh thu đối với khoản thu phí bảo hiểm gốc được phân bổ theo tỷ lệ đồng bảo hiểm được quy định trong hợp đồng đồng bảo hiểm.

Mẫu số B 09 - DNPNT

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024**

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

2.23 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

(b) Doanh thu phí nhận tái bảo hiểm

Doanh thu phí nhận tái bảo hiểm được ghi nhận khi thỏa mãn hai (2) điều kiện sau đây:

- việc giao kết bằng hợp đồng giữa Tổng Công ty và các đơn vị nhượng tái bảo hiểm được xác lập; và
- bằng thanh toán về nhận tái bảo hiểm được xác nhận giữa Tổng Công ty và các đơn vị nhượng tái bảo hiểm.

(c) Doanh thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm

Doanh thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm là các khoản thu phí nhận được hoặc sẽ nhận từ các công ty nhận tái bảo hiểm. Doanh thu này được tính toán trên cơ sở phí nhượng tái bảo hiểm và được ghi nhận vào cùng quý tài chính mà phí nhượng tái bảo hiểm tương ứng được ghi nhận.

Đối với phần hoa hồng lãi phát sinh từ hợp đồng nhượng tái bảo hiểm, Tổng Công ty ghi nhận căn cứ vào điều khoản tính toán trong hợp đồng đã giao kết và có bằng chứng chấp thuận thanh toán từ đối tác.

(d) Thu nhập lãi

Thu nhập lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó; và
- Được xác định tương đối chắc chắn.

Một phần của thu nhập lãi được phân bổ lại sang doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm (Thuyết minh 2.34 và 29).

(e) Thu nhập từ cổ tức được chia

Thu nhập từ cổ tức được chia được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó; và
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Thu nhập từ cổ tức được chia được ghi nhận khi Tổng Công ty xác lập quyền nhận cổ tức từ các đơn vị đầu tư.

2.24 Phí nhượng tái bảo hiểm

Phí nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm là một khoản giảm trừ đối với doanh thu phí bảo hiểm gốc.

Nhiệm vụ nhượng tái bảo hiểm không làm giảm trách nhiệm của Tổng Công ty đối với khách hàng được bảo hiểm trong trường hợp các công ty nhận tái bảo hiểm không có khả năng hoàn thành các nghĩa vụ của họ theo hợp đồng tái bảo hiểm.

Mẫu số B 09 - DNPNT

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024**

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

2.25 Chi bồi thường

Chi bồi thường bao gồm số tiền bồi thường phải trả cho chủ hợp đồng bảo hiểm hoặc cho bên thứ ba bị thiệt hại bởi chủ hợp đồng bảo hiểm và chi phí giám định tổn thất, điều tra, thu thập thông tin liên quan đến sự kiện bảo hiểm.

2.26 Các khoản thu hồi từ công ty nhận tái bảo hiểm

Các khoản chi trả bồi thường được thu hồi từ các công ty nhận tái bảo hiểm theo các điều khoản của hợp đồng tái bảo hiểm. Các khoản thu hồi này được ghi nhận là một khoản giảm trừ tổng chi phí bồi thường bảo hiểm trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

2.27 Chi phí hoa hồng bảo hiểm

Chi phí hoa hồng là các khoản phí phải trả cho công ty môi giới bảo hiểm, đại lý bảo hiểm và các công ty nhượng tái bảo hiểm. Chi phí hoa hồng môi giới, đại lý bảo hiểm được tính trên phí bảo hiểm gốc thực thu trong năm. Chi phí hoa hồng tái bảo hiểm được tính trên phí nhận tái bảo hiểm trong năm.

2.28 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính phát sinh trong năm tài chính chủ yếu bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động như: đầu tư tài chính, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái, chi phí lãi vay. Một phần chi phí tài chính được phân bổ sang chi phí khác của hoạt động kinh doanh bảo hiểm (Thuyết minh 2.34 và Thuyết minh 30).

2.29 Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình quản lý chung của Tổng Công ty. Một phần chi phí quản lý doanh nghiệp chung không xác định được cụ thể, rõ ràng cho từng hoạt động, được phân bổ sang chi phí của hoạt động tái bảo hiểm, hoạt động đầu tư và hoạt động khác theo tỷ trọng doanh thu của từng nghiệp vụ nêu trên trên tổng doanh thu của Tổng Công ty (Thuyết minh 31).

2.30 Thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại

Thuế TNDN bao gồm toàn bộ số thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế TNDN. Chi phí thuế TNDN bao gồm chi phí thuế TNDN hiện hành và chi phí thuế TNDN hoãn lại.

Thuế TNDN hiện hành là số thuế TNDN phải nộp hoặc thu hồi được tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN của năm tài chính hiện hành. Thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của năm tài chính phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế TNDN phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng năm tài chính hay một năm tài chính khác.

Thuế TNDN hoãn lại, sử dụng phương pháp nợ, được tính đầy đủ dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế TNDN của các khoản mục này. Thuế TNDN hoãn lại không được ghi nhận khi nợ thuế TNDN hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không phải là giao dịch sáp nhập doanh nghiệp, không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế TNDN tại thời điểm phát sinh giao dịch. Thuế TNDN hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính được áp dụng trong năm tài chính mà tài sản được thu hồi hoặc khoản nợ phải trả được thanh toán dựa trên thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày của bảng cân đối kế toán.

Mẫu số B 09 - DNPNT

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024**

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

2.30 Thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại (tiếp theo)

Tài sản thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận khi có khả năng sẽ có lợi nhuận tính thuế TNDN trong tương lai để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

2.31 Các bên liên quan

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Tổng Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Tổng Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Tổng Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Tổng Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Tổng Công ty, những cá nhân quản lý chủ chốt bao gồm Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, Tổng Công ty căn cứ vào bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.32 Báo cáo bộ phận

Hoạt động chính của Tổng Công ty là kinh doanh bảo hiểm. Hoạt động đầu tư tài chính là một phần của hoạt động kinh doanh bảo hiểm, chủ yếu được huy động từ nguồn vốn chủ sở hữu và nguồn vốn nhân rỗi từ dự phòng nghiệp vụ của Tổng Công ty. Các khoản đầu tư vào các lĩnh vực kinh doanh khác là không trọng yếu. Do đó, Ban Tổng Giám đốc đã đánh giá việc không lập báo cáo bộ phận là phù hợp với hoạt động kinh doanh hiện nay của Tổng Công ty.

Đối với báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý, Tổng Công ty chỉ hoạt động trong phạm vi lãnh thổ Việt Nam. Do vậy, Công ty không có bộ phận theo khu vực địa lý nào khác ngoài lãnh thổ Việt Nam.

2.33 Ước tính kế toán trọng yếu

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính áp dụng cho doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ được thành lập và hoạt động theo pháp luật tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các khoản nợ phải trả và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong báo cáo tài chính bao gồm:

- Dự phòng phải thu khó đòi (Thuyết minh 2.6 và Thuyết minh 7);
- Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính (Thuyết minh 2.7 và Thuyết minh 4);
- Thời gian hữu dụng ước tính của TSCĐ (Thuyết minh 2.9 và Thuyết minh 10);
- Chi phí hoa hồng chưa phân bổ (Thuyết minh 2.11 và Thuyết minh 9(a));
- Dự phòng nghiệp vụ (Thuyết minh 2.17 và Thuyết minh 18);
- Doanh thu hoa hồng chưa được hưởng (Thuyết minh 2.18 và Thuyết minh 16); và
- Ước tính chi phí thuế TNDN (Thuyết minh 2.30 và Thuyết minh 34).

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính của Tổng Công ty và được Ban Tổng Giám đốc đánh giá là hợp lý.

Mẫu số B 09 - DNPNT

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024**

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

2.34 Phân bổ tài sản, nguồn vốn, doanh thu và chi phí chung

Các nguyên tắc phân bổ tài sản, nguồn vốn, doanh thu và chi phí chung liên quan đến quỹ chủ sở hữu và quỹ chủ hợp đồng được Tổng Công ty áp dụng theo nguyên tắc phân bổ đã được Bộ Tài chính phê duyệt tại Công văn số 1924/BTC-QLBH ngày 13 tháng 2 năm 2018. Theo đó, Tổng Công ty áp dụng nguyên tắc phân bổ như sau để xác định kết quả hoạt động kinh doanh và trình bày báo cáo tài chính:

- Tài sản đầu tư từ nguồn vốn chủ sở hữu và tài sản đầu tư từ nguồn vốn nhân rỗi từ dự phòng nghiệp vụ được ghi nhận và theo dõi riêng biệt, đồng thời, doanh thu và chi phí hoạt động đầu tư được hạch toán và theo dõi chi tiết theo từng tài sản đầu tư và nguồn hình thành nên tài sản đầu tư;
- Đối với các tài sản đầu tư được hình thành từ nhiều nguồn vốn khác nhau (cả nguồn vốn chủ sở hữu và nguồn vốn nhân rỗi từ dự phòng nghiệp vụ và các nguồn vốn khác) sẽ thực hiện phân bổ doanh thu và chi phí theo tỷ trọng số tiền đầu tư từ từng nguồn vốn đầu tư trong tổng các nguồn vốn đầu tư;
- Các khoản chi phí chung cho hoạt động đầu tư được phân bổ theo tỷ trọng doanh thu hoạt động đầu tư của từng nguồn vốn đầu tư trong tổng doanh thu hoạt động đầu tư;
- Các khoản chi phí quản lý liên quan đến nhiều hoạt động như hoạt động kinh doanh bảo hiểm, hoạt động tài chính và hoạt động khác được phân bổ theo tỷ trọng doanh thu từng hoạt động trong tổng doanh thu của Tổng Công ty.

3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	2024 VND	2023 VND
Tiền mặt	7.223.853.242	8.426.666.377
Tiền gửi ngân hàng	142.819.744.537	135.096.007.146
	<u>150.043.597.779</u>	<u>143.522.673.523</u>

4 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

(a) Ngắn hạn

	2024 VND	2023 VND
Chứng khoán kinh doanh (i)	22.427.366.719	50.911.688.826
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (ii)	4.109.232.123.433	3.595.081.709.733
	<u>4.131.659.490.152</u>	<u>3.645.993.398.559</u>

Mẫu số B 09 - DNPNT

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024

4 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(a) Ngắn hạn (tiếp theo)

(i) Chứng khoán kinh doanh:

	2024			2023		
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
Cổ phiếu	22.427.366.719	26.716.054.650	(2.823.210.733)	50.911.688.826	73.322.637.550	(2.602.710.733)
Trong đó:						
- Công ty CP Vận tải Xăng dầu VIPCO	-	-	-	32.305.029.907	41.021.726.150	-
- Công ty CP Nước giải khát yến sào Khánh Hòa	5.950.000.000	7.602.500.000	-	5.950.000.000	12.317.250.000	-
- Công ty CP Đầu tư và Dịch vụ Hạ tầng Xăng dầu	5.000.000.000	2.280.000.000	(2.720.000.000)	5.000.000.000	2.670.500.000	(2.329.500.000)
- Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí	3.603.210.733	3.500.000.000	(103.210.733)	3.603.210.733	3.330.000.000	(273.210.733)
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát	7.874.155.986	13.333.554.650	-	4.053.448.186	13.983.161.400	-
	22.427.366.719	26.716.054.650	(2.823.210.733)	50.911.688.826	73.322.637.550	(2.602.710.733)

Mẫu số B 09 - DNPNT

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024

4 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(a) Ngắn hạn (tiếp theo)

(ii) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:

	2024		2023	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
- Tiền gửi có kỳ hạn (*)	4.079.232.123.433	4.079.232.123.433	3.325.081.709.733	3.325.081.709.733
- Chứng chỉ tiền gửi	-	-	250.000.000.000	250.000.000.000
- Ủy thác đầu tư (**)	30.000.000.000	30.000.000.000	20.000.000.000	20.000.000.000
	4.109.232.123.433	4.109.232.123.433	3.595.081.709.733	3.595.081.709.733

(*) Bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc trên 3 tháng và thời gian đáo hạn còn lại không quá 12 tháng tính từ ngày lập bảng cân đối kế toán tại các ngân hàng thương mại trong nước với mức lãi suất từ 4,0%/năm đến 5,9%/năm (năm 2023: từ 4,6%/năm đến 9,6%/năm). Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, tổng số tiền gửi có kỳ hạn được sử dụng làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn của Tổng Công ty là 665 tỷ Đồng (Thuyết minh 12).

(**) Khoản ủy thác đầu tư theo hợp đồng ủy thác ký với Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ đầu tư Chứng khoán Vietcombank có thời hạn tất toán cố định vào ngày 30 tháng 11 năm 2025. Tổng Công ty chịu mọi rủi ro liên quan đến các tài khoản ủy thác đầu tư. Chi tiết như sau:

Số dư gốc VND	Chi phí quản lý quỹ ủy thác VND	Số thuần tại ngày 31/12/2024 VND	Giá trị tài sản ròng tại ngày 31/12/2024 VND	Dự phòng tổn thất VND
30.000.000.000	2.243.504.587	27.756.495.413	42.629.592.262	-
Hợp đồng 0120/HĐ/VCBF-PJICO				

Mẫu số B 09 - DNPNT

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024

4 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(b) Dài hạn	2024		2023	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	1.350.000.000	(*)	1.350.000.000	1.350.000.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (i)	116.552.785.358	(*)	116.552.785.358	129.065.110.490
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (ii)	117.902.785.358	(*)	480.000.000.000	410.000.000.000
			597.902.785.358	540.415.110.490

Trong đó, chi tiết đầu tư góp vốn vào đơn vị khác và công ty liên doanh, liên kết như sau:

	2024		2023	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	1.350.000.000	(*)	1.350.000.000	(471.696.315)
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (i)	116.552.785.358	(*)	129.065.110.490	(16.160.602.693)
	117.902.785.358	(*)	130.415.110.490	(16.632.299.008)

Mẫu số B 09 - DNPNT

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024

4 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(b) Dài hạn (tiếp theo)

(i) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư góp vốn vào các công ty khác mà Tổng Công ty không có quyền kiểm soát và không có ảnh hưởng đáng kể. Chi tiết góp vốn như sau:

	2024		2023	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Công ty Liên doanh TNHH Kho Xăng dầu Ngoại quan Văn Phong	33.054.525.000	(*)	33.054.525.000	-
Ngân hàng TMCP Á Châu	12.605.000.000	12.900.000.000	-	-
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	-	-	23.800.000.000	10.100.000.000 (13.700.000.000)
Tổng Công ty Cổ phần Tái bảo hiểm Quốc gia Việt Nam	16.807.000.000	99.873.876.900	16.807.000.000	93.281.962.500
Tổng Công ty Lương thực Thực phẩm FOODINCO	4.348.840.000	(*)	4.348.840.000	(1.291.538.693)
Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	6.444.264.000	5.640.000.000	6.444.264.000	5.287.500.000 (1.156.764.000)
Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam	6.664.500.000	6.340.000.000	3.392.300.000	3.380.000.000 (12.300.000)
Công ty Cổ phần Lộc hóa dầu Bình Sơn	3.986.925.000	5.322.500.000	3.986.925.000	4.720.750.000
Đầu tư vào đơn vị khác	32.641.731.358	110.842.507.760	37.231.256.490	91.034.719.084
	116.552.785.358	(*)	129.065.110.490	(16.160.602.693)

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và ngày 31 tháng 12 năm 2023, Tổng Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị này để thuyết minh trên báo cáo tài chính vì các khoản đầu tư này không có giá niêm yết trên thị trường. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ. Tổng Công ty ghi nhận dự phòng dựa trên số liệu trên các báo cáo tài chính gần nhất của các đơn vị này.

Mẫu số B 09 - DNPNT

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024

4 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(b) Dài hạn (tiếp theo)

(ii) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	2024		2023	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
- Trái phiếu tổ chức tín dụng (*)	390.000.000.000	390.000.000.000	380.000.000.000	380.000.000.000
- Ủy thác đầu tư (**)	90.000.000.000	90.000.000.000	30.000.000.000	30.000.000.000
	480.000.000.000	480.000.000.000	410.000.000.000	410.000.000.000

(*) Bao gồm các khoản đầu tư vào trái phiếu do các tổ chức tín dụng phát hành có thời gian đáo hạn còn lại trên 12 tháng tính từ ngày lập bảng cân đối kế toán với lãi suất thả nổi cho mỗi kỳ tính lãi.

(**) Bao gồm khoản ủy thác đầu tư theo hợp đồng ủy thác ký với Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ đầu tư Chứng khoán Vietcombank và Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư MB có thời hạn tất toán có định tương ứng vào ngày 14 tháng 10 năm 2027, ngày 5 tháng 6 năm 2026 và ngày 22 tháng 10 năm 2026. Tổng Công ty chịu mọi rủi ro liên quan đến các tài khoản ủy thác đầu tư. Chi tiết như sau:

	Số dư gốc VND	Chi phí quản lý quỹ ủy thác VND	Số thuần tại ngày 31/12/2024 VND	Giá trị tài sản ròng tại ngày 31/12/2024 VND	Dự phòng tổn thất VND
Hợp đồng số 01/2022/HĐ/VCBF-PJICO	20.000.000.000	2.714.084.695	17.285.915.305	25.852.697.197	-
Hợp đồng số 01.0424/UTDT/MBCapital- PJICO	20.000.000.000	173.310.348	19.826.689.652	20.883.560.203	-
Hợp đồng số 01/2024/HĐ/VCBF-PJICO	50.000.000.000	185.328.339	49.814.671.661	52.011.488.277	-

34

Mẫu số B 09 - DNPNT

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024

5 PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	2024 VND	2023 VND
Phải thu về hợp đồng bảo hiểm	554.757.548.904	485.400.765.685
- Phải thu phí bảo hiểm gốc	152.354.761.765	133.844.258.419
- Phải thu nhà đồng bảo hiểm	96.581.714.766	76.888.501.834
- Phải thu hoạt động nhận tái bảo hiểm	12.418.715.250	38.673.306.327
- Phải thu hoạt động nhượng tái bảo hiểm	293.402.357.123	235.994.699.105
Phải thu khác của khách hàng	17.401.079.151	740.266.470
Trong đó:		
- Phải thu bên thứ ba	495.326.877.981	356.484.973.328
- Phải thu bên liên quan (Thuyết minh 38(b))	76.831.750.074	129.656.058.827
	572.158.628.055	486.141.032.155

6 PHẢI THU KHÁC

(a) Ngắn hạn

	2024 VND	2023 VND
Tạm ứng cho cán bộ nhân viên (*)	8.075.589.903	6.595.642.968
Dự thu lãi tiền gửi ngân hàng, trái phiếu	97.449.609.785	139.146.160.657
Phải thu khác	15.831.629.503	17.058.568.427
	121.356.829.191	162.800.372.052

(*) Chủ yếu bao gồm các khoản tạm ứng cho cán bộ nhân viên cho mục đích thực hiện hoạt động kinh doanh bảo hiểm.

(b) Dài hạn

	2024 VND	2023 VND
Ký quỹ bảo hiểm	10.000.000.000	10.000.000.000
Ký quỹ, ký cược dài hạn khác	23.937.087.279	14.087.649.504
	33.937.087.279	24.087.649.504

35

Mẫu số B 09 - DNPNT

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024

7 DỰ PHÒNG PHẢI THU NGÁN HẠN KHÓ ĐÒI

	2024		2023	
	Giá trị gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá trị gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	54.212.494.588	2.258.285.079	51.364.597.045	1.722.688.434
Phải thu phí bảo hiểm gốc	1.662.775.431	897.129.547	2.194.406.569	1.680.044.235
Phải thu từ hoạt động tái bảo hiểm	39.046.736.440	1.176.311.839	36.038.292.296	-
Phải thu khác	13.502.982.717	184.843.693	13.131.898.180	42.644.199
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
Phải thu phí bảo hiểm gốc				
Phải thu từ hoạt động tái bảo hiểm				
Phải thu khác				

36

Mẫu số B 09 - DNPNT

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024

8 HÀNG TỒN KHO

	2024		2023	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Vật phẩm khuyến mãi	16.783.853.317	-	563.936.989	-
Vật liệu khác	2.401.413.921	-	2.074.086.179	-
	19.185.267.238	-	2.638.023.168	-

9 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

(a) Chi phí trả trước ngắn hạn

	2024 VND	2023 VND
Chi phí hoa hồng chưa phân bổ (*)	126.500.808.943	113.417.793.986
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	2.093.170.608	3.495.010.535
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	17.830.717.407	14.113.812.895
	146.424.696.958	131.026.617.416

(*) Biến động về chi phí hoa hồng chưa phân bổ trong năm như sau:

	2024 VND	2023 VND
Số dư đầu năm	113.417.793.986	109.114.266.669
Số phát sinh trong năm	251.557.739.314	226.768.263.258
Số phân bổ vào chi phí trong năm (Thuyết minh 28)	(238.474.724.357)	(222.464.735.941)
Số dư cuối năm	126.500.808.943	113.417.793.986

(b) Chi phí trả trước dài hạn

	2024 VND	2023 VND
Chi phí thuê văn phòng	15.005.335.924	16.817.108.128
Chi phí thiết bị văn phòng	14.612.825.638	13.310.941.736
Chi phí sửa chữa, cải tạo văn phòng	10.429.302.903	7.049.849.635
Chi phí biển hiệu, quảng cáo	8.733.289.848	4.214.553.702
Chi phí trả trước dài hạn khác	12.380.549.895	3.439.764.103
	61.161.304.208	44.832.217.304

37

10	TSCĐ								
(a)	TSCĐ hữu hình								
	Nguyên giá								
	Tại ngày 1 tháng 1 năm 2024	417.709.321.629	125.872.353.733	156.319.580.731	3.755.200.390	703.656.456.483			
	Mua trong năm	2.529.597.926	10.130.891.183	1.097.714.189	332.146.296	14.090.349.594			
	Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 11)	16.304.977.737	-	398.631.850	771.976.105	17.475.585.692			
	Phân loại lại (Thuyết minh 10(b))	(1.989.845.600)	-	-	-	(1.989.845.600)			
	Thanh lý, nhượng bán	(362.149.838)	(13.141.081.562)	(1.182.327.309)	(36.656.804)	(14.722.215.513)			
	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	434.191.901.854	122.862.163.354	156.633.599.461	4.822.665.987	718.510.330.656			
	Khấu hao lũy kế								
	Tại ngày 1 tháng 1 năm 2024	(140.338.828.946)	(94.543.175.071)	(108.853.318.097)	(3.480.110.795)	(347.215.432.909)			
	Khấu hao trong năm	(13.613.049.453)	(9.979.933.466)	(13.707.159.138)	(178.966.089)	(37.479.108.146)			
	Thanh lý, nhượng bán	362.149.838	13.141.081.562	1.160.114.061	-	14.663.345.461			
	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	(153.589.728.561)	(91.382.026.975)	(121.400.363.174)	(3.659.076.884)	(370.031.195.594)			
	Giá trị còn lại								
	Tại ngày 1 tháng 1 năm 2024	277.370.492.683	31.329.178.662	47.466.262.634	275.089.595	356.441.023.574			
	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	280.602.173.293	31.480.136.379	35.233.236.287	1.163.589.103	348.479.135.062			

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 167.689.583,108 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: 176.853.806,012 VND).

Mẫu số B 09 - DNPNT

10	TSCĐ (TIẾP THEO)			
(b)	TSCĐ vô hình			
		Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Tổng cộng VND
	Nguyên giá			
	Tại ngày 1 tháng 1 năm 2024	207.833.363.997	163.520.857.430	371.354.221.427
	Mua trong năm	11.113.242.815	-	11.113.242.815
	Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 11)	-	3.900.000.000	3.900.000.000
	Phân loại lại (Thuyết minh 10(a))	1.989.845.600	-	1.989.845.600
	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	220.936.452.412	167.420.857.430	388.357.309.842
	Khấu hao lũy kế			
	Tại ngày 1 tháng 1 năm 2024	(2.206.094.120)	(97.964.793.889)	(100.170.888.009)
	Khấu hao trong năm	(204.403.729)	(20.226.866.148)	(20.431.269.877)
	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	(2.410.497.849)	(118.191.660.037)	(120.602.157.886)
	Giá trị còn lại			
	Tại ngày 1 tháng 1 năm 2024	205.627.269.877	65.556.063.541	271.183.333.418
	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	218.525.954.563	49.229.197.393	267.755.151.956
	Nguyên giá của TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 71.223.441.415 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: 71.212.744.142 VND).			
11	CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG			
			2024 VND	2023 VND
	Dự án nâng cấp phần mềm		815.315.883	722.732.550
	Dự án xây dựng, nâng cấp các trụ sở làm việc		6.043.206.854	14.686.998.134
			6.858.522.737	15.409.730.684

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024**

Mẫu số B 09 - DNPNT

11 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG (TIẾP THEO)

Biến động của chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm như sau:

	2024 VND	2023 VND
Số dư đầu năm	15.409.730.684	39.561.974.055
Mua sắm	15.481.769.248	46.859.174.050
Chuyển sang TSCĐ hữu hình (Thuyết minh 10(a))	(17.475.585.692)	(30.095.327.436)
Chuyển sang TSCĐ vô hình (Thuyết minh 10(b))	(3.900.000.000)	(40.379.431.717)
Khác	(2.657.391.503)	(536.658.268)
Số dư cuối năm	6.858.522.737	15.409.730.684

12 VAY NGẮN HẠN

	Tại ngày 1/1/2024 VND	Tăng VND	Giảm VND	Tại ngày 31/12/2024 VND
Vay ngắn hạn ngân hàng	358.004.153.157	1.143.793.205.842	(886.721.951.673)	615.075.407.326

Số dư chủ yếu bao gồm các khoản vay ngắn hạn nhằm bổ sung vốn lưu động. Lãi suất các khoản vay được quy định cụ thể cho từng lần rút vốn trong khoảng từ 1,5%/năm đến 4,5%/năm (năm 2023: từ 3,0%/năm đến 4,7%/năm). Lãi vay được trả hàng tháng. Các khoản vay được đảm bảo bằng tiền gửi có kỳ hạn của Tổng Công ty với tổng giá trị là 665 tỷ Đồng (Thuyết minh 4(a)).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Tổng Công ty có khả năng trả nợ đối với toàn bộ các khoản vay trên.

13 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	2024 VND	2023 VND
Phải trả về hợp đồng bảo hiểm	503.319.927.488	447.104.466.779
- Phải trả hoạt động nhượng tái bảo hiểm	448.720.413.080	394.828.702.271
- Phải trả hoạt động nhận tái bảo hiểm	3.799.644.305	16.371.396.834
- Phải trả hoa hồng bảo hiểm	21.288.197.976	20.228.936.804
- Phải trả khác về nghiệp vụ bảo hiểm	29.511.672.127	15.675.430.870
Phải trả khác cho người bán	49.344.895.722	40.214.675.200
	552.664.823.210	487.319.141.979

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, số dư phải trả người bán ngắn hạn Tổng Công ty có khả năng trả nợ là 552.664.823.210 Đồng (31 tháng 12 năm 2023: 487.319.141.979 Đồng).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024**

14 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

Biến động về thuế và các khoản phải thu/phải nợ Nhà nước trong năm như sau:

(a)	Phải thu	Tại ngày 1/1/2024 VND	Số phát sinh trong năm VND	Số đã cân trừ trong năm VND	Số đã thực nhận trong năm VND	Tại ngày 31/12/2024 VND
(b)	Phải trả	Thuế GTGT được khấu trừ	45.895.609	124.518.113.528	(124.564.009.137)	-
(b)	Phải trả	Thuế GTGT hàng hóa dịch vụ bán nội địa	36.273.263.398	378.128.818.672	(252.619.175.470)	37.218.897.463
		Thuế TNDN	11.115.190.745	39.055.753.409	(38.194.177.401)	11.976.766.753
		Thuế thu nhập cá nhân	5.928.095.403	59.532.078.426	(62.819.925.177)	2.640.248.652
		Thuế, phí phải nộp khác	9.255.939	4.885.995.673	(4.879.523.820)	15.727.792
			53.325.805.485	481.602.646.180	(358.512.801.868)	51.851.640.660

Mẫu số B 09 - DNPNT

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024

15 PHẢI TRẢ NGƯỜI LAO ĐỘNG

	2024 VND	2023 VND
Lương, thưởng phải trả	269.590.256.928	209.840.108.627
Các khoản phụ cấp khác	-	17.255.000.000
	<u>269.590.256.928</u>	<u>227.095.108.627</u>

16 PHẢI TRẢ KHÁC

(a) Ngắn hạn

	2024 VND	2023 VND
Doanh thu hoa hồng chưa được hưởng (*)	156.450.273.209	173.136.181.132
Cổ tức phải trả	7.396.437.421	6.823.373.953
Thuế nhà thầu nước ngoài giữ lại (**)	11.854.612.559	11.854.612.559
Kinh phí công đoàn	9.712.086.177	8.946.880.718
Khác	17.210.913.257	10.730.596.172
	<u>202.624.322.623</u>	<u>211.491.644.534</u>

(*) Biến động về doanh thu hoa hồng chưa được hưởng trong năm như sau:

	2024 VND	2023 VND
Số dư đầu năm	173.136.181.132	132.638.821.936
Số phát sinh trong năm	301.350.866.669	340.817.317.466
Số phân bổ vào doanh thu trong năm (Thuyết minh 25)	<u>(318.036.774.592)</u>	<u>(300.319.958.270)</u>
Số dư cuối năm	<u>156.450.273.209</u>	<u>173.136.181.132</u>

(**) Đây là thuế nhà thầu nước ngoài liên quan đến các hợp đồng nhượng tài bảo hiểm ra nước ngoài phát sinh từ năm 2009 đến tháng 2 năm 2012 được Tổng Công ty giữ lại chưa thanh toán.

Mẫu số B 09 - DNPNT

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024

16 PHẢI TRẢ KHÁC (TIẾP THEO)

(b) Doanh thu chưa thực hiện

Biến động về doanh thu chưa thực hiện trong năm như sau:

	2024 VND	2023 VND
Số dư đầu năm	26.724.498.212	30.724.879.874
Số phát sinh trong năm	178.948.896.755	151.467.278.948
Số phân bổ vào doanh thu trong năm	<u>(168.792.907.111)</u>	<u>(155.467.660.610)</u>
Số dư cuối năm	<u>36.880.487.856</u>	<u>26.724.498.212</u>

17 QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	2024 VND	2023 VND
Số dư đầu năm	104.879.924.523	104.247.001.842
Trích lập trong năm (Thuyết minh 21)	56.405.476.677	44.939.502.322
Sử dụng trong năm	<u>(45.144.999.374)</u>	<u>(44.306.579.641)</u>
Số dư cuối năm	<u>116.140.401.826</u>	<u>104.879.924.523</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024

18 DỰ PHÒNG NGHIỆP VỤ

(a) Dự phòng bồi thường và dự phòng phí chưa được hưởng

	2024		
	Bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm VND	Nhượng tài bảo hiểm VND	Số thuần VND
Dự phòng bồi thường	1.953.371.718.519	1.234.099.014.385	719.272.704.134
Trong đó			
- Dự phòng cho các yếu cầu đòi bồi thường chưa giải quyết ("OSLR")	1.815.056.708.129	1.188.359.682.101	626.697.026.028
- Dự phòng cho các tổn thất đã phát sinh nhưng chưa được thông báo ("IBNR")	138.315.010.390	45.739.332.284	92.575.678.106
Dự phòng phí chưa được hưởng	2.301.114.435.815	784.050.633.677	1.517.063.802.138
	4.254.486.154.334	2.018.149.648.062	2.236.336.506.272

	2023		
	Bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm VND	Nhượng tài bảo hiểm VND	Số thuần VND
Dự phòng bồi thường	1.614.845.100.698	955.576.062.552	659.269.038.146
Trong đó			
- Dự phòng cho các yếu cầu đòi bồi thường chưa giải quyết ("OSLR")	1.488.358.611.431	912.310.012.580	576.048.598.851
- Dự phòng cho các tổn thất đã phát sinh nhưng chưa được thông báo ("IBNR")	126.486.489.267	43.266.049.972	83.220.439.295
Dự phòng phí chưa được hưởng	2.084.486.409.534	731.101.246.415	1.353.385.163.119
	3.699.331.510.232	1.686.677.308.967	2.012.654.201.265

18 DỰ PHÒNG NGHIỆP VỤ (TIẾP THEO)

(a) Dự phòng bồi thường và dự phòng phí chưa được hưởng (tiếp theo)

Biến động của dự phòng bồi thường và dự phòng phí chưa được hưởng trong năm như sau:

Dự phòng bồi thường:

	2024			2023		
	Bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm VND	Nhượng tài bảo hiểm VND	Số thuần VND	Bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm VND	Nhượng tài bảo hiểm VND	Số thuần VND
Số dư đầu năm	1.614.845.100.698	955.576.062.552	659.269.038.146	1.792.221.143.092	1.145.460.731.655	646.760.411.437
Số biến động trong năm (Thuyết minh 27)	338.526.617.821	278.522.951.833	60.003.665.988	(177.376.042.394)	(189.884.669.103)	12.508.626.709
Số dư cuối năm	1.953.371.718.519	1.234.099.014.385	719.272.704.134	1.614.845.100.698	955.576.062.552	659.269.038.146

Dự phòng phí chưa được hưởng:

	2024			2023		
	Bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm VND	Nhượng tài bảo hiểm VND	Số thuần VND	Bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm VND	Nhượng tài bảo hiểm VND	Số thuần VND
Số dư đầu năm	2.084.486.409.534	731.101.246.415	1.353.385.163.119	1.939.462.647.262	602.836.008.167	1.336.626.639.095
Số biến động trong năm (Thuyết minh 23 và 24)	216.628.026.281	52.949.387.262	163.678.639.019	145.023.762.272	128.265.238.248	16.758.524.024
Số dư cuối năm	2.301.114.435.815	784.050.633.677	1.517.063.802.138	2.084.486.409.534	731.101.246.415	1.353.385.163.119

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024

Mẫu số B 09 - DNPNT

18 DỰ PHÒNG NGHIỆP VỤ (TIẾP THEO)

(b) Dự phòng dao động lớn và đảm bảo cân đối

	2024 VND	2023 VND
Số dư đầu năm	390.932.161.274	363.192.014.842
Số tăng trong năm	30.858.559.366	27.740.146.432
Số sử dụng trong năm	(22.918.715.148)	-
Số dư cuối năm	398.872.005.492	390.932.161.274

19 DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ DÀI HẠN

	2024 VND	2023 VND
Dự phòng trợ cấp thôi việc	17.226.425.000	14.320.315.000

20 VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU

(a) Số lượng cổ phiếu

	31/12/2024 Cổ phiếu phổ thông	31/12/2023 Cổ phiếu phổ thông
Số lượng cổ phiếu đăng ký	110.896.796	110.896.796
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	110.896.796	110.896.796
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	110.896.796	110.896.796

(b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	31/12/2024		31/12/2023	
	Cổ phiếu phổ thông	%	Cổ phiếu phổ thông	%
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	1.108.967.960.000	100%	1.108.967.960.000	100%
Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	454.104.000.000	40,95%	454.104.000.000	40,95%
Samsung Fire and Marine Insurance Company Ltd	221.794.430.000	20,00%	221.794.430.000	20,00%
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	89.040.000.000	8,03%	89.040.000.000	8,03%
Các cổ đông khác (*)	344.029.530.000	31,02%	344.029.530.000	31,02%
Thặng dư vốn cổ phần	137.672.919.516		137.672.919.516	
Giá trị cổ phiếu đã phát hành	1.246.640.879.516		1.246.640.879.516	

(*) Cổ đông khác của Tổng Công ty là các cổ đông tổ chức và cá nhân. Mỗi một cổ đông tổ chức và cá nhân đều sở hữu dưới 5% số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Tổng Công ty.

(c) Tình hình biến động vốn cổ phần

Trong năm, Tổng Công ty không phát sinh biến động của vốn cổ phần.

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 Đồng trên một cổ phiếu.

Mẫu số B 09 - DNPNT

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024

21 TÍNH HÌNH TĂNG GIẢM NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự trữ bất buộc VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2023	1.108.967.960.000	137.672.919.516	148.801.899.875	102.027.173.641	183.005.264.845	1.680.475.217.877
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	229.086.495.867	229.086.495.867
Trích lập các quỹ trong năm	-	-	6.111.786.967	8.869.622.359	(14.981.409.326)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 17)	-	-	-	-	(44.939.502.322)	(44.939.502.322)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	1.108.967.960.000	137.672.919.516	154.913.686.842	110.896.796.000	352.170.849.064	1.864.622.211.422
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	232.240.505.231	232.240.505.231
Chia cổ tức cho cổ đông (*)	-	-	-	-	(133.076.155.200)	(133.076.155.200)
Trích lập các quỹ trong năm (*)	-	-	11.454.324.793	-	(11.454.324.793)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 17) (*)	-	-	-	-	(56.405.476.677)	(56.405.476.677)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	1.108.967.960.000	137.672.919.516	166.368.011.635	110.896.796.000	383.475.397.625	1.907.381.084.776

(*) Theo Nghị quyết số 01/2024/NQ-ĐHĐCĐ đề ngày 10 tháng 4 năm 2024, Đại hội đồng Cổ đông của Tổng Công ty đã phê duyệt việc chi trả cổ tức cho cổ đông, và trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi, quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự trữ bất buộc từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024**

Mẫu số B 09 - DNPNT

22 LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

(a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông sau khi điều chỉnh giảm quỹ khen thưởng phúc lợi chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm, không bao gồm các cổ phiếu phổ thông được Tổng Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu quỹ. Chi tiết như sau:

	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
	2024	2023 Điều chỉnh lại (**)
Lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đồng (VND)	232.240.505.231	229.086.495.867
Điều chỉnh giảm số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND) (*)	-	(56.405.476.677)
	<u>232.240.505.231</u>	<u>172.681.019.190</u>
Bình quân số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu)	110.896.796	110.896.796
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VND)	<u>2.094</u>	<u>1.557</u>

(*) Tại ngày lập báo cáo tài chính này, Tổng Công ty chưa ước tính số dự kiến trích quỹ khen thưởng phúc lợi cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

(**) Lãi cơ bản trên cổ phiếu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được tính lại để phản ánh điều chỉnh lại cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi như sau:

	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023		
	Số liệu báo cáo trước đây	Điều chỉnh	Số liệu Điều chỉnh lại
Lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đồng (VND)	229.086.495.867	-	229.086.495.867
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND) (i)	-	(56.405.476.677)	(56.405.476.677)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	229.086.495.867	(56.405.476.677)	172.681.019.190
Bình quân số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu)	110.896.796	-	110.896.796
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VND)	<u>2.066</u>	<u>-</u>	<u>1.557</u>

(i) Điều chỉnh trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho số liệu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 được tính bằng số quỹ khen thưởng, phúc lợi đã được trích từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối năm 2023 mà Đại hội đồng Cổ đông của Tổng Công ty đã phê duyệt trong năm 2024.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024**

Mẫu số B 09 - DNPNT

22 LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU (TIẾP THEO)

(b) Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Tổng Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm tàng có tác động suy giảm trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính này. Do đó, lãi suy giảm trên cổ phiếu bằng với lãi cơ bản trên cổ phiếu.

23 DOANH THU PHÍ BẢO HIỂM

	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
	2024 VND	2023 VND
1. Phí bảo hiểm gốc	4.419.872.149.227	4.045.309.220.171
Bảo hiểm xe cơ giới	1.641.288.738.648	1.540.155.460.859
Bảo hiểm cháy nổ	661.340.238.977	675.378.056.212
Bảo hiểm tài sản và bảo hiểm thiệt hại	535.218.090.093	528.190.412.379
Bảo hiểm con người	669.689.654.735	428.621.584.543
Bảo hiểm hàng hóa vận chuyển	396.979.626.254	397.709.224.015
Bảo hiểm thân tàu và P&I	306.831.128.199	267.082.213.698
Bảo hiểm hàng không	93.256.857.056	104.650.310.259
Bảo hiểm trách nhiệm chung	115.267.815.265	103.521.958.206
2. Các khoản giảm trừ phí bảo hiểm gốc	(23.366.677.960)	(21.873.229.964)
3. Tổng phí bảo hiểm gốc (3=1+2)	4.396.505.471.267	4.023.435.990.207
4. Phí nhận tái bảo hiểm	234.241.066.856	196.844.629.793
Bảo hiểm tài sản và bảo hiểm thiệt hại	164.913.994.602	148.379.443.164
Bảo hiểm hàng hóa vận chuyển	15.108.308.340	18.012.918.230
Bảo hiểm con người	13.002.722.122	14.828.555.156
Bảo hiểm cháy nổ	7.229.072.645	3.275.345.476
Bảo hiểm hàng không	9.305.633.402	9.065.161.140
Bảo hiểm thân tàu và P&I	23.030.459.579	2.549.488.958
Bảo hiểm xe cơ giới	373.878.188	363.418.451
Bảo hiểm trách nhiệm chung	1.201.233.842	370.299.218
Bảo hiểm nông nghiệp	75.764.136	-
5. Các khoản giảm trừ phí nhận tái bảo hiểm	(20.246.191.780)	(4.064.311.096)
6. Tổng phí bảo hiểm nhận tái bảo hiểm (6=4+5)	213.994.875.076	192.780.318.697
7. Tăng dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm (Thuyết minh 18(a))	216.628.026.281	145.023.762.272
8. Tổng doanh thu phí bảo hiểm (8=3+6-7)	4.393.872.320.062	4.071.192.546.632

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024**

Mẫu số B 09 - DNPNT

24 PHÍ NHƯỢNG TÁI BẢO HIỂM

	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
	2024 VND	2023 VND
1. Tổng phí nhượng tái bảo hiểm	1.543.365.177.340	1.469.236.553.758
Bảo hiểm tài sản và bảo hiểm thiệt hại	523.664.710.137	494.620.079.914
Bảo hiểm hàng không	104.068.551.236	109.946.161.830
Bảo hiểm cháy nổ	307.342.775.542	405.650.815.582
Bảo hiểm hàng hóa vận chuyển	107.174.799.487	113.444.751.066
Bảo hiểm thân tàu và P&I	199.464.051.237	183.598.883.245
Bảo hiểm con người	253.766.889.944	130.807.408.778
Bảo hiểm trách nhiệm chung	47.883.399.757	31.067.399.285
Bảo hiểm xe cơ giới	-	101.054.058
2. Các khoản giảm trừ phí nhượng tái bảo hiểm	(18.720.767.778)	(27.034.888.029)
3. Tăng dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm (Thuyết minh 18(a))	52.949.387.262	128.265.238.248
4. Tổng phí nhượng tái bảo hiểm (4=1+2-3)	1.471.695.022.300	1.313.936.427.481

25 THU HOA HỒNG NHƯỢNG TÁI BẢO HIỂM

	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
	2024 VND	2023 VND
Bảo hiểm tài sản và bảo hiểm thiệt hại	150.677.241.700	147.024.972.610
Bảo hiểm cháy nổ	65.661.934.025	63.136.359.230
Bảo hiểm hàng hóa vận chuyển	30.492.664.699	38.165.150.346
Bảo hiểm thân tàu và P&I	21.702.708.641	23.771.884.171
Bảo hiểm con người	47.248.988.181	26.077.398.898
Bảo hiểm trách nhiệm chung	2.242.109.150	2.108.182.718
Bảo hiểm xe cơ giới	11.128.196	36.010.297
	318.036.774.592	300.319.958.270

26 DOANH THU KHÁC, CHI PHÍ KHÁC HOẠT ĐỘNG KINH DOANH BẢO HIỂM

(a) Doanh thu khác

	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
	2024 VND	2023 VND
Doanh thu khác	13.480.873.079	7.018.312.697
Doanh thu phân bổ lại từ doanh thu hoạt động tài chính (Thuyết minh 29)	164.662.681.857	161.563.408.783
	178.143.554.936	168.581.721.480

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024**

Mẫu số B 09 - DNPNT

26 DOANH THU KHÁC, CHI PHÍ KHÁC HOẠT ĐỘNG KINH DOANH BẢO HIỂM (TIẾP THEO)

(b) Chi phí khác

	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
	2024 VND	2023 VND
Chi phí kinh doanh bảo hiểm	408.688.485.110	474.541.766.221
Chi phí lương bộ phận kinh doanh	380.993.569.827	330.334.817.577
Chi phí hội nghị, hội thảo, quảng cáo	59.789.857.906	44.912.926.441
Chi phí khác	37.299.849.722	31.423.857.563
Chi phí phân bổ lại từ chi phí hoạt động tài chính (Thuyết minh 30)	55.410.183.582	37.257.419.917
Chi phí phân bổ lại từ chi phí quản lý doanh nghiệp (Thuyết minh 31)	9.582.547.101	9.824.446.492
	951.764.493.248	928.295.234.211

27 CHI PHÍ BỒI THƯỜNG BẢO HIỂM

	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
	2024 VND	2023 VND
1. Tổng chi bồi thường	1.675.374.026.628	1.607.351.450.435
Bảo hiểm xe cơ giới	902.894.401.996	896.066.538.082
Bảo hiểm tài sản và bảo hiểm thiệt hại	200.770.494.372	290.009.584.074
Bảo hiểm con người	389.029.080.722	247.521.141.853
Bảo hiểm thân tàu và P&I	84.793.118.866	93.389.302.503
Bảo hiểm cháy nổ	72.581.170.267	30.702.833.170
Bảo hiểm hàng hóa vận chuyển	24.377.604.835	42.429.873.456
Bảo hiểm trách nhiệm chung	2.910.699.969	4.633.155.793
Bảo hiểm hàng không	(1.982.544.399)	2.599.021.504
2. Giảm trừ chi bồi thường	-	(92.882.432)
3. Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	330.852.401.336	302.841.316.838
4. Tăng/(giảm) dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm (Thuyết minh 18(a)) (*)	338.526.617.821	(177.376.042.394)
5. Tăng/(giảm) dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm (Thuyết minh 18(a)) (*)	278.522.951.833	(189.884.669.103)
6. Tổng chi bồi thường và trả tiền bảo hiểm (6=1+2-3+4-5)	1.404.525.291.280	1.316.925.877.874

(*) Biến động dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 chủ yếu liên quan đến việc hoàn nhập dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc với số tiền là 249.480.000.000 Đồng và dự phòng nhượng tái bảo hiểm với số tiền là 242.282.772.000 đồng, đã lập liên quan đến vụ kiện bảo hiểm thân tàu mà bên được bảo hiểm đã rút đơn kiện và được Tòa án đình chỉ vụ kiện theo Quyết định số 303/2023/QĐST-KDTM đề ngày 16 tháng 3 năm 2023.

Mẫu số B 09 - DNPNT

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024

28 CHI HOA HỒNG BẢO HIỂM

	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
	2024 VND	2023 VND
Bảo hiểm xe cơ giới	100.119.887.056	91.889.016.444
Bảo hiểm tài sản và bảo hiểm thiệt hại	43.189.445.196	41.111.406.838
Bảo hiểm con người	48.830.010.370	42.830.003.046
Bảo hiểm cháy nổ	32.391.721.429	33.885.315.836
Bảo hiểm hàng hóa vận chuyển	8.720.364.659	9.095.708.510
Bảo hiểm thân tàu và P&I	3.959.109.517	2.538.999.154
Bảo hiểm trách nhiệm chung	1.160.429.820	1.038.110.718
Bảo hiểm hàng không	103.756.310	76.175.395
	<u>238.474.724.357</u>	<u>222.464.735.941</u>

29 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
	2024 VND	2023 VND
Lãi tiền gửi	196.516.205.009	233.624.497.478
Lãi đầu tư trái phiếu	26.865.351.425	24.856.849.317
Cổ tức, lợi nhuận được chia	14.932.232.500	15.760.682.428
Lãi từ chênh lệch tỷ giá	29.023.785.136	13.595.306.064
Lãi ủy thác đầu tư	6.685.450.951	8.000.000.000
Lãi từ hoạt động kinh doanh cổ phiếu	38.254.229.411	1.355.731.520
Doanh thu hoạt động tài chính khác	187.004.168	965.762.775
Doanh thu hoạt động tài chính phân bổ sang doanh thu khác hoạt động bảo hiểm (Thuyết minh 26(a)) (*)	(164.662.681.857)	(161.563.408.783)
	<u>147.801.576.743</u>	<u>136.595.420.799</u>

(*) Doanh thu hoạt động tài chính với số tiền là 164.662.681.857 Đồng (năm 2023: 161.563.408.783 Đồng) và chi phí hoạt động tài chính liên quan với số tiền là 55.410.183.582 Đồng (năm 2023: 37.257.419.917 Đồng) (Thuyết minh 30) thu được từ việc sử dụng nguồn vốn dự phòng nghiệp vụ được Tổng Công ty phân bổ trở lại cho nghiệp vụ bảo hiểm theo nguyên tắc phân bổ đã được Bộ Tài chính phê duyệt tại Công văn số 1924/BTC-QLBH ngày 13 tháng 2 năm 2018.

Mẫu số B 09 - DNPNT

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024

30 CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
	2024 VND	2023 VND
Chi phí lương bộ phận đầu tư	27.942.131.870	26.616.533.576
Lỗ từ chênh lệch tỷ giá	26.370.170.989	13.684.093.923
Chi phí lãi vay	15.189.286.633	7.166.911.776
Chi phí hoạt động ủy thác đầu tư	3.129.743.789	3.097.330.349
Lỗ bán chứng khoán kinh doanh	9.899.000.000	-
Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính	(13.496.997.629)	(4.108.446.244)
Chi phí hoạt động tài chính khác	379.515.127	111.944.475
Chi phí phân bổ lại từ chi phí quản lý doanh nghiệp (Thuyết minh 31)	22.099.696.254	22.188.715.196
Chi phí hoạt động tài chính phân bổ sang chi phí khác hoạt động bảo hiểm (Thuyết minh 26(b)) (*)	(55.410.183.582)	(37.257.419.917)
	<u>36.102.363.451</u>	<u>31.499.663.134</u>

31 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
	2024 VND	2023 VND
Chi phí nhân viên	397.713.217.701	327.259.048.925
Chi phí khấu hao TSCĐ	57.912.584.082	50.902.316.783
Chi phí đồ dùng văn phòng	26.081.224.154	24.623.974.879
Thuế, phí và lệ phí	21.980.665.232	17.685.997.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	118.102.461.601	106.620.251.032
Chi phí khác	67.435.580.878	73.814.995.070
Chi phí quản lý doanh nghiệp phân bổ sang chi phí tài chính (Thuyết minh 30) (*)	(22.099.696.254)	(22.188.715.196)
Chi phí quản lý doanh nghiệp phân bổ sang chi phí khác hoạt động bảo hiểm (Thuyết minh 26(b)) (*)	(9.582.547.101)	(9.824.446.492)
Chi phí quản lý doanh nghiệp phân bổ sang chi phí khác (Thuyết minh 32(b)) (*)	(1.749.295.135)	(1.925.174.021)
	<u>655.794.195.158</u>	<u>566.968.247.980</u>

(*) Trong năm, một phần chi phí quản lý doanh nghiệp chung không xác định được cụ thể, rõ ràng cho từng hoạt động, được phân bổ sang chi phí của hoạt động tái bảo hiểm, hoạt động đầu tư và hoạt động khác theo tỷ trọng doanh thu của từng nghiệp vụ nêu trên tổng doanh thu của Tổng Công ty theo nguyên tắc phân bổ đã được Bộ Tài chính phê duyệt tại Công văn số 1924/BTC-QLBH ngày 13 tháng 2 năm 2018.

Mẫu số B 09 - DNPNT

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024

32 THU NHẬP KHÁC/CHI PHÍ KHÁC

(a) Thu nhập khác

	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
	2024 VND	2023 VND
Thu nhập từ cho thuê văn phòng	16.266.704.570	14.976.859.562
Lãi từ thanh lý TSCĐ	1.477.563.788	8.499.958.238
Khác	6.988.750.648	2.392.531.906
	<u>24.733.019.006</u>	<u>25.869.349.706</u>

(b) Chi phí khác

	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
	2024 VND	2023 VND
Chi phí từ hoạt động cho thuê văn phòng	3.149.349.348	4.943.489.694
Lỗ từ thanh lý TSCĐ	100.203.385	4.119.502.467
Chi phí phân bổ lại từ chi phí quản lý doanh nghiệp (Thuyết minh 31)	1.749.295.135	1.925.174.021
Chi phí khác	101.101.802	63.688.555
	<u>5.099.949.670</u>	<u>11.051.854.737</u>

33 CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố thể hiện các chi phí phát sinh trong năm tài chính từ hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty. Chi tiết được trình bày như sau:

	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
	2024 VND	2023 VND
Chi phí nhân viên	779.833.879.062	657.593.866.502
Chi phí kinh doanh và khai thác bảo hiểm	408.688.485.110	454.993.893.692
Chi phí mua ngoài	118.102.461.601	106.620.251.032
Chi phí hội nghị, hội thảo, quảng cáo	59.789.857.906	44.912.926.441
Chi phí khấu hao TSCĐ	57.912.584.082	52.401.431.903
Chi phí đồ dùng văn phòng	26.081.224.154	24.626.540.812
Thuế, phí và lệ phí	21.980.665.232	17.685.997.000
Trích lập dự phòng phải thu khó đòi	2.578.670.282	5.619.841.966
Chi phí đóng góp các Quỹ bảo hiểm	9.427.128.211	9.955.392.292
Chi phí khác	16.045.144.168	34.161.349.609
	<u>1.500.440.099.808</u>	<u>1.408.571.491.249</u>

Mẫu số B 09 - DNPNT

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024

34 THUẾ TNDN

Số thuế TNDN trên lợi nhuận kế toán trước thuế của Tổng Công ty khác với số thuế khi được tính theo thuế suất phổ thông áp dụng 20% như sau:

	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
	2024 VND	2023 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	291.191.361.657	283.676.809.097
Thuế tính ở thuế suất 20%	58.238.272.331	56.735.361.819
Điều chỉnh:		
Thu nhập không chịu thuế	(4.012.792.619)	(3.341.714.167)
Chi phí không được khấu trừ	1.516.262.344	1.196.665.578
Dự phòng thiếu năm trước	3.209.114.370	-
Chi phí thuế TNDN (*)	<u>58.950.856.426</u>	<u>54.590.313.230</u>
Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:		
Thuế TNDN - hiện hành (Thuyết minh 14)	59.532.078.426	57.454.376.230
Thuế TNDN - hoãn lại	(581.222.000)	(2.864.063.000)
	<u>58.950.856.426</u>	<u>54.590.313.230</u>

(*) Chi phí thuế TNDN cho năm tài chính được ước tính dựa vào thu nhập chịu thuế và có thể có những điều chỉnh theo quyết toán, quyết định của cơ quan thuế.

Mẫu số B 09 - DNPNT

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024**

35 BÁO CÁO BỘ PHẬN

Hoạt động chính của Tổng Công ty là kinh doanh bảo hiểm. Hoạt động đầu tư tài chính là một phần của hoạt động kinh doanh bảo hiểm, chủ yếu được huy động từ nguồn vốn chủ sở hữu và nguồn vốn nhân rủi từ dự phòng nghiệp vụ của Tổng Công ty. Các khoản đầu tư vào các lĩnh vực kinh doanh khác không trọng yếu. Do đó, Ban Tổng Giám đốc đã đánh giá việc không lập báo cáo bộ phận là phù hợp với hoạt động kinh doanh hiện nay của Tổng Công ty.

Đối với báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý, Tổng Công ty chỉ hoạt động trong phạm vi lãnh thổ Việt Nam. Do vậy, Công ty không có bộ phận theo khu vực địa lý nào khác ngoài lãnh thổ Việt Nam.

36 CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CỦA TỔNG CÔNG TY

	Đơn vị	2024	2023
1. Cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn			
1.1 Cơ cấu tài sản			
- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	15,63	16,63
- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	84,37	83,37
1.2 Cơ cấu nguồn vốn			
- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	77,36	74,97
- Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	22,64	25,03
2. Khả năng thanh toán			
2.1 Khả năng thanh toán hiện hành	lần	1,29	1,33
2.2 Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	lần	1,10	1,12
2.3 Khả năng thanh toán nhanh	lần	0,66	0,68
Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm			
		2024	2023
3. Tỷ suất sinh lời			
3.1 Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu			
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/Doanh thu	%	8,11	8,37
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu	%	6,47	6,76
3.2 Tỷ suất lợi nhuận/Tổng tài sản			
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/Tổng tài sản	%	3,46	3,81
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	2,76	3,08
3.3 Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Nguồn vốn chủ sở hữu			
	%	12,18	12,29

Mẫu số B 09 - DNPNT

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024**

37 QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Tổng Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Tổng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và nợ phải trả.

Cấu trúc vốn của Tổng Công ty bao gồm vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối), và nợ phải trả.

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Tổng Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, nợ phải trả tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh 2.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ (*)	
	2024	2023
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	150.043.597.779	143.522.673.523
Phải thu ngắn hạn của khách hàng và phải thu ngắn hạn khác (*)	693.515.457.247	648.941.404.207
Phải thu dài hạn khác	33.937.087.279	24.087.649.504
Đầu tư tài chính ngắn hạn (*)	4.131.659.490.152	3.645.993.398.559
Đầu tư tài chính dài hạn	480.000.000.000	410.000.000.000
	5.489.155.632.457	4.872.545.125.793
Nợ tài chính		
Vay và nợ ngắn hạn	615.075.407.326	358.004.153.157
Phải trả người bán ngắn hạn và phải trả ngắn hạn khác	598.838.872.625	525.674.605.381
Phải trả dài hạn khác	2.017.627.300	1.900.213.300
	1.215.931.907.251	885.578.971.838

(*) Số liệu trước dự phòng

Tổng Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và phải trả tài chính tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và phải trả tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế.

Mẫu số B 09 - DNPNT

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024**

37 QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Tổng Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Tổng Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Tổng Công ty.

Các hoạt động của Tổng Công ty có thể chịu một số rủi ro bao gồm rủi ro bảo hiểm, thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Nhìn chung, các chính sách quản lý rủi ro của Tổng Công ty là nhằm giảm thiểu ảnh hưởng bất lợi tiềm tàng từ các rủi ro này đến kết quả hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty.

(a) Rủi ro bảo hiểm

Phân tích các giả định, thay đổi giả định và phân tích độ nhạy

Quy trình xây dựng các giả định nhằm đưa ra các ước tính với các kết quả khả thi nhất. Nguồn dữ liệu sử dụng như các thông số đầu vào cho các giả định được thu nhập nội bộ, dựa trên nghiên cứu chi tiết và được tiến hành đều đặn. Các giả định được kiểm tra để đảm bảo thống nhất với các thông tin có thể quan sát được. Các xu hướng hiện tại sẽ được nhấn mạnh nhiều hơn. Với trường hợp không có đủ thông tin trong quá khứ, các giả định thận trọng sẽ được sử dụng.

Bản chất của hoạt động kinh doanh bảo hiểm rất khó có thể dự đoán được chắc chắn kết quả của bất kỳ khoản yêu cầu bồi thường và chi phí cuối cùng. Dự phòng được tính dựa trên thông tin sẵn có. Từng yêu cầu bồi thường được đánh giá theo từng trường hợp có liên quan đến hoàn cảnh, thông tin có sẵn từ các tổn thất và bằng chứng quá khứ về các khiếu nại tương tự. Các trường hợp ước tính được xem xét thường xuyên và được cập nhật khi và chỉ khi thông tin mới phát sinh. Tác động của nhiều yếu tố ảnh hưởng đến chi phí cuối cùng của tổn thất rất khó để ước tính.

Cụ thể phương pháp trích lập dự phòng được trình bày trong Thuyết minh số 2.17.

Tổng Công ty khai thác các hợp đồng bảo hiểm phi nhân thọ như bảo hiểm hàng hóa vận chuyển, bảo hiểm kỹ thuật, bảo hiểm cháy nổ, bảo hiểm sức khỏe và con người, bảo hiểm trách nhiệm chung. Các rủi ro trong các hợp đồng bảo hiểm phi nhân thọ thường được bảo hiểm trong thời hạn mười hai (12) tháng.

Đối với các hợp đồng bảo hiểm phi nhân thọ, các rủi ro trọng yếu phát sinh từ thay đổi môi trường và thảm họa thiên nhiên. Việt Nam đã phải chịu tổn thất lớn như bão nhiệt đới, lũ sông, mưa bão và lở đất. Bão nhiệt đới dự kiến sẽ ảnh hưởng thường xuyên đến Việt Nam với mức độ nghiêm trọng ngày càng cao và tổn thất được bảo hiểm ngày càng lớn. Để đưa ra những biện pháp giảm thiểu rủi ro, Tổng Công ty đã thu xếp các hợp đồng tái bảo hiểm liên quan đến các loại hình bảo hiểm tài sản, xe cơ giới, vận chuyển hàng hóa và tàu thủy, đánh bắt cá để hạn chế các tổn thất do thảm họa gây ra nhằm tối thiểu hóa phần rủi ro giữ lại của Tổng Công ty.

Đối với các yêu cầu bồi thường chậm thông báo và có thời gian giải quyết trên một năm, có một rủi ro liên quan là rủi ro lạm phát. Rủi ro này không biến đổi đáng kể theo địa điểm, loại hình và ngành được bảo hiểm.

Mẫu số B 09 - DNPNT

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024**

37 QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(a) Rủi ro bảo hiểm (tiếp theo)

Rủi ro trên được giảm thiểu bằng việc đa dạng hóa sản phẩm, kênh phân phối sản phẩm và lựa chọn các sản phẩm có rủi ro thấp, theo đó các rủi ro sẽ được đa dạng hóa theo loại rủi ro và mức độ quyền lợi được bảo hiểm. Điều này có thể đạt được thông qua việc đa dạng hóa về các ngành. Hơn nữa, các chính sách đánh giá bồi thường nghiêm ngặt với các hợp đồng mới và đang còn hiệu lực, việc xem xét chi tiết, đều đặn các quy trình xử lý hợp đồng và việc điều tra thường xuyên các khoản bồi thường gian lận và tất cả quy trình và chính sách Công ty đang áp dụng để giảm thiểu rủi ro. Tổng Công ty cũng phát triển chính sách quản lý hoạt động và nhanh chóng giải quyết các khoản bồi thường, để giảm thiểu những rủi ro trong tương lai chưa được dự đoán có thể ảnh hưởng tiêu cực đến hoạt động kinh doanh. Rủi ro lạm phát cũng được giảm thiểu bằng việc xem xét yếu tố lạm phát khi ước tính các nghĩa vụ phải trả của các hợp đồng bảo hiểm.

Tổng Công ty cũng áp dụng số tiền bồi thường tối đa đối với một số trường hợp cụ thể, cũng như thu xếp tái bảo hiểm để hạn chế rủi ro với các sự kiện thảm họa (ví dụ như thiệt hại do bão, lũ).

Mục đích của các chiến lược cấp đơn và tái bảo hiểm là để giảm rủi ro với các thảm họa dựa trên độ thích ứng rủi ro của Tổng Công ty được quyết định bởi Hội đồng Quản trị. Hội đồng Quản trị có thể quyết định tăng hay giảm khả năng chịu đựng tối đa dựa trên các điều kiện thị trường và các nhân tố khác.

Quản lý vốn

Tổng Công ty ưu tiên duy trì nguồn vốn đủ mạnh để hỗ trợ cho sự phát triển trong kinh doanh và đảm bảo yêu cầu về vốn pháp định, cũng như các yêu cầu về Biên khả năng thanh toán theo quy định của các văn bản pháp luật liên quan. Bảng dưới đây nêu lên biên khả năng thanh toán tối thiểu và biên khả năng thanh toán của Tổng Công ty.

	Biên khả năng thanh toán	Biên khả năng thanh toán tối thiểu	Tỷ lệ biên khả năng thanh toán
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	1.404 tỷ đồng	771 tỷ đồng	181,93%
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	1.402 tỷ đồng	693 tỷ đồng	202,23%

(b) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro giá trị hợp lý hoặc lưu chuyển tiền tệ tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo sự biến động của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại rủi ro: rủi ro tiền tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro giá.

(i) Rủi ro tiền tệ

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái.

Nhằm đảm bảo nguồn ngoại tệ trong thanh toán bảo hiểm, Tổng Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Tổng Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Mẫu số B 09 - DNPNT

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024**

37 QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(b) Rủi ro thị trường (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ của các khoản tài sản và nợ phải trả có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ như sau:

	Tài sản		Nợ phải trả	
	31/12/2024 VND	31/12/2023 VND	31/12/2024 VND	31/12/2023 VND
Đô la Mỹ (USD)	105.621.409.221	173.994.793.318	137.511.744.573	151.903.026.795
Khác	5.441.435.761	27.167.576.748	4.348.007.587	16.678.779.925

Việc kinh doanh của Tổng Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của Đô la Mỹ.

Tỷ lệ thay đổi 5% được Ban Tổng Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Tổng Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 5% thay đổi của tỷ giá. Nếu tỷ giá các đồng ngoại tệ dưới đây so với Đồng Việt Nam tăng/giảm 5% thì lợi nhuận trước thuế trong năm của Tổng Công ty sẽ giảm/tăng (2023: tăng/giảm) các khoản tương ứng như sau:

	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
	2024 VND	2023 VND
Đô la Mỹ (USD)	1.539.845.359	1.104.588.326

(ii) Rủi ro về giá

Các cổ phiếu do Tổng Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Tổng Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư. Tổng Công ty đánh giá rủi ro về giá cổ phiếu là không đáng kể.

Tổng Công ty cũng chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công ty liên kết và các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào các đơn vị này như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư. Các khoản đầu tư nêu trên được nắm giữ không phải cho mục đích ngắn hạn mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Tổng Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này trong tương lai gần. Định kỳ, Tổng Công ty tiến hành rà soát và đánh giá các khoản đầu tư có chính sách cụ thể, đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật và hiệu quả đầu tư.

(iii) Rủi ro lãi suất

Tổng Công ty không phải chịu rủi ro về lãi suất vì tất cả các khoản vay của Tổng Công ty là ngắn hạn và có lãi suất cố định.

Mẫu số B 09 - DNPNT

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024**

37 QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(c) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Tổng Công ty. Tổng Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Tổng Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Đặc điểm hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty là bảo hiểm phi nhân thọ nên rủi ro tín dụng của Tổng Công ty tập trung vào các đối tượng khách hàng bảo hiểm gốc, tài bảo hiểm. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Tổng Công ty có khoản rủi ro tín dụng từ các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng đã quá hạn (Thuyết minh 7). Tổng Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng rủi ro tín dụng cho các khoản phải thu này.

(d) Rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Chính sách của Tổng Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Tổng Công ty duy trì đủ mức tiền và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của nợ phải trả tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Tổng Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Tổng Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở nợ phải trả và tài sản thuần.

Mẫu số B 09 - DNPNT

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024

37 QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(d) Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

	Tổng VND	Dưới 1 năm VND	Từ 1 đến 2 năm VND	Từ 2 đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024					
Tiền	150.043.597.779	150.043.597.779	-	-	-
Phải thu của khách hàng và phải thu khác	727.452.544.526	693.515.457.247	23.937.087.279	-	10.000.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	4.131.659.490.152	4.131.659.490.152	-	-	-
Đầu tư tài chính dài hạn	490.000.000.000	-	70.000.000.000	70.000.000.000	340.000.000.000
	5.489.155.632.457	4.975.218.545.178	93.937.087.279	70.000.000.000	350.000.000.000
Phải trả cho người bán và các khoản phải trả khác	600.856.499.925	598.838.872.625	2.017.627.300	-	-
Vay và nợ ngắn hạn	615.075.407.326	615.075.407.326	-	-	-
Tổng cộng	1.215.931.907.251	1.213.914.279.951	2.017.627.300	-	-
Chênh lệch thanh khoản thuần	4.273.223.725.206	3.761.304.265.227	91.919.459.979	70.000.000.000	350.000.000.000
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023					
Tiền	143.522.673.523	143.522.673.523	-	-	-
Phải thu của khách hàng và phải thu khác	673.029.053.711	648.941.404.207	14.087.649.504	-	10.000.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	3.645.993.398.559	3.645.993.398.559	-	-	-
Đầu tư tài chính dài hạn	410.000.000.000	-	30.000.000.000	50.000.000.000	330.000.000.000
Tổng cộng	4.872.545.125.793	4.438.457.476.289	44.087.649.504	50.000.000.000	340.000.000.000
Phải trả cho người bán và các khoản phải trả khác	527.574.818.681	525.674.605.381	1.900.213.300	-	-
Vay và nợ ngắn hạn	358.004.153.157	358.004.153.157	-	-	-
Tổng cộng	885.578.971.838	883.678.758.538	1.900.213.300	-	-
Chênh lệch thanh khoản thuần	3.986.966.153.955	3.554.778.717.751	42.187.436.204	50.000.000.000	340.000.000.000

62

Mẫu số B 09a - DNPNT

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024

38 GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Tổng Công ty có giao dịch chủ yếu với các bên liên quan sau:

Bên liên quan	Quan hệ
Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	Cổ đông lớn
Các đơn vị thành viên trong cùng Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	Công ty con, công ty liên kết của Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam
Samsung Fire and Marine Insurance Company Ltd	Cổ đông lớn
Công ty TNHH Bảo Hiểm Samsung Vina	Công ty con của Samsung Fire and Marine Insurance Company Ltd
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	Cổ đông lớn
Tổng Công ty Cổ phần Tái Bảo hiểm Quốc gia Việt Nam	Công ty có cùng nhân sự chủ chốt
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc	Nhân sự quản lý chủ chốt

(a) Giao dịch với các bên liên quan

	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
	2024 VND	2023 VND
i) Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam		
Doanh thu phí bảo hiểm gốc	358.177.153.010	362.275.426.115
Chi bồi thường bảo hiểm gốc	3.103.806.747	2.017.928.744
Cổ tức đã trả	45.410.400.000	54.492.480.000
ii) Các đơn vị thành viên trong Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam		
Doanh thu phí bảo hiểm gốc	244.548.113.722	237.869.352.221
Chi bồi thường bảo hiểm gốc	41.336.935.018	38.630.048.699
iii) Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam		
Doanh thu phí bảo hiểm gốc	86.945.416.975	73.581.808.743
Doanh thu tiền gửi	28.986.986.297	34.708.479.452
Chi phí hoa hồng môi giới hoạt động	6.801.815.951	6.226.060.905
Cổ tức đã trả	8.904.000.000	10.684.800.000
Trả nợ gốc vay	298.405.549.557	-
Nhận gốc vay	-	298.405.549.557
iv) Công ty TNHH Bảo Hiểm Samsung Vina		
Doanh thu phí đồng bảo hiểm	33.442.436.619	34.945.198.650
Chi bồi thường đồng bảo hiểm	550.658.663	7.795.207.253
v) Tổng Công ty Cổ phần Tái Bảo hiểm Quốc gia Việt Nam		
Phí nhượng tái bảo hiểm	103.612.178.900	79.888.428.119
Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	60.742.936.586	63.147.431.992
Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	46.288.871.061	51.624.596.602
Doanh thu khác từ nhượng tái bảo hiểm	235.238.093	52.550.579

63

Mẫu số B 09a - DNPNT

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024

38 GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

(a) Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)

		Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
		2024 VND	2023 VND
vi)	Thù lao, lương cho các nhân sự quản lý chủ chốt Hội đồng Quản trị		
	Ông Phạm Thanh Hải Chủ tịch	2.727.550.811	1.739.918.852
	Ông Nguyễn Mạnh Linh Thành viên (đến ngày 10/4/2024)	290.203.000	482.500.208
	Bà Trịnh Thị Quỳnh Hương Thành viên, kiêm nhiệm Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán (đến ngày 10/4/2024)	782.096.000	1.817.018.315
	Bà Trương Diệu Linh Thành viên, kiêm nhiệm thành viên Ủy ban Kiểm toán	510.010.286	558.767.208
	Ông Lee Jae Hoon Thành viên	430.810.286	460.167.208
	Bà Nguyễn Thị Hương Giang Thành viên	402.605.286	325.755.407
	Bà Trần Thị Bảo Ngọc Thành viên (từ ngày 10/4/2024)	117.170.315	-
	Bà Hà Kim Anh Thành viên (từ ngày 10/4/2024)	117.170.315	-
	Bà Lê Thị Lan Anh Thành viên (từ ngày 10/4/2024)	165.770.315	-
		<u>5.543.386.614</u>	<u>5.384.127.198</u>
	Ban Tổng Giám đốc		
	Bà Nguyễn Thị Hương Giang Tổng Giám đốc	2.431.982.240	2.857.447.053
	Ông Trần Anh Tuấn Phó Tổng Giám đốc	1.878.466.430	2.133.701.040
	Ông Bùi Hoài Giang Phó Tổng Giám đốc	1.907.766.430	1.860.751.040
	Ông Lê Thanh Đạt Phó Tổng Giám đốc	1.876.566.430	1.852.551.040
	Ông Bùi Văn Thảo Phó Tổng Giám đốc	1.754.583.430	1.025.089.197
	Ông Trần Hoài Nam Phó Tổng Giám đốc	1.749.069.430	1.028.847.197
	Bà Phạm Thu Hiền Kế toán trưởng (từ ngày 11/11/2023)	1.667.197.566	402.088.000
		<u>13.265.631.956</u>	<u>11.160.474.567</u>

Mẫu số B 09 – DNPNT

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024

38 GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

(b) Số dư cuối năm với các bên liên quan

		2024 VND	2023 VND
ii)	Tiền gửi có kỳ hạn Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	740.000.000.000	490.000.000.000
ii)	Các khoản phải thu ngắn hạn (Thuyết minh 5)		
	Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	22.089.828.108	21.079.497.754
	Các đơn vị thành viên trong Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	7.111.244.335	8.686.597.779
	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	7.425.440.000	15.534.496.799
	Công ty TNHH Bảo Hiểm Samsung Vina	793.165.710	6.702.171
	Tổng Công ty Cổ phần Tái Bảo hiểm Quốc gia Việt Nam	39.412.071.921	84.348.764.324
		<u>76.831.750.074</u>	<u>129.656.058.827</u>
iii)	Các khoản phải thu ngắn hạn khác		
	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	14.181.931.507	14.747.493.151
iv)	Vay ngắn hạn		
	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	-	298.405.549.557
v)	Các khoản phải trả ngắn hạn		
	Tổng Công ty Cổ phần Tái Bảo hiểm Quốc gia Việt Nam	44.946.253.766	126.715.680.530
	Công ty TNHH Bảo Hiểm Samsung Vina	3.197.820.470	2.455.987.136
		<u>48.144.074.236</u>	<u>129.171.667.666</u>

Mẫu số B 09 – DNPNT

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024

39 TỔNG HỢP TÌNH HÌNH BỒI THƯỜNG

	2020	2021	2022	2023	Tổng số
	Tỷ VND	Tỷ VND	Tỷ VND	Tỷ VND	Tỷ VND
I. Số ước tính chi bồi thường lũy kế Số ước tính chi bồi thường lũy kế đến 31 tháng 12 năm 2024 (1)	1.031	892	1.278	1.221	5.761
II. Số đã chi trả bồi thường lũy kế Năm 2020 Năm 2021 Năm 2022 Năm 2023 Năm 2024	(688) (236) (31) (40) (29)	(623) (209) (32) (16)	- - (809) (377) (33)	- - - (828) (298)	(688) (859) (1.049) (1.277) (1.288)
Số đã chi trả bồi thường lũy kế đến năm hiện tại (2)	(1.024)	(880)	(1.219)	(1.126)	(5.161)
III. Dự phòng bồi thường chưa giải quyết (3)=(1)-(2) (*) Dự phòng bồi thường chưa giải quyết cho các năm trước 2020 Tổng dự phòng bồi thường chưa giải quyết tại ngày cuối năm (*)	7	12	59	95	600
IV. Ước thặng dư hoặc thâm hụt dự phòng bồi thường (4)	40	18	12	(1)	68
V. Tỷ lệ % thặng dư hoặc thâm hụt dự phòng trên số ước tính chi bồi thường (5)=(4)/(1)	3.88%	2.02%	0.94%	-0.08%	1.18%

(*) Dự phòng bồi thường được trình bày trên cơ sở số thuận giữa dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm và dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm.

66

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024

Mẫu số B 09 – DNPNT

40 CAM KẾT VỐN

Các cam kết về chi tiêu tạo lập TSCĐ đã ký hợp đồng tại ngày của bảng cân đối kế toán nhưng chưa được hạch toán vào báo cáo tài chính như sau:

	2024 VND	2023 VND
TSCĐ hữu hình	37.431.551.207	28.626.851.710
TSCĐ vô hình	63.795.228.958	63.795.228.958
	101.226.780.165	92.422.080.668

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty phê chuẩn ngày 10 tháng 3 năm 2025.


Phan Anh Minh
Người lập


Phạm Thu Hiền
Kế toán trưởng


Nguyễn Thị Hương Giang
Người đại diện theo pháp luật/
Tổng Giám đốc

67



30 Năm

Tiếp bước **Tinh hoa**
Lan tỏa bền vững





TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM PETROLIMEX

ĐC: Tầng 21-22 Tòa nhà MIPEC, 229 Tây Sơn, Q. Đống Đa, Hà Nội

Email: pjico@petrolimex.com.vn

ĐT: 1900 54 54 55 - 024 3776 0867